

Chương VI

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

I. ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH TRÀ VINH LẦN THỨ IX VÀ X

1. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010 - 2015

Thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW, ngày 04/8/2009 của Bộ Chính trị “*về tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 33-KH/TU “*Thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng*”; tập trung chỉ đạo hoàn thành Đại hội Đảng bộ cấp cơ sở (từ ngày 18/3/2010 đến ngày 29/6/2010) và cấp trên trực tiếp cơ sở (từ ngày 19/7/2010 đến ngày 28/8/2010). Đồng thời, xây dựng văn kiện và thực hiện quy trình nhân sự Đại hội Đảng bộ tỉnh, thông qua Bộ Chính trị, Ban Bí thư vào ngày 23/8/2010.

Được sự đồng ý của Bộ Chính trị, từ ngày 04 đến ngày 05/10/2010, Đảng bộ tỉnh Trà Vinh tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010 - 2015. Đại hội có nhiệm vụ tiếp tục thảo luận đóng góp vào các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; thảo luận, kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII và đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị cho giai đoạn 5 năm 2011 - 2015; kiểm điểm sự lãnh đạo, điều hành của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IX và bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Dự và chỉ đạo Đại hội có Đại tướng Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an; đại diện lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương, Đảng ủy - Bộ tư lệnh Quân khu IX, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, cùng 315 đại biểu thay mặt cho hơn 32.000 đảng viên của Đảng bộ. Báo cáo Chính trị của Đại hội có chủ đề “*Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; đoàn kết các dân tộc; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển nhanh và bền vững, đưa Trà Vinh ra khỏi tình trạng tỉnh nghèo, kém phát triển*”.

Đại hội đánh giá: 05 năm qua, Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã phấn đấu, nỗ lực thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội VIII đề ra đạt nhiều kết quả quan trọng. Tổng sản phẩm nội địa (GDP) trên địa bàn tỉnh tăng bình quân 5 năm (2006 - 2010) đạt 11,64%/năm; các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển; chuyển dịch kinh tế đúng hướng; công tác lãnh đạo quản lý sản xuất, kinh doanh ngày càng phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa... Nhiều công trình, dự án kinh tế trọng điểm được triển khai. Lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển; công tác giáo dục - đào tạo được quan tâm chỉ đạo, chất lượng giáo dục - đào tạo từng bước được nâng lên; khoa học và công nghệ có nhiều tiến bộ. Những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc được phát huy; đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân được nâng lên. Các chính sách an sinh xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện tốt, góp phần đưa kinh tế - xã hội vùng có đông đồng bào Khmer và vùng có đông đồng bào theo đạo phát triển toàn diện, khởi đại đoàn kết dân tộc được phát huy. Quốc phòng - an ninh được củng cố, chính trị - xã hội ổn định. Công tác xây dựng chính quyền; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có bước chuyển biến tích cực. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng tiếp tục được coi trọng; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được củng cố và tăng cường. Cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*" được quan tâm chỉ đạo, đạt nhiều kết quả tích cực, đa số cán bộ, đảng viên qua học tập đã có sự chuyển biến tốt về nhận thức, ý thức rèn luyện tu dưỡng đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước dân; kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đạt được những kết quả nêu trên là do: Nghị quyết Đại hội X của Đảng, các Nghị quyết của Trung ương đúng đắn. Được sự quan tâm lãnh đạo của Trung ương, sự hỗ trợ, giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương. Những thành quả 25 năm đổi mới đất nước và tỉnh nhà đã tác động tích cực, động viên tinh thần Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh. Năng lực lãnh đạo, quản lý và điều hành của các cấp ủy, chính quyền được nâng lên; quá trình chỉ đạo, điều hành Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định được nhiệm vụ trọng tâm, tập trung dồn sức cho những nhiệm vụ đột phá, cấp bách; kịp thời giải quyết những vấn đề mới phát

sinh, nhất là những tình huống phức tạp. Sự đoàn kết, nhất trí cao trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy là yếu tố quyết định, là hạt nhân quan trọng để các ngành, các cấp và Nhân dân trong tỉnh đoàn kết quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, hoàn thành nhiệm vụ.

Đại hội cũng nhìn nhận trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII vẫn còn những hạn chế, yếu kém: Thời kỳ này Trà Vinh vẫn còn trong tình trạng kém phát triển so với các tỉnh trong khu vực. Kinh tế tăng khá nhưng chưa đạt chỉ tiêu Đại hội đề ra; các yếu tố bảo đảm chất lượng tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn nhiều hạn chế; hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu cho phát triển; công tác quy hoạch, quản lý thực hiện quy hoạch, quản lý đô thị còn nhiều yếu kém. Công nghiệp phát triển chậm, phân tán; ngân sách thu chưa đáp ứng yêu cầu chi. Nhiều vấn đề văn hóa - xã hội bức xúc giải quyết chậm; thu nhập và đời sống của một bộ phận dân cư còn thấp; trật tự an toàn xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp; chất lượng nguồn nhân lực thấp. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể còn nhiều mặt hạn chế. Chưa có sự chuyển biến mạnh trong cải cách hành chính; trình độ năng lực của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật chưa ngang tầm với nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

Những hạn chế, yếu kém trên là do: Vị trí địa lý của tỉnh không thuận lợi; xuất phát điểm thấp; địa chính trị phức tạp; thời tiết diễn biến bất thường; cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu tác động tiêu cực đến tình hình kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương. Năng lực sản xuất một số ngành có nâng lên, nhưng nhìn chung trình độ công nghệ, trang thiết bị, kết cấu hạ tầng vẫn còn lạc hậu so với yêu cầu. Thu nhập của một bộ phận Nhân dân thấp ảnh hưởng khả năng tích lũy để tái đầu tư phát triển. Trong lãnh đạo, điều hành của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh có một số vấn đề xử lý còn chậm, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp từng lúc thiếu đồng bộ. Một bộ phận cán bộ trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm kém. Tính năng động, sáng tạo, tự lực vươn lên của một số ngành, địa phương còn hạn chế. Kiểm tra, giám sát thiếu thường xuyên.

Phát biểu chỉ đạo Đại hội, Đại tướng Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an nhấn mạnh:

Một là, Trà Vinh cần tiếp tục đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, thủy lợi gắn với thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới, phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ đạt ít nhất có 20% số xã nông thôn mới. Có các giải pháp khắc phục một cách cơ bản tình trạng tạm bợ kéo dài về kết cấu hạ tầng và điều kiện nhà ở của đồng bào tại những vùng sâu, vùng còn khó khăn, thiếu thôn.

Hai là, đẩy mạnh việc tổ chức và nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất tiên bộ trong nông nghiệp; xây dựng vùng nông nghiệp tập trung ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghệ chế biến. Đồng thời, cần hết sức quan tâm đến phát triển công nghiệp và du lịch phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, trong đó coi trọng việc liên kết với các tỉnh trong vùng nhằm tạo động lực phát triển mới.

Ba là, tiếp tục chăm lo phát triển văn hoá - xã hội một cách toàn diện, quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường công tác chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, thực hiện tốt các chính sách xã hội, nhất là các đối tượng thuộc gia đình chính sách. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Bốn là, tập trung xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; đẩy mạnh việc "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*"; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng; phải thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, qua đó xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, trước hết là trong cấp ủy các cấp. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ có tâm, có tầm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, thật sự có uy tín và là tấm gương để quần chúng noi theo. Gắn công tác xây dựng Đảng với xây dựng các cơ quan nhà nước trong sạch vững mạnh, quản lý có hiệu lực, hiệu quả cao với xây dựng và phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ; tăng cường sự gắn bó giữa Đảng với Nhân dân, lòng tin của Nhân dân với Đảng.

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của đồng chí Lê Hồng Anh, ý kiến của đại biểu, Đại hội đề ra phương hướng giai đoạn 2011 - 2015: “*Tiếp tục điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với đặc điểm và điều kiện mới, nhằm khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực có chất lượng cao. Nâng cao hiệu quả các hoạt động đối ngoại, tích cực hội nhập quốc tế*”.

Tạo bước tiến rõ rệt về thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Tiếp tục giảm tỷ lệ hộ nghèo; nâng cao trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường chăm sóc sức khỏe Nhân dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đấu tranh chống hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường. Chủ động phòng tránh thiên tai.

Tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

Tiếp tục phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp; thực hiện có hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đổi mới nội dung phương thức, nâng cao vai trò vị thế và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

Nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ của cán bộ, đảng viên; làm tốt công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức gắn với đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng¹⁷⁰².

¹⁷⁰² Tỉnh ủy Trà Vinh: Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ IX (2010 - 2015), trang 43, 44.

Đại hội đề ra một số chỉ tiêu chủ yếu:

* **Kinh tế:** Tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng bình quân 14%/năm. Thu nhập bình quân đầu người vào năm 2015 đạt khoảng 34 triệu đồng/người/năm. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng gấp 02 lần so năm 2010; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 76.621 tỷ đồng.

* **Về xã hội:** Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm 1,1%; hàng năm tạo việc làm mới cho 20.000 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 45%; giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm 3%, vùng có đồng đồng bào Khmer 04%; số giường bệnh 18 giường/1 vạn dân, có 07 bác sĩ/1 vạn dân. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 12%; Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện đạt 98%, có 20 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn văn hóa, 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

* **Về môi trường:** 95% dân số nông thôn và 97% dân số thành thị sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh; tỷ lệ che phủ rừng đạt 50%.

* **Về quốc phòng - an ninh:** Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; trên 90% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh.

* **Về xây dựng hệ thống chính trị:** Hàng năm có 80% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh; 80% đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ; kết nạp 7.500 đảng viên; tập hợp quần chúng vào các tổ chức chính trị - xã hội đạt 85% dân số trong độ tuổi.

Để thực hiện phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu nêu trên, Đại hội xác định 5 nhóm nhiệm vụ và giải pháp

1. **Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, đưa nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững.**

2. **Phát triển mạnh mẽ giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, bảo vệ môi trường; phát triển văn hoá, đảm bảo an sinh xã hội.**

3. **Tăng cường quốc phòng - an ninh.**

4. **Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.**

5. **Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.**

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX gồm 47 đồng chí²⁰³. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí²⁰⁴. Đồng chí Trần Trí Dũng tiếp tục được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Thạch Hel, Dương Hoàng Nghĩa và Trần Khiêu được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí, bầu đồng chí Phan Trọng Nghĩa giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. Đại hội bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI gồm 15 đại biểu chính thức và 03 đại biểu dự khuyết.



Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ IX (nhiệm kỳ 2010 - 2015).

Ảnh: Báo Trà Vinh

Sau hai ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc, với tinh thần *trí tuệ, đoàn kết, dân chủ, tập trung*, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010 - 2015 đã hoàn thành toàn bộ chương trình, nội dung và đạt mục tiêu của Đại hội đề ra. Đại hội Đảng bộ tỉnh

²⁰³ Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX xem Phụ lục số 1.

²⁰⁴ Nữ 6 đồng chí chiếm 10,96%, dân tộc Khmer 6 đồng chí chiếm 10,96%.

lần thứ IX có ý nghĩa rất quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển về mọi mặt của tỉnh, nhằm đưa tỉnh nhà bước vào giai đoạn mới đó là giai đoạn phát triển nhanh và bền vững. Đây vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ có tính quyết định trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh nhà, phấn đấu đến năm 2015 rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các tỉnh và là một tỉnh phát triển trung bình khá trong khu vực, góp phần cùng cả nước tạo nền tảng đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng diễn ra tại Hà Nội từ ngày 12 đến ngày 19/01/2016, đồng chí Trần Trí Dũng, Bí thư Tỉnh ủy được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

Trong 3 ngày, từ ngày 28 - 30/8/2013, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, nhiệm kỳ 2010 - 2015, đánh giá kết quả 2,5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội và bàn các giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đến cuối nhiệm kỳ.

2. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 30/6/2014 của Bộ Chính trị về *"Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng"*, Đảng bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công đại hội cấp cơ sở và cấp trên cơ sở; triển khai các phong trào thi đua và nhiều công trình, hoạt động hướng về Đại hội X Đảng bộ tỉnh.

Sau một thời gian chuẩn bị công phu, nghiêm túc, từ ngày 14 đến ngày 16/10/2015, Đảng bộ tỉnh Trà Vinh tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ X (nhiệm kỳ 2015 - 2020). Đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương dự và chỉ đạo Đại hội; dự Đại hội còn có đại diện lãnh đạo các Ban Đảng Trung ương, Văn phòng Trung ương, các bộ, ngành, Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ, các Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và 344 đại biểu chính thức đại diện cho ý chí nguyện vọng của 38.864 đảng viên trong tỉnh.

Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IX nhiệm kỳ 2010 - 2015, đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng Đảng, phát

triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, thảo luận đóng góp các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa X (nhiệm kỳ 2015 - 2020) và bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Báo cáo Chính trị của Đại hội có chủ đề “*Tăng cường đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, trách nhiệm; xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; tiếp tục đổi mới; phấn đấu đưa Trà Vinh trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long*”.

Đại hội đã đánh giá: Kinh tế của tỉnh trong 05 năm qua đạt tốc độ tăng trưởng khá (11,53%); cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội gấp 03 lần giai đoạn 2006 - 2010. Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, một số công trình trọng điểm của Trung ương và tỉnh được hoàn thành, tạo điều kiện cho kinh tế - xã hội phát triển. Văn hóa - xã hội có những chuyển biến tích cực; cải cách hành chính được quan tâm thực hiện, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, điều hành của chính quyền được nâng lên. Quốc phòng được tăng cường, an ninh chính trị được giữ vững, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được đẩy mạnh, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên. Công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể có bước đổi mới, chất lượng hoạt động, các chính sách về dân tộc và tôn giáo được thực hiện tốt, khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường.

Đạt được những kết quả nêu trên là do: Có chủ trương, nghị quyết đúng đắn của Đảng; sự quan tâm của Trung ương, Bộ Chính trị; sự chỉ đạo, hỗ trợ có hiệu quả của Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh - thành bạn. Đảng bộ đã quán triệt, vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Trung ương, đề ra chương trình, kế hoạch sát hợp tình hình. Trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đã tập trung, quyết liệt, xác định được các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, các chương trình, dự án trọng điểm để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đội ngũ đảng viên; xây

dựng được sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, phát huy dân chủ trong Đảng, trong xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; tạo sự ổn định để mọi người dân và doanh nghiệp an tâm đầu tư sản xuất - kinh doanh. Sự nỗ lực phấn đấu cao của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể, của mỗi cán bộ, đảng viên; sự năng động, vượt khó của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong tỉnh.

Tuy nhiên, tăng trưởng GDP chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ; một số vấn đề bức xúc trên lĩnh vực văn hóa - xã hội tuy có chuyển biến nhưng còn chậm so với yêu cầu. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền có mặt còn hạn chế. Trật tự xã hội từng lúc, từng nơi có những diễn biến phức tạp. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng; trình độ, năng lực, ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu. Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể có đổi mới nhưng còn chậm.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém là do: Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và suy giảm kinh tế trong nước đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Thời tiết, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp; giá cả một số mặt hàng nông - thủy sản, vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất không ổn định, ảnh hưởng bất lợi cho người sản xuất. Điểm xuất phát của tỉnh thấp, nhu cầu đầu tư lớn trong khi nguồn vốn của Nhà nước, các doanh nghiệp và Nhân dân chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Hoạt động chống phá của các thế lực thù địch từng lúc, từng nơi có những diễn biến phức tạp đã tác động đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Công tác dự báo, xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình một số lĩnh vực chưa sát với tình hình thực tế và nguồn lực của địa phương, làm cho việc tổ chức thực hiện gặp khó khăn. Năng lực cụ thể hóa và lãnh đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết của một số cấp ủy Đảng, chính quyền còn hạn chế; sự phối hợp giữa các ngành, các cấp có mặt chưa tốt, còn biểu hiện chông chéo, đùn đẩy trách nhiệm; cái cách hành chính một số lĩnh vực chưa đạt yêu cầu. Chất lượng nguồn nhân lực thấp; trình độ, năng

lực, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Phát biểu chỉ đạo Đại hội, đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân nêu: Để bứt phá đi lên, phấn đấu trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Trà Vinh cần quan tâm một số vấn đề sau đây:

Một là, quán triệt các quan điểm lớn của Đảng, lấy phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, xây dựng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước để vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của tỉnh. Trên cơ sở dự báo tình hình thế giới, khu vực và trong nước, chủ động đề ra hệ thống giải pháp chiến lược về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tính toán, xác định các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của tỉnh, trong đó đặc biệt quan tâm đến bước đột phá trong khâu tổ chức thực hiện.

Hai là, cùng với sự nỗ lực phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, chú ý chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đặc biệt phải tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, chú trọng tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là những sản phẩm hàng hóa là thế mạnh của tỉnh, như: Lúa gạo, trái cây, thủy sản... Tập trung đẩy mạnh kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ, chuyển trọng tâm nền kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ với bước đi phù hợp, trong đó quan tâm phát triển công nghiệp theo hướng đa dạng hóa sản phẩm và sản phẩm công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao. Đẩy mạnh phát triển du lịch, phát huy lợi thế của tỉnh về du lịch sinh thái, du lịch biển, du lịch tâm linh, lễ hội, tạo chuyển biến rõ rệt về chất lượng sản phẩm du lịch, phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành đóng góp đáng kể cho kinh tế của tỉnh.

Tạo điều kiện để huy động cao nhất các nguồn lực đầu tư vào phát triển sản xuất, kinh doanh; xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng... là nhân tố quan trọng và là khâu then chốt để Trà Vinh phát triển nhanh và bền vững.

Ba là, tiếp tục phát triển quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đẩy mạnh công tác dạy nghề, chuẩn bị nguồn nhân lực cao đáp ứng nhu cầu lao động cho các khu kinh tế, khu công nghiệp của tỉnh; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thể thao, phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"*, gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, huy động tốt các nguồn lực để giảm nghèo bền vững; tăng cường cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người có công với cách mạng; quan tâm chăm sóc các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.

Bốn là, tỉnh có nhiều dân tộc và tôn giáo, vì vậy phải quán triệt và thực hiện tốt Kết luận số 67-KL/TW, ngày 14/3/2007 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chi thị 68 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) *"về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer"*, ra sức chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng. Tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, nhà ở, đất ở, đất sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục đồng bào các dân tộc, tín đồ các tôn giáo nhận thức rõ âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch, qua đó nâng cao tinh thần cảnh giác, chủ động phòng ngừa, đấu tranh kịp thời, có hiệu quả với các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, kích động gây chia rẽ giữa các dân tộc, tôn giáo, giữa Nhân dân với Đảng, chính quyền. Chăm lo công tác tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phát triển đảng viên là người dân tộc Khmer. Phát huy vai trò những người có uy tín trong đồng bào dân tộc, tôn giáo, trên cơ sở đó không ngừng củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh.

Năm là, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, không ngừng tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc; nâng cao chất lượng hoạt động và sức chiến đấu của lực lượng vũ trang, đập tan mọi âm mưu, hoạt động *diễn biến hòa bình*, chống phá của các thế lực thù địch; phát hiện và giải quyết kịp thời những tranh chấp,

mâu thuẫn, khiếu kiện ngay tại cơ sở, không để hình thành điểm nóng; đẩy lùi các tệ nạn xã hội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là vùng biển, vùng có đông bào dân tộc, tôn giáo.

*Sáu là, công tác xây dựng Đảng phải được thực hiện đồng bộ, chất lượng trên các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Căn cứ vào tình hình cụ thể của Đảng bộ, cần xác định rõ các trọng tâm phải thực hiện, chú ý việc nâng cao tính chủ động, tính chiến đấu của các tổ chức Đảng và đảng viên; nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*”, gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tự phê bình và phê bình chân thành, trong sáng; qua đó xây dựng khối đoàn kết thống nhất cao trong toàn Đảng bộ. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, có năng lực, gan bó, hết lòng phục vụ Nhân dân, chú trọng tăng tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, cấp ủy là nữ, là cán bộ dân tộc, cán bộ trẻ. Coi xây dựng nguồn nhân lực tương xứng với yêu cầu phát triển của địa phương là một giải pháp đột phá của Đảng bộ trong nhiệm kỳ tới.*

Công tác xây dựng Đảng phải gắn liền với xây dựng các cơ quan Nhà nước trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực, hiệu quả cao. Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp và nêu cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quản lý, điều hành, tham mưu, đề xuất chính sách và giải quyết thấu lý, đạt tình những vấn đề bức xúc của Nhân dân. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác giám sát, phản biện xã hội, đóng góp xây dựng Đảng, chính quyền, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy mọi nguồn lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân và ý kiến của đại biểu, Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu chủ yếu nhiệm kỳ 2015 - 2020:

Mục tiêu: Tăng cường đoàn kết trong Đảng bộ và cả hệ thống

chính trị; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy dân chủ trong Đảng, quyền làm chủ của Nhân dân, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong hệ thống chính trị và toàn xã hội; đề cao ý thức trách nhiệm, tinh tích cực, chủ động, sáng tạo, nỗ lực thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; tập trung xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp; tăng cường đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; tiếp tục đổi mới tư duy và hành động; huy động mọi nguồn lực và khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, phấn đấu đưa Trà Vinh trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Nhiệm vụ:

- Huy động tốt các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; đẩy nhanh thực hiện cơ cấu đồng bộ, tổng thể nền kinh tế của tỉnh gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tập trung cơ cấu lại kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại - dịch vụ - du lịch, nâng cao tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế.

- Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ; xây dựng văn hóa và con người Trà Vinh phát triển toàn diện; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân; thực hiện tốt chính sách đối với người có công, giải quyết việc làm, thực hiện giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội; tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh Nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình", bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng đội

ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ, năng lực, tinh thần trách nhiệm. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền và cơ quan tư pháp các cấp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; giải quyết kịp thời, có hiệu quả các khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Đòi hỏi công tác vận động quần chúng, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố, tăng cường sự đồng thuận xã hội. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, làm tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vững mạnh.

- Thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), gắn với thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị, xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

Đại hội đề ra các chỉ tiêu chủ yếu:

* *Kinh tế:* Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm 11-12%. Đến năm 2020, GRDP bình quân đầu người đạt 3.200 USD (tương đương 69,76 triệu đồng - tỷ giá quy đổi 21.800 đồng/1USD). Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm 70%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm đạt 32% GRDP. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 30%. Thu ngân sách tăng bình quân hàng năm 17%/năm.

* *Xã hội:* Đến năm 2020 tỷ lệ lao động nông nghiệp còn 40% trong tổng lao động xã hội. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%; trong đó: Có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%. Hàng năm tạo việc làm mới cho khoảng 22.000 lao động. Tỷ lệ thất nghiệp dưới 3%; 08 - 10 bác sĩ/1 vạn dân; 25 - 26 giường bệnh/1 vạn dân. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đạt 86,5% - 90%. Tỷ lệ giảm nghèo bình quân 2 - 2,5%/năm; trong vùng có đồng đồng bào Khmer 3 - 4%/năm; đến cuối năm 2020 còn dưới 5% hộ nghèo.

* *Môi trường:* Đến năm 2020, dân cư thành thị được sử dụng nước

sạch, hợp vệ sinh đạt 99%; dân cư nông thôn đạt 93%. Chất thải nguy hại được xử lý đạt 95 - 98%; chất thải rắn y tế được xử lý đạt 99 - 100%. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,6% diện tích tự nhiên (50 - 55% diện tích quy hoạch rừng).

* *Quốc phòng - an ninh*: Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Có 100% cơ quan, đơn vị vững mạnh về an ninh, trật tự. Có trên 95% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh.

* *Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị*: Hàng năm có 90% trở lên tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 50% trong sạch vững mạnh. Có trên 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết nạp 7.500 - 8.000 đảng viên. Tập hợp 85% dân số trong độ tuổi vào các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp.

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ và giải pháp nêu trên, Đại hội đề ra 11 nhóm giải pháp:

1. Tạo bước chuyển về cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và tính bền vững của nền kinh tế.

2. Phát triển văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ.

3. Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình; chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em; xây dựng gia đình hạnh phúc.

4. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

5. Giải quyết tốt các vấn đề lao động, việc làm, đảm bảo an sinh xã hội và quản lý phát triển xã hội.

6. Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

7. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

8. Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa.

9. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

10. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền, các cơ quan tư pháp; giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

11. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ.

Đại hội xác định 05 nhiệm vụ trọng tâm, đột phá gồm:

1. Tiếp tục cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị; nỗ lực chi đạo khắc phục những hạn chế, yếu kém sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình của cấp ủy các cấp. Tập trung xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.

2. Lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về “*Tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*”; xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn phù hợp, có phẩm chất đạo đức tốt, tận tâm, tận lực phục vụ Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Tập trung đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

3. Tập trung tái cơ cấu kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, đặc biệt là tái cơ cấu nông nghiệp, cải cách hành chính; tăng cường công tác xúc tiến mời gọi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp; đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch; nâng cao năng lực, sức cạnh tranh nền kinh tế.

4. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng Khu Kinh tế Định An, mời gọi đầu tư Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ hiện đại, xem đây là khâu đột phá để phát triển công nghiệp; tập trung xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo nhanh và bền vững. Xây dựng thành phố Trà Vinh trở thành đô thị loại II, văn minh - xanh - sạch - đẹp - hiện đại; phấn đấu xây dựng thị xã Duyên Hải trở thành đô thị loại III, thị trấn Cầu Quan lên đô thị loại IV.

5. Tập trung chi đạo giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, tăng cường quốc phòng - an ninh, đảm bảo ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; giữ vững môi trường ổn định để thu hút đầu tư và phát triển sản xuất.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa X gồm 51 đồng chí²⁰⁵. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành Đảng bộ đã bầu Ban Thường

²⁰⁵ Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X xem Phụ lục số 1.

vụ gồm 15 đồng chí. Đồng chí Trần Trí Dũng, Ủy viên Trung ương Đảng khóa XI, tiếp tục được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh ủy; các đồng chí Ngô Chí Cường, Sơn Thị Ánh Hồng và Đồng Văn Lâm được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy; bầu Ủy ban Kiểm tra gồm 11 đồng chí, bầu đồng chí Lê Thúy Kiều giữ chức Chủ nhiệm Kiểm tra Tỉnh ủy. Đại hội bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng gồm 15 đại biểu chính thức và 03 đại biểu dự khuyết.



Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Trà Vinh khoá X (nhiệm kỳ 2015 - 2020) ra mắt Đại hội. Ảnh: Báo Trà Vinh

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ X là Đại hội của “Dân chủ - Đoàn kết - Đổi mới - Trách nhiệm”, Đại hội đánh dấu một chặng đường phát triển mới sau hơn 20 năm tỉnh Trà Vinh được tái lập với những kết quả quan trọng. Kết quả của Đại hội thể hiện trí tuệ, niềm tin và khát vọng vươn lên mạnh mẽ của Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Trà Vinh; có ý nghĩa trong việc nhận định, đúc kết những bài học sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX; là cơ sở quan trọng để Đảng bộ, Nhân dân các dân tộc trong tỉnh vững tin và kỳ vọng mới trên con đường phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, phấn đấu đưa Trà Vinh trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng diễn ra tại Hà Nội từ ngày 20 đến ngày 28/01/2016, đồng chí Trần Trí Dũng, Ủy viên

Trung ương Đảng khoá XI, Bí thư Tỉnh ủy Trà Vinh khoá (XI), tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII.

Trong hai ngày 05 và 06/7/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức hội nghị Tỉnh ủy mở rộng sơ kết giữa nhiệm kỳ Đại hội X, đánh giá 2,5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội và xác định các giải pháp để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đến hết nhiệm kỳ Đại hội.

Giai đoạn 2011 - 2020, địa giới hành chính của tỉnh có một số thay đổi theo Nghị quyết của Chính phủ và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể:

+ Nghị quyết số 85/NQ-CP, ngày 08/6/2011 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính xã Long Khánh để thành lập thị trấn Long Thành (huyện Duyên Hải).

+ Nghị quyết 934/NQ/UBTVQH13, ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải để thành lập thị xã Duyên Hải và 02 phường thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Sau khi điều chỉnh, thị xã Duyên Hải có 17.710 ha diện tích tự nhiên và 56.000 nhân khẩu; có 7 đơn vị hành chính trực thuộc²⁰⁶; huyện Duyên Hải có 7 đơn vị hành chính trực thuộc²⁰⁷ và Huyện Trà Cú còn lại 17 đơn vị hành chính trực thuộc²⁰⁸.

Ngày 15/8/2015, tại huyện Duyên Hải, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lễ công bố Nghị quyết 934/NQ/UBTVQH13, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Như vậy, đến thời điểm tháng 8/2015, tỉnh Trà Vinh có 09 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm thành phố Trà Vinh, thị xã Duyên Hải và 07 huyện: Càng Long, Cầu Kè, Cầu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải, Tiểu Cần, Trà Cú.

²⁰⁶ Gồm Phường 1, Phường 2 và các xã: Dân Thành, Hiệp Thạnh, Long Hữu, Long Toàn, Trường Long Hòa.

²⁰⁷ Gồm thị trấn Long Thành và 06 xã: Đồn Châu, Đồn Xuân, Đông Hải, Long Khánh, Long Vĩnh, Ngũ Lạc.

²⁰⁸ Gồm 2 thị trấn: Trà Cú, Định An và 15 xã: An Quảng Hữu, Đại An, Định An, Hàm Giang, Hàm Tân, Kim Sơn, Long Hiệp, Lưu Nghiệp Anh, Ngãi Xuyên, Ngọc Biên, Phước Hưng, Tân Hiệp, Tân Sơn, Tập Sơn, Thanh Sơn.

Dân số trung bình của tỉnh đến năm 2020 có 1.09.940 người, tăng hơn so năm 2016 là 2.380 người (tăng 0,61%), trong đó dân số nam 497.045 người (chiếm 49,22%), dân số nữ 512.895 người (chiếm 50,78%); dân số thành thị 175.831 (chiếm 17,41%), dân số nông thôn 834.109 người (chiếm 82,59%)²⁰⁹.

II. TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

1. Kinh tế

Ngày 24/3/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 438/QĐ-TTg *Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020*. Sau hơn 07 năm thực hiện, ngày 31/10/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1443/QĐ-TTg *Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030* với mục tiêu: "*Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, khai thác tiềm năng, thế mạnh, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, phát triển kinh tế biển, du lịch, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phấn đấu đưa Trà Vinh trở thành tỉnh phát triển khá của vùng đồng bằng sông Cửu Long có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước đồng bộ, có tình liên kết với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong quá trình phát triển*".

Thực hiện Quyết định 438/QĐ-TTg, Quyết định 1443/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX và thứ X, tỉnh đã thực hiện quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu, chú trọng quy hoạch phát triển công nghiệp, dịch vụ; quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm, vùng chuyên canh. Sau khi Quốc hội khoá XIV ban hành Luật Quy hoạch²¹⁰; tỉnh đã thực hiện rà soát, bãi bỏ 14 quy hoạch²¹¹; triển khai lập Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2025,

²⁰⁹ *Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh năm 2020*; Nxb bán Thống kê năm 2021; trang 69, 70, 83.

²¹⁰ Luật số 21/2017/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

²¹¹ Theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 59 Luật Quy hoạch.

tầm nhìn đến năm 2050. Việc lập, thẩm định và quản lý quy hoạch từng bước được cải thiện, chất lượng nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng giai đoạn.

Ngày 17/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 11-CTr/TU “Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khoá XII) “về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế”. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo Chương trình hành động số 11-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh giai đoạn 2011 - 2020 luôn duy trì ở mức cao, đạt bình quân 9,56%, cao hơn mức trung bình của toàn khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long và mức trung bình cả nước (6,29%/năm). Cùng với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế, quy mô của nền kinh tế cũng tăng. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2020 đạt 63.269 tỷ đồng, theo giá hiện hành, cao gấp 2 lần năm 2010. Tổng sản phẩm bình quân đầu người (GRDP/người) năm 2016 đạt cao gấp 2,29 lần năm 2010, đạt khoảng 34,43 triệu đồng, đến năm 2020 đạt 62,567 triệu đồng/năm, tăng gấp 3,4 lần so với năm 2010 (18,55 triệu đồng).

Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2011 - 2020

Năm	2011	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tốc độ tăng trưởng kinh tế	5,66%	6,33%	12,32%	12,04%	8,93%	11,18%	2,87%

Tốc độ tăng trưởng các nhóm ngành

Năm	2011	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Nông - Lâm nghiệp - thủy sản	3,53%	2,92%	-9,84%	6,91%	7,06%	2,40%	-2,82%
Công nghiệp - Xây dựng	11,77%	20,24%	79,99%	30,27%	14,06%	24,48%	9,84%
Dịch vụ	5,65%	6,43%	8,30%	5,54%	6,97%	7,20%	1,74%

Tính toán từ số liệu Cục Thống kê tỉnh Trà Vinh

Ngành công nghiệp và xây dựng có tốc độ tăng trưởng cao, đạt tốc độ bình quân năm 29,59%, góp phần làm cho toàn nền kinh tế duy trì được tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn 2016 - 2020, từ việc đưa vào hoạt động 2 nhà máy nhiệt điện và nhà máy sản xuất điện gió, phản ánh tiềm năng phát triển năng lượng của tỉnh đã bắt đầu được phát huy trong giai đoạn 2016 - 2020.

Tuy nhiên, so với mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh về tăng trưởng GRDP (từ 11 - 12%) và mức GRDP bình quân đầu người (69,76 triệu đồng/người vào năm 2020) thì chưa đạt.

Cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng tích cực, khu vực nông - lâm - thủy sản năm 2010 chiếm 47,29% trong GRDP giảm xuống còn 32,07% vào năm 2020; khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ từ 52,17% năm 2010, tăng lên 67,93% năm 2020. Ngoài việc tái cơ cấu lại toàn bộ nền kinh tế, nội bộ từng ngành kinh tế cũng được cơ cấu. Cụ thể:

Cơ cấu giá trị sản xuất khu vực nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng: Tỷ trọng ngành thủy sản tăng dần, phù hợp với định hướng tái cơ cấu kinh tế của tỉnh và từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu. Tỷ trọng giá trị sản xuất ngành thủy sản tăng từ 28,7% năm 2010 lên 29,2% năm 2015 và 36,36% vào năm 2020. Ngành lâm nghiệp chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp (chiếm 1,65% năm 2020) nhưng có vai trò rất quan trọng; rừng phòng hộ được bảo vệ tốt, ngày càng phát huy tác dụng trong bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Sự chuyển dịch tích cực trong cơ cấu khu vực nông nghiệp là do ngành thủy sản tăng trưởng nhanh trong giai đoạn 2016 - 2020²¹², gấp 5,38 lần mức tăng trưởng chung toàn ngành nông nghiệp.

Mặc dù xu hướng chuyển dịch cơ cấu theo giá trị sản xuất của khu vực nông nghiệp là tích cực nhưng tốc độ chuyển dịch còn chậm. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp chưa có sự chuyển dịch đáng kể; tỷ trọng ngành trồng trọt vẫn còn ở mức cao (khoảng 70%), tỷ trọng ngành chăn nuôi ở mức 20,98%; dịch vụ nông nghiệp chỉ chiếm 9,7% (giảm so với năm 2010. Năm 2010 là 11,95%).

²¹² Tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 7,91% cao hơn giai đoạn 2011 - 2015, đạt 4,15%.

Khu vực công nghiệp, xây dựng tăng cao ở mức cao, do giai đoạn này tỉnh có thêm công nghiệp sản xuất điện (nhiệt điện, điện mặt trời) đi vào hoạt động; một số ngành công nghiệp chế biến cũng phát triển khá như: May mặc, bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô, túi xách các loại... Ngành xây dựng cũng tăng khá do có nhiều dự án được đầu tư vào tỉnh, đời sống của người dân được cải thiện nên nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà ở tăng cao.

Ngành công nghiệp, nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và nhóm ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện (chủ yếu sản xuất điện) là 02 nhóm ngành chính của tỉnh, trong đó, giá trị sản xuất ngành điện chiếm trên 50% giá trị sản xuất ngành công nghiệp. Một số ngành chế tạo mới hình thành hoặc có doanh nghiệp lớn đầu tư²¹³ đã khẳng định được vị thế, tiềm năng phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu. Ngành công nghiệp chế biến, nhất là chế biến nông, thủy sản phát triển chậm hơn các nhóm ngành trên do nguồn nguyên liệu thiếu ổn định, chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh. Ngoài ra, các ngành công nghiệp công nghệ cao như sản phẩm của Tập đoàn Mỹ Lan²¹⁴ khẳng định được tính hiệu quả, dần chiếm lĩnh thị trường, có nhiều tiềm năng phát triển, hướng đến phát triển công nghiệp 4.0.

Khu vực thương mại - dịch vụ tăng 6,78%, ngành dịch vụ phát triển khá, các lĩnh vực lưu trú, ăn uống, thông tin truyền thông, tài chính ngân hàng, vui chơi giải trí, giáo dục, y tế chất lượng cao ngày càng nhiều. Bên cạnh đó, thị trường hàng hoá trong tỉnh ngày càng phong phú, đa dạng, mạng lưới chợ, siêu thị, cửa hàng tiện lợi phát triển rộng khắp, tạo động lực cho toàn ngành dịch vụ phát triển. Cải tạo gắn với chuyển đổi mô hình quản lý chợ, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; phát triển thương mại điện tử, duy trì và phát huy hiệu quả sản giao dịch thương mại điện tử của tỉnh. Năng lực tài chính của các tổ chức tín dụng không ngừng phát triển, chất lượng tín dụng tăng lên; hoạt động du lịch có chuyển biến tích cực, đầu tư xây dựng một số khu, điểm du lịch có tiềm năng, lợi thế.

²¹³ Như: túi xách các loại, bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô, giày da và bộ phận của giày da, quần áo,...

²¹⁴ Như: hóa chất, các sản phẩm hóa chất, phân bón thông minh, hệ thống quan trắc thông minh,....

Cùng với tái cơ cấu lại nền kinh tế, một số lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế cũng được cơ cấu lại:

Tái cơ cấu đầu tư công: Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2011 - 2015 và 2016 - 2020 tuân thủ đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, các Nghị định của Chính phủ; việc bố trí vốn đầu tư đảm bảo theo thứ tự ưu tiên: Thanh toán nợ động xây dựng cơ bản; thu hồi các khoản ứng trước; đối ứng các dự án ODA, các dự án chuyển tiếp hoặc hoàn thành trong giai đoạn 2011 - 2014, giai đoạn 2016 - 2020 và các dự án khởi công mới. Việc bố trí kế hoạch vốn bảo đảm thực hiện tiết kiệm đầu tư. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý đầu tư, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương, tăng cường trách nhiệm của địa phương và chủ đầu tư. Đẩy mạnh thu hút đầu tư xã hội, nhất là đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 04 nghị quyết về danh mục dự án đầu tư theo hình thức PPP²¹⁵, với 60 dự án, tổng số vốn 11.529,042 tỷ đồng.

Cơ cấu lại hệ thống tín dụng: Tập trung thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, xử lý nợ xấu. Qua thực hiện, quy mô các tổ chức tín dụng tiếp tục tăng, năng lực tài chính được củng cố, chất lượng quản trị, điều hành các tổ chức tín dụng từng bước được nâng cao tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế; các chi nhánh Ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong toàn hệ thống, đáp ứng nguồn lực cho sản xuất kinh doanh, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Các Ngân hàng thương mại cổ phần đều được củng cố, chấn chỉnh toàn diện các mặt tài chính, quản trị, xử lý nợ xấu... Hoạt động của 16 Quỹ Tín dụng nhân dân ổn định, các chỉ tiêu hoạt động đều tăng trưởng²¹⁶. Theo dõi chặt chẽ, thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện các biện

²¹⁵ Gồm: Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08/12/2016; Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 12/4/2019; Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 12/7/2019.

²¹⁶ Đến 30/6/2020. Tổng nguồn vốn của 16 quỹ tín dụng nhân dân là 1.182 tỷ đồng (tăng 54%), trong đó vốn điều lệ 37 tỷ đồng (tăng 32,1%); huy động vốn 973 tỷ đồng (tăng 58,2%); dư nợ cho vay 866 tỷ đồng (tăng 34,1%).

pháp xử lý, kéo giảm nợ xấu, duy trì dưới mức cho phép của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (*tỷ lệ nợ xấu chiếm 1,25%/tổng dư nợ, trong mức cho phép 2%*).

Tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước: Chuyển 04 doanh nghiệp Nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên²¹⁷; cổ phần hóa 02 doanh nghiệp nhà nước, chuyển thành công ty cổ phần²¹⁸. Việc sắp xếp doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ²¹⁹ và các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành. Sau sắp xếp, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước trong giai đoạn 2016 - 2020 có sự tăng trưởng về doanh thu, thị trường, lợi nhuận và nộp ngân sách nhà nước; tình hình tài chính an toàn, khả năng sinh lời cao, khả năng thanh khoản tốt, bảo toàn được vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Các công ty sau cổ phần hóa hoạt động có hiệu quả hơn, tăng tính minh bạch; huy động được năng lực quản lý, điều hành của khối tư nhân, nhất là các cổ đông chiến lược, sự tham gia giám sát của các cổ đông và người lao động.

Sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện Đề án số 05/ĐA-TU của Tỉnh ủy²²⁰, đã sắp xếp, kiện toàn hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc: Trường Đại học Trà Vinh thực hiện tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư theo Quy định của Chính phủ đối với cơ sở giáo dục đại học; giảm 26 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc

²¹⁷ Gồm Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Trà Vinh; Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh; Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Trà Vinh; Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Trà Vinh.

²¹⁸ Gồm: Công ty Cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Trà Vinh.

²¹⁹ Quyết định số 1517 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp doanh nghiệp nhà nước; Quyết định 58 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020

²²⁰ Đề án 05/ĐA-TU ngày 21/6/2018 "về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Trà Vinh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban chấp hành TW Đảng (khóa XII),

sự nghiệp y tế; 48 đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo²²¹. Đến cuối năm 2020, số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh có 521 đơn vị²²²; hoàn thành chỉ tiêu giảm 10% so với biên chế Bộ Nội vụ giao năm 2015. Việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp, góp phần tiết kiệm chi ngân sách, số giảm chi do thay đổi, sắp xếp bộ máy khoảng 528,976 tỷ đồng; số giảm chi do tinh giản biên chế và nâng cao mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp khoảng 100,62 tỷ đồng.

Giai đoạn 2011 - 2020 trên địa bàn tỉnh, thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi xảy ra trên diện rộng và diễn biến phức tạp, đặc biệt năm 2016, hạn mặn gây ảnh hưởng và thiệt hại nặng cho sản xuất và đời sống Nhân dân, với tổng giá trị sản xuất bị thiệt hại là 1.130,54 tỷ đồng. Năm 2019, dịch tả heo Châu Phi gây thiệt hại khoảng 250 tỷ đồng. Năm 2020, tiếp tục xảy ra hạn mặn trên diện rộng, gây ảnh hưởng và thiệt hại cho sản xuất và đời sống²²³, tổng giá trị sản xuất bị thiệt hại khoảng 1.000 tỷ đồng. Tiếp đến là dịch Covid - 19 gây ra tình trạng ùn tắc, dư cung cục bộ và làm rớt giá nhiều mặt hàng nông sản như thanh long, nhãn, xoài, dưa hấu, cá lóc, cá tra....

Xác định nông nghiệp là lĩnh vực sản xuất đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế của tỉnh, ngày 15/9/2014, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 17-NQ/TU *"Về lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020"*. Ngày 03/11/2016 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU *"Về thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn tỉnh"*.

²²¹ Hoàn thành việc sáp nhập Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Trà Vinh, Trường Trung cấp Văn hoá Nghệ thuật - Thể thao vào Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh; hợp nhất 3 trung tâm: Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, Trung tâm Thông tin và Thông kê khoa học và công nghệ, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thành Trung tâm Thông tin và ứng dụng khoa học công nghệ. Thực hiện chuyển đổi 03 đơn vị sự nghiệp công lập, thành công ty công ty cổ phần theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ

²²² Có 33 đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên; 25 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và 463 đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên).

²²³ Với 21.900,54 ha lúa, 87,58 ha cây màu, 276,57 ha cây ăn trái; 11.550 hộ dân ở nông thôn thiếu nước sinh hoạt.

Tiếp đến ngày 27/12/2017, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 17-NQ/TU về “*Lãnh đạo phát triển một số cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến 2025*”.

Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Tỉnh ủy và quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các địa phương tập trung khắc phục kịp thời những khó khăn do hạn, mặn, dịch bệnh..., đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, phát triển cây, con giống mới và cơ giới hoá, đã góp phần cho ngành nông nghiệp tỉnh phát triển. Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2020 tăng 2,67%, trong đó nông nghiệp 0,94%; lâm nghiệp 4,24% và thủy sản đạt 6,01%.

Giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp giai đoạn 2010 - 2020
(Theo giá so sánh năm 2010)

Nội dung	2010	2015	2020	Tốc độ tăng trưởng bình quân 2011 - 2020 (%/năm)
Toàn ngành nông nghiệp	21.282	25.744	27.697	2,67
- Nông nghiệp	14967	17.953	16.445	0,94
- Lâm nghiệp	197	306	299	4,24
- Thủy sản	6.109	7.485	10.950	6,01

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Trà Vinh

Lĩnh vực trồng trọt: Tiếp tục là ngành sản xuất chính, chiếm tỷ trọng lớn về quy mô sản xuất, giá trị sản phẩm, giá trị xuất khẩu. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt năm 2020 (theo giá hiện hành) đạt 17.994 tỷ đồng, chiếm 69,32% trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực, nâng cao đời sống Nhân dân và sự phát triển kinh tế của tỉnh. Cơ cấu cây trồng từng bước có sự chuyển dịch phù hợp với lợi thế và điều kiện sản xuất của từng địa phương, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Giai đoạn 2011 - 2020, diện tích gieo trồng lúa giảm 30.905 ha (năm 2020, diện tích gieo trồng lúa đạt 205.114 ha), diện tích cây lâu năm đến năm 2020 là 42.409 ha, tăng hơn 9.425 ha so với năm 2010; giá trị sản xuất/01 ha đất trồng trọt năm

2020 đạt 139,2 triệu đồng/ha, tăng 22, 5 triệu đồng so năm 2016. Việc chuyển dịch trồng lúa sang trồng cây lâu năm và kết hợp nuôi thủy sản đã dẫn đến hiệu quả tính trên 1 ha tăng từ 1,2 - 7,8 lần so với trước khi chuyển đổi.

Cơ cấu giá trị sản xuất trồng trọt có sự thay đổi theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng những sản phẩm có lợi thế và giảm sản phẩm hiệu quả thấp, tỷ trọng của nhóm cây lương thực giảm từ 40,5% năm 2016 xuống 37,67% năm 2020, nhóm cây công nghiệp hàng năm giảm từ 9,9% xuống 8,17%, tỷ trọng của nhóm rau màu thực phẩm, cây ăn quả và cây công nghiệp lâu năm đều tăng từ 1 - 2%.



Cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp. Ảnh: Bá Thi

Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành trồng trọt có xu hướng tích cực là kết quả của quá trình thực hiện chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất và áp dụng khoa học - công nghệ theo hướng tiên tiến. Toàn tỉnh có 17.467 ha diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như: Sử dụng công nghệ tưới phun bán tự động 4.840 ha; ứng dụng công nghệ nhà lưới và thủy canh 6,55 ha; sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và hữu cơ 1.750 ha; nuôi thủy sản thâm canh và siêu thâm canh 10.880 ha, chiếm 4,71% diện tích sản xuất nông nghiệp.

Việc ứng dụng một số công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả đáng kể trong các lĩnh vực nuôi cấy mô, phối thực vật nhân cây giống sạch bệnh (đỉnh lãng lá nhỏ, dừa sáp,...), phân bón nano, hệ thống quan trắc - ứng dụng điện toán đám mây, hệ thống tưới nước tự động, bẫy côn trùng thông minh phục vụ công tác dự tính, dự báo sâu bệnh; trong công tác sản xuất giống đã hoàn chỉnh quy trình nuôi cấy phối dừa sáp với tỷ lệ sáp đạt 70%.

Thông qua các chương trình, dự án đã hỗ trợ đầu tư hơn 850 máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, thu hoạch và sau thu hoạch (*số tiền đầu tư hơn 300 tỷ đồng*); toàn tỉnh hiện có 103.742 máy móc thiết bị các loại²²⁴. Mức độ cơ giới hóa đối với các loại cây trồng, vật nuôi chính: (1) Cây lúa chủ động giải quyết gần 100% nhu cầu các khâu làm đất, bơm tát nước, tuốt lúa; 80% nhu cầu các khâu gieo sạ, phun thuốc, gặt lúa, vận chuyển và khoảng 40% nhu cầu sấy lúa, góp phần đáng kể trong việc kéo giảm tỷ lệ hao hụt từ 13% xuống còn dưới 10%, nâng cao năng suất, chất lượng lúa gạo; (2) Cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày: Đã chủ động khâu làm đất khoảng 50%, khoảng 70% nhu cầu các khâu phun thuốc, bơm tát nước và vận chuyển; khoảng 80% sử dụng máy móc để tách hạt; (3) Cây ăn quả và cây dừa làm đất khoảng 50%, khoảng 80% nhu cầu các khâu phun thuốc, bơm tát nước và vận chuyển; (4) Nuôi trồng và khai thác thủy sản đã chủ động giải quyết được 100% nhu cầu các khâu: Làm đất, bơm tát nước, quạt nước cho nuôi tôm công nghiệp và bán công nghiệp, khoảng 90% cho nhu cầu khai thác thủy hải sản trên địa bàn tỉnh²²⁵.

Diện tích sử dụng giống mới ngày càng mở rộng; xây dựng được một số mô hình hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, như: Xây dựng các điểm sản xuất lúa theo hình thức hợp tác, liên kết với diện tích 3.500 ha, có 6 doanh nghiệp hợp đồng tiêu thụ một số sản phẩm màu

²²⁴ Gồm 9.919 máy kéo các loại, 2.150 máy gieo sạ lúa, 12 máy cấy, 13.899 máy phun thuốc, 63.172 máy bơm nước, 360 máy gặt đập liên hợp, 203 máy gặt xếp dây, 10.115 máy tuốt lúa, 08 máy tách hạt bắp, 1.209 xe vận chuyển nông sản và 267 máy sấy nông sản.

²²⁵ Năm 2011, sử dụng cơ giới trong thu hoạch chỉ đạt 30-40%, sấy lúa 25-30%, gieo sạ, phun thuốc đạt khoảng 20%.

và cây công nghiệp ngắn ngày. Xây dựng và duy trì 26 nhãn hiệu nông sản. Trước ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, diện tích sản xuất lúa có chiều hướng giảm qua các năm và chuyển sang trồng các loại cây trồng khác và nuôi thủy sản, như: Chuyển từ diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng khác và kết hợp nuôi thủy sản được 18.361,95 ha, trong đó chuyển sang trồng cây hàng năm (*bắp, đậu phộng, rau, củ quả, trồng cỏ, mía, lác,...*) 9.722,69 ha; trồng cây lâu năm 4.369,97 ha²²⁶, sang nuôi thủy sản (*tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra, cá lóc...*) 4.269,29 ha; hiệu quả kinh tế tăng từ 1,22 đến 7,63 lần so với trước khi chuyển đổi.

Duy trì và phát triển một số vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn như vùng sản xuất lúa hàng hóa tập trung theo tiểu vùng ngọt và ngọt hoá. Sản xuất cây màu và cây công nghiệp ngắn ngày cũng đã hình thành được một số vùng chuyên canh tập trung, như: Cây lúa vùng sản xuất tập trung ở các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang; các loại cây màu chủ lực như bắp lai, ớt chỉ thiên, rau củ quả các loại, đậu phộng,... vùng sản xuất tập trung ở hầu hết các huyện, thị xã; các loại cây ăn trái chủ lực (*cam sành, bưởi, xoài, nhãn, thanh long ruột đỏ*) tập trung ở Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú và thành phố Trà Vinh.

Cây lúa, giai đoạn 2011 - 2020, diện tích lúa thu đông tăng lên, diện tích lúa vụ đông xuân và vụ mùa giảm. Sự thay đổi này phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu và năng suất lúa. Sản xuất lúa đã từng bước chuyển từ số lượng sang chất lượng, sản xuất lúa hàng hóa quy mô lớn, có hợp đồng bao tiêu sản phẩm. Đã hình thành được các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa tập trung, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trên thị trường, gồm 27 điểm sản xuất theo hình thức hợp tác liên kết "cánh đồng lớn" trên địa bàn các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú và Cầu Ngang. Vùng lúa hữu cơ tập trung tại hai huyện Châu Thành và Cầu Ngang. Vùng lúa sạch tập trung tại các huyện Châu Thành, Cầu Ngang, Trà Cú, Càng Long và Cầu Kè. Việc thực hiện các chương trình 3 giảm, 3 tăng đã và đang hình thành các vùng chuyên biệt trong sản xuất lúa.

²²⁶ Cây ăn trái như: cam sành, bưởi, thanh long ruột đỏ 2.278,76 ha, dứa 2.091,21 ha.

Cây lâu năm: diện tích và sản lượng cây ăn quả chủ lực và cây công nghiệp lâu năm đều tăng. Đây là sự thay đổi phù hợp với điều kiện đất đai và xu thế nhiệm vụ do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Năm 2020, tổng diện tích cây lâu năm đạt 42.048 ha, tổng sản lượng 587.653 tấn. Cây dừa hiện có 23.696 ha (chiếm 56,35% diện tích cây lâu năm), tăng trên 9.000 ha so với năm 2010, sản lượng dừa năm 2020 đạt 306 ngàn tấn, tăng 129 ngàn tấn so năm 2010, diện tích dừa đạt chứng nhận hữu cơ khoảng 1.250 ha, đang được các doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm²²⁷. Cây ăn quả được duy trì và phát triển cả về quy mô và chất lượng. Tổng diện tích trồng cây ăn quả năm 2020 tăng lên 18.351 ha (*chiếm 43,65% diện tích cây lâu năm*), trong đó nhiều diện tích đạt tiêu chuẩn VietGap²²⁸. Sản lượng và chất lượng cây ăn quả chủ lực, có lợi thế đều tăng²²⁹.

Các loại cây hàng năm như bắp, khoai, mì, mía đều có xu hướng giảm cả về diện tích và sản lượng; riêng diện tích các loại rau được duy trì và có xu hướng tăng vào năm 2020 (đạt 30.130 ha), năng suất rau duy trì ở mức khá (22,5 tấn/ha), sản lượng năm 2020 đạt 677.930 tấn (xấp xỉ bằng sản lượng các năm trước)

Ngành chăn nuôi giai đoạn 2011 - 2020 chiếm xấp xỉ 20% trong cơ cấu giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp với 4 loại vật nuôi chính là bò, heo, gia cầm và dê. Đến năm 2020, đàn bò 214.139 con, đàn dê 21.500 con, gia cầm 8,457 triệu con, đàn heo 193.260 con²³⁰; tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt 75 ngàn tấn²³¹. Đồng thời, cơ cấu lại phương thức tổ chức sản xuất và chuyển đổi cơ cấu giống từ hình thức nông hộ nhỏ lẻ sang hình thức trang trại tập trung và các hộ lớn, hộ chăn nuôi

²²⁷ Cây dừa tập trung ở các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú và thành phố Trà Vinh.

²²⁸ Các loại cây ăn trái chủ lực (*cam sành, bưởi, xoài, nhãn, thanh long ruột đỏ...*) tập trung ở các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú.

²²⁹ Cam 66,4 ngàn tấn, tăng 9,5 ngàn tấn; thanh long 10,7 ngàn tấn, tăng 3,2 ngàn tấn; bưởi 14,9 ngàn tấn, tăng 2,5 ngàn tấn; chuối 90,2 ngàn tấn, tăng 2,2 ngàn tấn.

²³⁰ So năm 2013, đàn bò tăng 81.423 con; đàn dê tăng 16.537 con; đàn gia cầm 3,17 triệu con; riêng đàn heo giảm 183.465 con

²³¹ Trong đó thịt heo hơi đạt 39.000 tấn, thịt gia cầm hơi đạt 17.000 tấn, thịt bò hơi 18.500 tấn; sản lượng thịt hơi các loại giảm 3.740 tấn so năm 2013.

chuyên nghiệp; các giống mới kết hợp với việc lai tạo nâng cao tầm vóc và chất lượng giống vật nuôi được quan tâm đầu tư²³², các tiến bộ kỹ thuật mới, sử dụng thức ăn chất lượng cao, quản lý chăn nuôi ngày càng tiến bộ hơn nên năng suất và chi phí chăn nuôi được cải thiện đáng kể, phù hợp với thị trường và điều kiện sản xuất của từng địa phương; các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, liên kết sản xuất, tiêu thụ²³³ bước đầu mang lại hiệu quả góp phần tăng thu nhập cho người chăn nuôi; triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách phát triển chăn nuôi nông hộ. Từng bước cơ cấu lại vùng chăn nuôi phù hợp với điều kiện sản xuất của từng vùng.

Kêu gọi được các doanh nghiệp đầu tư xây dựng lò giết mổ tập trung, nâng tổng số đến năm 2020, toàn tỉnh hiện có 15 lò giết mổ hoạt động²³⁴, các cơ sở giết mổ đều được đăng ký hoạt động, trang bị hệ thống giết mổ và xử lý ô nhiễm môi trường đúng theo tiêu chuẩn quy định. Quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt công tác giám sát, theo dõi, tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ nông dân thực hiện các biện pháp phòng, chống các dịch bệnh nguy hiểm cho đàn vật nuôi, nên đã kịp thời khống chế dịch cúm gia cầm và bệnh lở mồm long móng gia súc, đại chó và dịch tả heo Châu Phi. Đồng thời, tăng cường quản lý vật tư, thuốc thú y trong chăn nuôi, đặc biệt là tình hình sử dụng chất cấm nhằm bảo đảm sản phẩm chăn nuôi được sạch, góp phần bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng. Hàng năm, vận động và tổ chức vận động tiêm phòng hơn 8,7 triệu liều vaccine cho gia súc, gia cầm (*gia cầm 4,5 triệu liều*). Tăng cường kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật và thực hiện vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường trong chăn nuôi 02 đợt/năm để làm sạch môi trường, ngăn ngừa dịch bệnh phát sinh.

²³² Toàn tỉnh hiện có 04 đại lý kinh doanh tinh bột đông lạnh và khoảng 100 cơ sở hoạt động gieo tinh (cung cấp 80.000 - 100.000 liều/năm), có 55 hộ cơ sở nuôi 74 con bò đực giống và 51 hộ nuôi heo 137 con heo đực giống. 100% đàn heo trên địa bàn tỉnh là giống ngoại hoặc lai ngoại; đàn bò trên 97,12% sử dụng giống lai nhóm Zebu và 85% đàn cái thực hiện phương pháp gieo tinh nhân tạo, góp phần giảm khoảng 10% chi phí chăn nuôi, tăng hơn khoảng 10% trọng lượng và 5% tỷ lệ thịt xẻ, đã tiến hành biện pháp gieo tinh nhân tạo cho đàn dê.

²³³ Thực hiện 14 mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm với các Công ty đầu tư và bao tiêu sản phẩm.

²³⁴ Gồm: 11 cơ sở giết mổ heo, 4 cơ sở giết mổ gia cầm.

Ngày 02/8/2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị 38-CT/TU “Về việc tăng cường công tác trồng, quản lý và bảo vệ cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh”. Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, lĩnh vực lâm nghiệp đã có sự chuyển biến. Xây dựng và triển khai thực hiện trên 15 đề án, dự án, kế hoạch trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng. Rừng được chăm sóc quản lý, bảo vệ và phát triển tốt hơn, chất lượng ngày càng được nâng cao. Trồng mới 1.275 ha rừng tập trung, nâng tổng diện tích rừng toàn tỉnh là 9.177,67 ha, gồm rừng tự nhiên 2.922,03 ha; rừng trồng 6.255,64 ha²³⁵; tỷ lệ che phủ rừng đạt 3,95% (tăng 0,65% so với năm 2016) chủ yếu là rừng phòng hộ; trồng mới 1,61 triệu cây phân tán gỗ lớn, góp phần hạn chế xói lở, chắn gió, bảo vệ bờ biển, ổn định môi trường sinh thái cho sản xuất nông nghiệp. Giá trị sản xuất lâm nghiệp vẫn duy trì và được tăng trưởng hàng năm, năm 2020 là 299 tỷ đồng, tốc độ gia tăng giá trị sản xuất giai đoạn 2011 - 2020 đạt 4,26%/năm.

Tuy vậy, tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh chưa đạt mục tiêu trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (*mục tiêu đến năm 2020 tỷ lệ che phủ rừng đạt 4,6%*;) tỷ trọng giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp trong khu vực nông nghiệp của tỉnh còn nhỏ.

Thủy sản: Giá trị sản xuất ngành thủy sản trong giai đoạn 2011 - 2020 có sự tăng trưởng khá (bình quân năm đạt 6,01%), trong đó giai đoạn 2011 - 2015 tăng trưởng bình quân đạt 3,5%; giai đoạn 2016 - 2020 là 7,91%, tỷ trọng ngành thủy sản đã chiếm 36,36% trong cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh vào năm 2020. Thủy sản trong thời gian qua phát triển khá toàn diện trên cả 3 môi trường là ngọt, lợ, mặn và thực hiện cả nuôi trồng và khai thác. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại thủy sản và triển khai mạnh mẽ các chính sách phát triển, tăng cường giám sát và kiểm tra dịch bệnh, chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng, đặc biệt, tiếp tục đầu tư cơ bản hoàn thiện 21 dự án, công trình hạ tầng phục vụ nuôi thủy sản với diện tích 13.961,7 ha; đưa vào sử dụng Cảng cá Định An, Cảng cá Láng Chim, khu tránh trú bão của Cung Hầu, khu tránh bão Định An...

Về nuôi trồng: Rà soát và xây dựng quy hoạch vùng sản xuất và

²³⁵ Trong đó rừng trồng đã thành rừng 6.186,139 ha, rừng trồng chưa thành rừng 59,5 ha.

sản xuất giống thủy sản, xác định được các đối tượng nuôi chủ lực như: Tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra, cá lóc, nghêu...; điều chỉnh cơ cấu con nuôi, phát triển các vùng nuôi tập trung. Thông qua đầu tư hạ tầng, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển toàn diện ở 03 vùng mặn, lợ, ngọt, đa dạng hóa đối tượng và hình thức nuôi. Vận động nông dân chuyển đổi 6.677 ha nuôi thủy sản khác sang nuôi tôm thẻ chân trắng, nâng đến nay đạt 9.000 ha (năm 2010 chỉ có 34 ha); chuyển đổi hình thức nuôi từ quảng canh và quảng canh cải tiến sang nuôi thâm canh, bán thâm canh từ trên 9.000 ha năm 2015 đến cuối năm 2020 khoảng 11.000 ha²³⁶; duy trì được 5.750 ha diện tích nuôi tôm sinh thái kết hợp với trồng rừng tập trung chủ yếu ở huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải; lúa - thủy sản 5.600 ha tập trung ở các huyện Châu Thành, Cầu Ngang và Duyên Hải; diện tích nuôi cua biển tương đối ổn định trong giai đoạn 2011 - 2015, năm 2020 là 23.500 ha; diện tích nuôi nhuyễn thể có xu hướng giảm²³⁷. Diện tích và sản lượng nuôi trồng thủy sản tăng qua các năm, giai đoạn 2011 - 2016 bình quân tăng khoảng 2,35%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 tăng trên 10%/năm. Tổng sản lượng thủy sản nuôi (cả ngọt, mặn và lợ) tăng bình quân khoảng 6,33%/năm. Năm 2020 sản lượng đạt 152.927 tấn²³⁸, tăng gần 70 ngàn tấn so năm 2010.

Khai thác thủy hải sản: Triển khai chính sách khuyến khích đầu tư²³⁹, tạo điều kiện cho ngư dân tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi để nâng cấp, đóng mới và hiện đại hóa đội tàu, nâng cao năng lực khai thác hải sản xa bờ, từng bước cơ cấu lại đội tàu theo hướng giảm dần tàu có công

²³⁶ Trong đó nuôi tôm thâm canh mật độ cao khoảng 650 ha tập trung ở các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, Trà Cú và thị xã Duyên Hải, năng suất bình quân từ 50 - 70 tấn/ha.

²³⁷ Năm 2010 là 1.063 ha đến năm 2015 còn 752 ha và năm 2020 là 1.700 ha.

²³⁸ Cá 72.467 tấn chiếm 47,39%, tôm các loại 71.515 tấn chiếm 46,76%, còn lại là các loại thủy sản khác.

²³⁹ Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản; Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa. Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh về việc Quy định hỗ trợ đóng mới, cải hoán tàu cá khai thác hải sản xa bờ tỉnh Trà Vinh.

suất nhỏ khai thác ven bờ, tăng dần đội tàu có công suất lớn, đóng mới và cải hoán nâng công suất gần 70 tàu, lắp đặt các trang thiết bị hiện đại; cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, nhất là hệ thống dịch vụ đóng, sửa chữa tàu thuyền, bến cá, cảng cá, chợ thủy hải sản, hệ thống nhà máy chế biến gắn với vùng nguyên liệu, đáp ứng cho nhu cầu xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Tăng cường công tác khuyến ngư, nâng cao tay nghề cho ngư dân, kết hợp hài hòa giữa khai thác với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo; củng cố và phát triển các tổ, đội khai thác hải sản; thực hiện nghiêm các quy định về đánh bắt và truy xuất nguồn gốc thủy sản để sớm giải quyết vấn đề áp “thẻ vàng” của Liên minh Châu Âu (EC). Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 1.182 tàu, công suất tàu 145.380 CV (đánh bắt xa bờ 262 tàu, công suất 102.000 CV) tăng 60.520 CV; tàu đánh bắt xa bờ tăng 63 tàu và công suất tăng 48.561 CV²⁴⁰; Tổng sản lượng thủy sản khai thác năm 2020 đạt 89.800 tấn, tăng gần 18.500 tấn so với năm 2010. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện Cảng cá Định An và Khu neo đậu tránh trú bão Cửa Cung Hầu tạo điều kiện thuận lợi cho tàu thuyền cập bến để trao đổi hàng hoá và trú ẩn an toàn khi có bão. Giá trị sản xuất ngành thủy sản đạt 46.221 tỷ đồng, chiếm 34,67%/tổng giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp; tăng trưởng bình quân 6,9%/năm; sản lượng đạt 228.956 tấn, tăng 56.719 tấn so năm 2016 và 141.809 tấn so năm 2000.

Kinh tế biển ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tỉnh đã chú trọng phát huy tiềm năng, thế mạnh của biển và khu vực ven biển. Tập trung quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển các khu công nghiệp, du lịch; nâng cao hiệu quả nuôi trồng, đánh bắt hải sản... tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân. Đã đầu tư hoàn thành công trình Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu; đầu tư đưa dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải với công suất 4.400 MW và một số tuyến đường nội bộ Khu Kinh tế Định An vào vận hành; các dự án điện gió, điện mặt trời, nhiều công trình phục vụ cho phát triển nuôi trồng thủy hải sản được đầu tư phát huy hiệu quả.

²⁴⁰ Giảm 355 tàu so với năm 2010; giảm 08 tàu so năm 2015.

Tuy nhiên, hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho vùng sản xuất nông nghiệp tập trung chưa đồng bộ, chuyển dịch cơ cấu sản xuất còn chậm, việc tổ chức lại sản xuất ở một số địa phương chưa tốt, chưa liên kết thành chuỗi cung ứng sản phẩm; nhiều sản phẩm chưa có nhãn hiệu, thương hiệu và chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc. Chăn nuôi phát triển thiếu bền vững, quy mô đàn heo và sản lượng xuất chuồng giảm. Nuôi thủy sản phát triển khá, nhưng luôn đứng trước nguy cơ dịch bệnh, ô nhiễm môi trường. Chưa thu hút được doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg, ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về *Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020*, ngày 04/10/2011, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU “*Về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020*”. Sau 5 năm thực hiện, tỉnh đã huy động trên 3.000 tỷ đồng để thực hiện Chương trình (*đóng góp của Nhân dân khoảng 12%*), đã đầu tư 159 công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Đến cuối năm 2015, có 85 xã được phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới; có 23/85 xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới (chiếm 27,05%); 13 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí (15,3%); 49 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí (57,6%).

Từ kết quả thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU. Ngày 04/5/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 16-KH/TU “*Về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020*”. Thực hiện Kế hoạch của Tỉnh ủy, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai với quyết tâm chính trị cao của cả hệ thống chính trị, được sự hưởng ứng tích cực của người dân và đạt được nhiều kết quả: Tỉnh đã huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phục vụ dân sinh và phát triển sản xuất với nguồn vốn trên 2.944 tỷ đồng²⁴¹.

²⁴¹ Trong đó, ngân sách Trung ương 222,6 tỷ đồng, ngân sách địa phương 336,4 tỷ đồng, lồng ghép các chương trình 1.051,5 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp 191,1 tỷ đồng; vốn tín dụng 1.022 tỷ đồng, huy động sự đóng góp của Nhân dân 120,4 tỷ đồng.

Sản xuất phát triển, có nhiều mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao; đời sống Nhân dân được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng liên tục qua các năm²⁴², tăng gần 1,7 lần so năm 2015; cảnh quan, môi trường có nhiều khởi sắc theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp; an ninh, trật tự được bảo đảm; hệ thống chính trị được củng cố, tăng cường vững mạnh.

+ Ngày 22/3/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 312/QĐ-TTg công nhận huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 (*huyện nông thôn mới đầu tiên của tỉnh*) và Quyết định số 313/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ công nhận thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2018.

+ Ngày 25/3/2019, tỉnh tổ chức lễ đón nhận Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Vương Đình Huệ, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia Trung ương đã đến dự trao bằng công nhận huyện Tiểu Cần và thị xã Duyên Hải.



Ảnh: Sưu tầm

²⁴² Năm 2015 đạt 24,06 triệu đồng/người/năm, năm 2020 đạt 40 triệu đồng/người/năm,

+ Ngày 22/01/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 160/QĐ-TTg công nhận huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019.

+ Ngày 26/3/2021, Thủ tướng ban hành Quyết định số 452/QĐ-TTg công nhận huyện Càng Long đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020; và Quyết định số 454/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2020.

Đến cuối năm 2020, tỉnh đã có 70/85 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 82,4%), 90% số hộ, 75% số ấp đạt chuẩn nông thôn mới; 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 05 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Hoàn thành vượt mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

Ngày 19/6/2015, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TU về “*Lãnh đạo phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020*”, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 782/QĐ-UBND, ngày 26/4/2018, phê duyệt Đề án *Phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020*, đã tạo điều kiện cho ngành nghề ở nông thôn phát triển. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 15.880 cơ sở tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn (*tăng 2.190 cơ sở*), với 36.383 lao động (*tăng 9.526 lao động*), tạo ra giá trị sản hợng 3.273 tỷ đồng (*tăng 823,7 tỷ đồng*), tốc độ giá trị sản xuất tăng trung bình hàng năm 8,9%²⁴³. Bảo tồn và phát triển được 13 làng nghề²⁴⁴, với 4.397 hộ tham gia (*có 07 doanh nghiệp, 26 tổ hợp tác, 04 hợp tác xã*), các làng nghề duy trì và sản xuất ổn định, tổng doanh thu đạt 770,2 tỷ đồng, giải quyết khoảng 10.080 lao động, thu nhập bình quân từ 3 - 3,5 triệu đồng/người/tháng.

²⁴³ Gồm: 6.539 cơ sở chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; 40 cơ sở sản xuất hàng thủ công, mỹ nghệ; 4.693 cơ sở sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, cơ khí nhỏ...; 107 cơ sở sản xuất kinh doanh sinh vật cảnh; 5.971 cơ sở dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn

²⁴⁴ 02 làng nghề nông nghiệp, 06 làng nghề tiểu thủ công nghiệp; 05 làng nghề chế biến thực phẩm, với 3.482 cơ sở.

Ngày 27/9/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1905/QĐ-UBND về “*Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020*”. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 56 sản phẩm được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt sản phẩm OCOP, trong đó có 43 sản phẩm đạt 03 sao, 13 sản phẩm đạt 4 sao.

Cùng với xây dựng nông thôn mới, tỉnh đã chú trọng thực hiện nhiệm vụ đô thị hoá gắn với công nghiệp hoá. Giai đoạn 2011 - 2020, quá trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh diễn ra nhanh chóng.

+ Ngày 15/5/2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XIII ban hành Nghị quyết 934/NQ-UBTVQH13 *Về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải để thành lập thị xã Duyên Hải và 02 phường thuộc thị xã Duyên Hải tỉnh Trà Vinh.*

+ Ngày 05/02/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 241/QĐ-TTg *Về việc nâng loại đô thị thành phố Trà Vinh từ đô thị loại III lên đô thị loại II.*

Đến năm 2020, tỉnh có 09 đơn vị hành chính, trong đó có 12 đô thị gồm:

+ Thành phố Trà Vinh được công nhận đô thị loại II năm 2016. Thị xã Duyên Hải được công nhận đô thị loại IV vào năm 2013. Thị trấn Tiểu Cần mở rộng - đô thị loại IV được công nhận vào tháng 10/2020.

+ 09 thị trấn là đô thị loại V, gồm: thị trấn Càng Long, thị trấn Cầu Kè, thị trấn Châu Thành, thị trấn Tiểu Cần, thị trấn Cầu Quan (huyện Tiểu Cần), thị trấn Trà Cú, thị trấn Định An (huyện Trà Cú), thị trấn Cầu Ngang, thị trấn Mỹ Long (huyện Cầu Ngang) và thị trấn Long Thành (huyện Duyên Hải).

Dân số đô thị năm 2015 là 183.303 người tăng lên 247.143 người vào năm 2019; tỷ lệ đô thị hóa từ 17,71% tăng lên 24,49%.

Kết quả xây dựng nông thôn mới và đạt được những kết quả quan trọng, nhưng vẫn còn gặp nhiều khó khăn do nguồn vốn ngân sách Trung ương phân bổ chương trình còn hạn chế trong khi nhiều xã có

rất nhiều chỉ tiêu cần vốn hỗ trợ của Nhà nước. Một số chỉ tiêu tuy đạt nhưng tỷ lệ chưa cao hoặc thiếu bền vững như: Bảo hiểm y tế, môi trường, thu nhập, hộ nghèo; việc thực hiện liên kết trong sản xuất giữa doanh nghiệp và nông dân đã được hình thành nhưng vẫn còn thiếu tính bền vững; một bộ phận người dân còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Thực hiện đô thị hoá còn những bất cập, hệ thống các công trình hạ tầng văn hóa, thể thao, công viên cây xanh thiếu, tỷ lệ đạt thấp so với quy chuẩn. Nguồn lực của địa phương chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư hệ thống hạ tầng đô thị; tỷ lệ đô thị nhỏ (loại V) của tỉnh vẫn còn cao, chiếm 75% (Đồng bằng sông Cửu Long là 70% và cả nước là 72%); năm 2020, tỷ lệ đô thị hoá của tỉnh mới chỉ đạt 29,5%, thấp hơn mức trung bình cả nước (36,8%) và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (31,6%).

Ngày 23/01/2017, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU “về phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ tỉnh Trà Vinh đến năm 2020”. Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục phát triển, góp phần giải quyết việc làm và đóng góp lớn cho tăng trưởng của tỉnh, đặc biệt là ngành công nghiệp năng lượng. Tổng sản lượng sản xuất ngành công nghiệp năm 2020 đạt 44,163,7 tỷ đồng, tăng bình quân 23,5%/năm. Một số sản phẩm có giá trị tăng cao và thị trường ổn định, như: Điện sản xuất, điện thương phẩm, nước sinh hoạt, than hoạt tính, tôm đông lạnh, gạo xay xát, may mặc, than hoạt tính, bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô, một số mặt hàng thủ công mỹ nghệ... Tiếp tục đầu tư hạ tầng Khu Kinh tế Định An, đến cuối năm 2020, tỉnh có 01 Khu công nghiệp (Khu công nghiệp Long Đức), tỷ lệ lấp đầy 100%; thành lập 04/14 cụm công nghiệp được quy hoạch; phát triển 13 làng nghề. Toàn tỉnh có khoảng 10.700 cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đăng ký hoạt động.

Công tác khuyến công, hỗ trợ sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp được quan tâm thực hiện với trên 50 đề án hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến trong sản xuất và chế biến (vốn đầu tư gần 20 tỷ

đồng); tổ chức 03 cuộc bình chọn và cấp giấy chứng nhận nhằm tôn vinh các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; hỗ trợ 35 lượt doanh nghiệp, cơ sở đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn cấp khu vực và cấp quốc gia²⁴⁵; tư vấn cho 50 lượt cơ sở công nghiệp nông thôn về nhãn hiệu, bao bì, mã vạch, mã QR; hỗ trợ kinh phí 02 cơ sở công nghiệp nông thôn thiết kế bao bì sản phẩm và lập kế hoạch kinh doanh, quản trị sản xuất và marketing...

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tuy phát triển nhưng tỷ trọng các ngành chủ lực của tỉnh còn thấp; ngành công nghiệp chế biến nông sản có lợi thế gắn với thế mạnh nông nghiệp của tỉnh nhưng chưa phát triển, đặc biệt là công nghiệp chế biến thủy sản, công nghiệp hỗ trợ sản xuất các loại vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp. Các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quy hoạch nhưng chưa được đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng nên chưa hoạt động tốt và chưa thu hút được đầu tư. Hoạt động của các cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp hiệu quả chưa cao, mẫu mã, chất lượng hàng hóa chưa được cải tiến và nâng cao, thị trường tiêu thụ thiếu ổn định. Một số cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; các làng nghề còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn...

Ngày 13/6/2012, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 17-CTr/TU "Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW Hội nghị TW tư (khóa XI) "về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020". Thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tỉnh đã tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngày càng đa dạng, có sự lồng ghép, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ, ngân sách tỉnh và nguồn xã hội hoá, hệ thống kết cấu hạ tầng trong tỉnh từng bước phát triển, tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong đó:

²⁴⁵ Với kết quả có 165 lượt sản phẩm được cấp giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh; 18 lượt sản phẩm cấp khu vực và 02 lượt sản phẩm cấp quốc gia.

- Hạ tầng giao thông:

+ Ngày 16/5/2015, cầu Cổ Chiên thông xe. Đây là công trình có ý nghĩa quan trọng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đối với các tỉnh phía đông Đồng bằng sông Cửu Long (Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng), rút ngắn hành trình khoảng 70 km từ Trà Vinh đi thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ngày 20/01/2016, Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu thông luồng kỹ thuật. Đây là dự án trọng điểm của ngành giao thông vận tải và của tỉnh Trà Vinh, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền Tây Nam Bộ, là động lực thúc đẩy kinh tế biển trong khu vực phát triển.

+ Hoàn thành cảng nhập than cho tàu 30.000 tấn; hoàn thành nâng cấp sửa chữa Quốc lộ 60 (từ cầu Cổ Chiên đến ngã ba Bình Phú), nâng cấp quốc lộ 53 (đoạn Trà Vinh - Long Toàn). Triển khai xây dựng Bến cảng Tổng hợp Định An, cảng biển Trà Cú. Đầu tư nâng cấp, mở rộng 317,3 km đường tỉnh, đường huyện, đường đến trung tâm xã và 1.251 km đường nông thôn. Hoàn thành đưa vào sử dụng Tuyến đường số 01, số 02 và cầu C16, thi công Tuyến đường số 05 Khu Kinh tế Định An, với tổng chiều dài 18 km. Nâng cấp quốc lộ 53, 54; xây dựng đường tỉnh 915B; hạ tầng thiết yếu phục vụ vùng sản xuất cây ăn trái tập trung 02 huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh. Đến năm 2020, tổng chiều dài các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện 991,3 km, trong đó đường bê tông nhựa, láng nhựa 865,87 km đạt 83,7% và trên 5.500 km đường nông thôn; các tuyến quốc lộ cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hoá; các tuyến đường tỉnh, đường huyện đạt tiêu chuẩn từ cấp IV, cấp V; 61,7% cầu bê tông cốt thép đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, sử dụng tốt...

- Hạ tầng thủy lợi: Triển khai thực hiện 64 công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản...; một số công trình trọng điểm đưa vào sử dụng như: Công trình cống Bông Bót và Tân Dinh được khánh thành vào ngày 22/9/2020. Đây là 02 công trình thuộc Tiểu dự án kiểm soát nguồn nước, thích ứng biến đổi khí hậu vùng Nam Măng Thít, tổng kinh phí thực hiện trên 740 tỷ đồng.



Cống Bông Bót, huyện Cầu Kè. Ảnh: Suu tâm

Ngoài ra, còn nạo vét hệ thống các kênh trục, kênh 3/2, kênh Máy phốp - Ngã Hậu... Các địa phương tổ chức đào đắp, nạo vét hơn 3.000 công trình thủy lợi nội đồng. Đầu tư, nâng cấp hệ thống đê biển, đê sông được 104,05 km, từ đó đã cấp phối trở lên (đê biển 62,73 km, đê cửa sông với 41,32 km); đầu tư 9,5 km kè bảo vệ đê biển, 7,7 km đê bao ven sông và gia cố khắc phục sạt lở gần 5,7 km kè... Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng nhu cầu ngăn mặn, trữ ngọt và nguồn nước tưới tiêu khoảng 90% diện tích đất nông nghiệp, tăng 5% so với năm 2015.

- Hạ tầng điện và lưới điện phát triển nhanh:

+ Ngày 08/12/2012, khởi công xây dựng nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3, tổng diện tích 878,9ha, gồm hai tổ máy, tổng công suất lắp đặt 1.244MW, sản lượng điện sản xuất hàng năm 7,8 tỷ kwh. Tổng mức đầu tư là 28.463 tỷ đồng.

+ Ngày 18/01/2016, Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 đi vào vận hành thương mại; ngày 29/3/2017, Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 đi vào vận hành thương mại và đến ngày 29/4/2020, Nhà máy Duyên Hải 3 mở rộng đi vào vận hành thương mại. Tổng công suất 3.178 MW. Dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2 được khởi công xây dựng vào tháng 8/2016, quy mô: 2 x 660 MW, sử dụng công nghệ tua-bin ngưng hơi truyền thống, dự kiến sẽ hoàn thành vào đầu năm 2021.



Lễ khởi công xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Duyn Hải 3. Ảnh: Bá Thi

+ Ngày 19/01/2019, Dự án điện mặt trời Trung Nam được khởi công xây dựng, nhà máy có công suất 165 MWp; tổng vốn đầu tư 3.500 tỷ đồng, vận hành thương mại trong năm 2020.

+ Ngày 11/10/2020, tua - bin gió đầu tiên thuộc dự án Nhà máy điện gió Hàn Quốc - Trà Vinh được lắp đặt, dự án cung cấp lượng điện hơn 155 triệu KW/giờ hàng năm, cung cấp thêm nguồn năng lượng sạch và thân thiện với môi trường.

Cùng với việc đưa vào vận hành các nhà máy điện, nhiều công trình lưới điện đã và đang được đầu tư, như: Dự án cung cấp điện cho các hộ dân chưa có điện chủ yếu là đồng bào Khmer giai đoạn 3; các đường truyền tải điện²⁴⁶; Dự án cung cấp điện cho Cồn An Lộc, xã Hoà Tân, huyện Cầu Kè và Cồn Phụng, xã Long Hoà, huyện Châu Thành; 5 dự án điện gió với công suất 270 MW. Và đang triển khai nhiều công trình

²⁴⁶ Như: đường dây 500 kV Nhiệt điện Duyn Hải - Mỹ Tho; đường dây 220 kV Nhiệt điện Duyn Hải - Mỏ Cày; đường dây 110 kV trạm 220kV Trà Vinh - Cầu Kè; công trình trạm 110kV Long Đức và đường dây đấu nối; công trình trạm 110 kV Cầu Ngang.

khác²⁴⁷, bảo đảm cân đối điện phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất; phát triển mới 520,16 km đường dây trung thế, 1.766,77 km đường dây hạ thế, 2.900 trạm biến áp; 100% xã, phường, thị trấn và các vùng nông thôn trong tỉnh đều có điện lưới quốc gia; khắc phục, kéo giảm hộ sử dụng điện câu đười không đảm bảo an toàn; lắp đặt 604 công tơ điện hai chiều áp mái (công suất 9.389, 46 kWp); phát triển 18.012 hộ sử dụng điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 99%.

- *Hạ tầng đô thị được đầu tư*: Thực hiện dự án Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Trà Vinh, đã đầu tư nâng cấp các tuyến hẻm, hạ tầng phúc lợi xã hội, dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Trà Vinh. Nâng công suất cấp nước của các nhà máy cấp nước tại đô thị là 51.200 m³/ngày, đêm; tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99%. Trên 95% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và tập kết xử lý tập trung tại 03 nhà máy thuộc các huyện: Châu Thành, thị xã Duyên Hải và Trà Cú. Cây xanh đô thị được quan tâm trồng mới, quản lý, chăm sóc, góp phần vào mỹ quan, cảnh quan và môi trường đô thị; hệ thống giao thông tại các đô thị cơ bản đáp ứng được nhu cầu; hệ thống chiếu sáng đô thị được đầu tư, trên 90% các tuyến đường, trên 50% các tuyến hẻm thuộc đô thị được chiếu sáng; các khu công cộng, công viên, khu vui chơi, giải trí đô thị được chiếu sáng đạt tỷ lệ 100%.

- *Hạ tầng thương mại phát triển khá*, đa dạng các loại hình kinh doanh: Phát triển mới 02 trung tâm thương mại (*Vincom Plaza, GO Trà Vinh*); 07 siêu thị (*01 siêu thị chuyên doanh và 05 siêu thị tổng hợp*), 23 cửa hàng tiện lợi; 04 máy bán hàng tự động; 03 kho và 304 cửa hàng bán lẻ xăng dầu; 01 trạm chiết nạp và phân phối khí dầu mỏ hoá lỏng. Xây dựng mới 6 chợ, nâng cấp cải tạo 31 chợ²⁴⁸.

- *Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin*: Được đầu tư, xây dựng theo hướng hiện đại và đồng bộ. Đến năm 2020, 85/85 xã có điểm phục vụ

²⁴⁷ Công trình trạm biến áp 110 kV Trà Cú và đường dây 110kV Cầu kè - Trà Cú - Duyên Hải; công trình trạm biến áp 220kV Duyên Hải và đường dây đầu nối...

²⁴⁸ Với tổng vốn đầu tư gần 50 tỷ đồng, trong đó vốn từ ngân sách nhà nước 16,02 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp và hợp tác xã 32,23 tỷ đồng, vốn huy động khác 1,59 tỷ đồng;

bưu chính; 100% ấp, xóm có đường truyền Internet băng rộng cố định; 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng điện thoại 3G, 4G và cung cấp dịch vụ Internet, viễn thông; 100% xã đều có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành. Toàn tỉnh có 1.133 trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS), trong đó có trên 1.000 trạm 4G, đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền điện tử tỉnh Trà Vinh, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4, nâng cao mức độ sẵn sàng cho phát triển, đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Hệ thống các đài/trạm truyền thanh cơ sở được củng cố, tăng cường về cơ sở vật chất đảm bảo đúng số lượng theo quy định. Tỉnh hiện có 12 doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực bưu chính²⁴⁹.

Quan tâm đầu tư hệ thống cung cấp nước sinh hoạt như đầu tư hệ thống cấp nước đô thị Tiểu Cần - Cầu Quan; thị trấn Duyên Hải; một phần xã Hoà Tân - Châu Điền và thị trấn Cầu Kè. Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Trà Cú. Tỷ lệ cư dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,7%, tăng 19% so với năm 2015, trong đó tỷ lệ sử dụng nước sạch đạt 68%, tăng 16%; tỷ lệ dân cư thành thị được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99%, tăng 14,89%.

- *Hạ tầng văn hoá xã hội*: Đầu tư xây dựng bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải 50 giường, Bệnh viện Y dược cổ truyền 50 giường; xây dựng mới 17 trạm y tế; sửa chữa, cải tạo và nâng cấp 30 trạm y tế xã. Tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp đạt 85,7%; khởi công xây dựng mới sân vận động tỉnh; Quảng trường, Trung tâm Văn hoá - Thể thao thị xã Duyên Hải, huyện Tiểu Cần, Cầu Kè; Càng Long; Châu Thành; Khởi công xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh 700 giường.

Tuy nhiên, việc đầu tư kết cấu hạ tầng vẫn còn nhiều hạn chế, nhất là công tác chuẩn bị đầu tư chưa tốt; giải phóng mặt bằng còn nhiều vướng mắc, gây ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình, giải ngân vốn hàng năm thường chậm tiến độ.

Tốc độ tăng trưởng thương mại dịch vụ bình quân giai đoạn 2011

²⁴⁹ Gồm: 114 điểm phục vụ và 06 doanh nghiệp cung ứng dịch vụ viễn thông và 02 doanh nghiệp truyền hình cáp.

- 2020 là 14,39%²⁵⁰. Doanh thu bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng bình quân đầu người năm 2011 đạt 9,61 triệu đồng/người, năm 2015 đạt 18,56 triệu đồng/người và năm 2020 đạt 33,24 triệu đồng/người. Tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 18,2%/năm, giai đoạn 2016 -2020 đạt 12,7%. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đến cuối năm 2020 đạt 34.416 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân đạt 13,22%/năm.

Ngày 01/6/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 09-CT/TU về *"Tăng cường công tác đổi mới quản lý và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh"*. Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đã đầu tư nâng cấp, cải tạo gắn với chuyển đổi mô hình quản lý chợ, kêu gọi đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư và đưa vào sử dụng hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi. Đến năm 2020, tỉnh có 116 chợ, bình quân 1,1 chợ/xã, phường, thị trấn; 02 Trung tâm thương mại, 07 siêu thị và 23 cửa hàng tiện lợi; chuyển đổi 15 chợ sang mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý; thí điểm 01 mô hình chợ *"an toàn thực phẩm"*; 02 mô hình tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư nông nghiệp. Thương mại điện tử có bước phát triển khá. Sản giao dịch điện tử đi vào hoạt động; phối hợp Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số xây dựng và thực hiện Đề án *Hỗ trợ doanh nghiệp Trà Vinh xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng thương mại điện tử* cho 10 doanh nghiệp, đã có 179 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đăng ký tham gia sản và có hơn 500 sản phẩm được chào mua, chào bán²⁵¹; hỗ trợ doanh nghiệp tạo 110 tài khoản thành viên để giao dịch; xây dựng kênh thông tin thị trường nông, thủy sản trên sản giao dịch và cập nhật gần 50 lượt thông tin giá cả thị trường, 30 vùng nguyên liệu trái cây, nông sản, thủy sản và sản phẩm đặc trưng để doanh nghiệp cập nhật thông tin.

Các hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng cả về nội dung và hình thức; tổ chức 48 cuộc hội chợ triển lãm thương mại, 56 phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn, 25 cuộc hội nghị kết nối cung cầu - tiêu thụ sản phẩm nông - thủy sản,

²⁵⁰ Giai đoạn 2011 - 2015 là 16,38%; giai đoạn 2016 - 2020 là 12,42%.

²⁵¹ Trong đó có 44 doanh nghiệp trong tỉnh tham gia với 49 sản phẩm được giới thiệu.

22 cuộc kết nối thị trường nhằm quảng bá hình ảnh, giới thiệu sản phẩm đặc trưng, tiêu biểu với các tỉnh, thành bạn, tạo cơ hội giao thương, mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong tỉnh.

Ngày 04/6/2015, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 27-CT/TU về *"Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"*, thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU, các phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn được tổ chức thường xuyên; tham gia các hội chợ trong nước tổ chức, hỗ trợ các doanh nghiệp vay vốn thực hiện bình ổn giá. Công tác quản lý thị trường được quan tâm, đặc biệt là chống hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng; thị trường hàng hoá ổn định, đảm bảo cung ứng nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của Nhân dân, sức mua được cải thiện.

Ngày 02/6/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 48-KH/TU, thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về *"Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn"*; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 918/KH-UBND ngày 11/5/2018 về *"Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030"* đã tạo điều kiện cho du lịch sự phát triển. Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng một số công trình có quy mô lớn, như: Hạ tầng du lịch Biển Ba Động; mở rộng, nâng cấp hạ tầng điểm du lịch Khu di tích lịch sử Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh; đưa vào khai thác Khu tưởng niệm nữ anh hùng liệt sĩ Nguyễn Thị Út (Út Tịch) ở ấp Ngọc Hồ, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè. Thu hút các nguồn lực xã hội khoảng 1.000 tỷ đồng đầu tư các dự án du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, nhà hàng, khách sạn, homestay, điểm mua sắm, khi vui chơi, giải trí, vận chuyển khách,... tạo thêm sản phẩm, dịch vụ du lịch đáp ứng nhu cầu phục vụ khách du lịch. Phối hợp với các tỉnh: Long An - Tiền Giang - Đồng Tháp - Vĩnh Long - Bến Tre tổ chức thực hiện tốt chương trình liên kết, hợp tác phát triển du lịch; tham gia trên 20 sự kiện chung tại các sự kiện quảng bá du lịch trong nước tham gia quảng bá, xúc tiến chung nhằm xây dựng hình ảnh du lịch chung để thu hút khách du lịch.

Doanh thu và lượng khách du lịch tăng nhanh và ổn định qua từng

năm, trên địa bàn tỉnh có 140 cơ sở lưu trú du lịch²⁵² tương đương 1.700 phòng đạt chuẩn phục vụ khách du lịch; 09 nhà hàng đạt tiêu chuẩn kinh doanh ăn uống du lịch, 01 cơ sở đạt tiêu chuẩn kinh doanh mua sắm du lịch; 08 công ty lữ hành nội địa, 01 công ty lữ hành quốc tế. Tăng trưởng của ngành du lịch bình quân 8,59%/năm, trong đó khách du lịch tăng 26,59%, khách lưu trú tăng 26,79%. Doanh thu du lịch và các dịch vụ có liên quan, năm 2020 ước đạt 455,6 tỷ đồng (chiếm 0,7% trong GRDP). Tăng trưởng của toàn ngành dịch vụ bình quân 6,78%/năm.

Tuy nhiên, tốc độ phát triển thương mại, dịch vụ chậm và tỷ trọng trong GRDP dịch vụ khá thấp. Ngành thương mại dịch vụ chủ yếu vẫn là các ngành buôn bán lẻ, thương mại truyền thống; thương mại hiện đại, quy mô lớn như hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ đầu mối tuy có phát triển so với giai đoạn trước nhưng vẫn còn chậm; việc chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ chưa đạt yêu cầu; công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường còn nhiều khó khăn, bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra. Đóng góp của du lịch chỉ chiếm 0,7% GRDP của tỉnh (trong khi cả nước là khoảng 10% trong GDP).

Giai đoạn 2011 - 2020, lĩnh vực ngân sách nhà nước có sự thay đổi lớn, đó là việc áp dụng Luật Ngân sách nhà nước 2015 có hiệu lực từ năm tài khoá 2017 thay cho Luật Ngân sách nhà nước năm 2012. Theo đó, tăng cường phân cấp ngân sách, phát huy tính chủ động của ngân sách các cấp chính quyền địa phương trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, bổ sung các nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương. Công tác quản lý, điều hành ngân sách đảm bảo đúng quy định, chú trọng bồi dưỡng các nguồn thu, chống thất thu.

Nguồn thu ngân sách được duy trì và có mức tăng trưởng cao. Tổng thu ngân sách giai đoạn 2011 - 2016 đạt 23.361 tỷ đồng, tốc độ tăng thu bình quân 34,4%/năm. Trong đó thu nội địa đạt 7.937 tỷ đồng, chiếm 33,97% tổng thu ngân sách, các khoản thu để lại đạt 4.744 tỷ đồng, chiếm 20,3% và các khoản thu khác đạt 6.801 tỷ đồng, chiếm 29,11%

²⁵² Trong đó có 09 khách sạn 2 sao, 17 khách sạn 1 sao, 03 nhà khách, 03 Homestay và 108 nhà nghỉ.

tổng thu ngân sách. Giai đoạn 2017 - 2020, thu cân đối ngân sách trên địa bàn tăng trung bình 18%, chiếm tỷ trọng khá lớn trong GRDP của tỉnh (tăng từ 6,5% năm 2017 lên đến 8,4% năm 2019); ngay trong năm 2020, trong điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn do Đại dịch Covid - 19, tỷ lệ này vẫn đạt 8%, phản ánh nỗ lực của tỉnh trong việc huy động các nguồn thu vào ngân sách Nhà nước. Năm 2020, tổng thu ngân sách địa phương đạt 15.031 tỷ đồng, trong đó thu cân đối ngân sách trên địa bàn đạt 5.002 tỷ đồng²⁵³.

Tổng chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 - 2016 đạt khoảng 54.561 tỷ đồng, tốc độ tăng chi hàng năm khoảng 10,51% (*thấp hơn tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước*). Trong đó chi đầu tư phát triển năm 2016 đạt khoảng 19,06% so với tổng chi, tăng bình quân trong cả giai đoạn đạt khoảng 19,7%/năm; chi thường xuyên năm 2016 chiếm khoảng 53,63%²⁵⁴. Giai đoạn 2017 - 2020, tổng chi ngân sách đạt 47.878 tỷ đồng²⁵⁵. Chi cho đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu chi ngân sách nhà nước, tăng từ 30% năm 2017 lên 33%,4 năm 2020. Xu hướng tích cực này là do khả năng tiết kiệm chi thường xuyên thông qua nỗ lực cải cách hành chính và tinh giản biên chế; hiệu quả quản lý đầu tư công; thu hút được khu vực tư nhân thông qua các dự án PPP hoặc dự án đầu tư tư nhân trên địa bàn.

Thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt dự toán, nhưng nợ đọng thuế còn cao, cơ cấu nguồn thu của ngân sách địa phương chưa ổn định và bền vững, phụ thuộc rất lớn vào một vài khoản thu như: thu từ sản phẩm điện của Trung tâm Điện lực Duyên Hải, thuế thu nhập doanh nghiệp do Tổng Công ty phát điện 1 nộp phân bổ cho Công ty nhiệt điện Duyên Hải, thuế thu nhập cá nhân, thu tiền thuê đất, thu tiền sử

²⁵³ Thu từ khối doanh nghiệp 2.007 tỷ đồng, thu thuế, phí, lệ phí 1.325 tỷ đồng, thu xổ số kiến thiết và các loại thu khác 1.668 tỷ đồng, thu khác 2 tỷ đồng.

²⁵⁴ Các khoản chi thường xuyên chiếm tỷ lệ lớn là: chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề chiếm khoảng 41%; chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể chiếm 24,86%; chi sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hoá gia đình chiếm 11,77%; chi sự nghiệp kinh tế chiếm 11,06%.

²⁵⁵ Riêng năm 2020 chi đạt 14.568 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển 4.868 tỷ đồng, chiếm 33,4%; chi thường xuyên 5.694 tỷ đồng, chiếm 39,08%).

dụng đất, thu tiền sử dụng khu vực biển, thu từ xổ số kiến thiết... Hàng năm còn nhiều khoản thu chưa đạt dự toán như: Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, thu từ công thương nghiệp ngoài quốc doanh, lệ phí trước bạ, thuế môi trường...

Hệ thống ngân hàng phát triển nhanh, nhiều tổ chức tín dụng được thành lập và mở rộng trên địa bàn hoạt động đáp ứng nhu cầu tín dụng của Nhân dân và doanh nghiệp; toàn tỉnh có 105 điểm giao dịch của các tổ chức tín dụng (tăng 8 điểm so năm 2015), 105 máy ATM (tăng 20 máy), 245 máy POS (tăng 80 máy), 97% đơn vị hưởng lương từ ngân sách Nhà nước thực hiện việc chuyển trả lương qua tài khoản. Tổng nguồn vốn hoạt động và dư nợ tín dụng không ngừng tăng lên, hiệu quả tín dụng đối với nền kinh tế được cải thiện; các đối tượng cho vay được mở rộng, quy mô vốn đầu tư và hình thức cho vay linh hoạt hơn; cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là với các lĩnh vực ưu tiên. Đến năm 2020, tổng vốn hoạt động của các tổ chức tín dụng đạt 36.000 tỷ đồng, tăng 1,87 lần so với đầu năm 2016, tăng bình quân 17%/năm; tổng dư nợ cho vay 30.000 tỷ đồng, gấp 2,02 lần so với đầu năm 2016, dư nợ cho vay sản xuất kinh doanh luôn chiếm từ 80% trở lên; dư nợ cho vay tăng trưởng bình quân 14,5%/năm; nợ xấu duy trì dưới mức cho phép của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước là 2% trong tổng dư nợ. Công tác theo dõi hoạt động kinh doanh vàng bạc và ngoại tệ được chặt chẽ, thị trường vàng và ngoại tệ tiếp tục ổn định.

Ngày 17/10/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Công bố Quy hoạch chung xây dựng khu Kinh tế Định An, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030 theo Quyết định số 1513/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và tổ chức xúc tiến đầu tư. Dự lễ công bố có Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân; đại diện lãnh đạo các bộ, ngành Trung ương, lãnh đạo các tỉnh, thành trong khu vực, thành phố Hồ Chí Minh, hơn 90 nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Khu Kinh tế Định An có tổng diện tích tự nhiên là 39.020 ha, gồm đất tự nhiên của huyện Trà Cú và huyện Duyên Hải. Phía Bắc giáp tỉnh lộ 914 xã Long Hữu, Hiệp Thạnh (huyện Duyên Hải), Kim Sơn (huyện Trà Cú), phía Tây Nam giáp sông Hậu và cửa biển Định An, phía Nam

và Đông Nam giáp biển Đông với chiều dài bờ biển khoảng 42 Km. Đây là khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gồm công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông - lâm - ngư nghiệp với kinh tế biển; là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh Trà Vinh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là cửa ngõ giao thương hàng hải quốc tế và đầu mối giao thông quan trọng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Duyên Hải Nam bộ. Có vị trí chiến lược về an ninh - quốc phòng của vùng và quốc gia.

Ngày 24/4/2017, nhân kỷ niệm 25 năm Ngày tái lập tỉnh (5/1992 - 5/2017), tỉnh tổ chức Hội nghị Xúc tiến đầu tư vào Trà Vinh năm 2017, Hội nghị có sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, cùng 600 đại biểu đại diện các bộ ban ngành Trung ương, Lãnh đạo các tỉnh, thành phố trong nước; Lãnh sự, đại diện Lãnh sự quán nước ngoài tại Việt Nam, các tập đoàn kinh tế lớn nước ngoài chưa từng tham gia đầu tư ở Việt Nam và đã đầu tư thành công ở Việt Nam; các tập đoàn, nhà doanh nghiệp trong nước... và lãnh đạo các cấp, ngành, doanh nghiệp trong tỉnh tham dự. Tại hội nghị, lãnh đạo tỉnh đã trao giấy chứng nhận đầu tư và quyết định chủ trương đầu tư cho 06 dự án, với tổng vốn gần 5.500 tỷ đồng; và trao biên bản ghi nhớ 11 dự án cho các nhà đầu tư với tổng vốn hơn 2.000 tỷ đồng.

Tiếp đến, ngày 15/01/2020, trong các hoạt động kỷ niệm 120 năm thành lập tỉnh (01/01/1900 - 01/01/2020), tỉnh tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư với chủ đề "*Trà Vinh - Tiềm năng cơ hội đầu tư và phát triển*". Hội nghị có sự tham dự của đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh, cùng hơn 600 đại biểu. Tại hội nghị, tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư cho 05 dự án, tổng vốn 5.302 tỷ đồng; trao biên bản ghi nhớ 17 dự án trên các lĩnh vực: Nông nghiệp, khoa học công nghệ, điện khí, trung tâm logistics... với số vốn hàng chục nghìn tỷ đồng.

Ngoài 03 hội nghị xúc tiến đầu tư có tính chất quy mô được tổ chức tại tỉnh, tỉnh còn cử các đoàn đi xúc tiến đầu tư ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và ở nước ngoài, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, vùng lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc)..., tiếp hàng

trăm lượt các nhà đầu tư đến tìm cơ hội đầu tư. Đã thu hút được 324 dự án với số vốn đăng ký hơn 23.000 tỷ đồng và trên 400 triệu USD, trong đó có 35 dự án FDI, với tổng vốn đăng ký trên 500 triệu USD; huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 374 dự án còn hiệu lực, trong đó có 41 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 3,11 tỷ, trong đó có 254 dự án trong nước với vốn đăng ký 40.198 tỷ đồng và 19 dự án đầu tư ngoài nước với tổng vốn đăng ký 522,6 triệu USD, trong đó:

+ Trong khu kinh tế, khu công nghiệp có 01 dự án đầu tư của Trung ương với vốn đăng ký đầu tư 2,4 tỷ USD và 53 dự án, trong đó có 48 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký 11.607 tỷ đồng và 05 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký 313,98 triệu USD.

+ Ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp có 220 dự án, trong đó có 206 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký 28.591 tỷ đồng và 14 dự án nước ngoài với tổng vốn đăng ký 208,62 triệu USD.

Vốn đầu tư xã hội: trung bình cả giai đoạn 2011 - 2020 đạt khoảng 208 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 50,3% trong GRDP, tăng gấp 6 lần giai đoạn trước; bình quân hàng năm trên 20.000 tỷ đồng. Trong đó, khu vực Nhà nước đạt 64.796 tỷ đồng, chiếm 32,54%; khu vực ngoài nhà nước 37.000 tỷ đồng, chiếm 27,84%; khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài 29.000 tỷ đồng, chiếm 14,56%, còn lại là các nguồn vốn khác. Cơ cấu đầu tư có sự chuyển dịch theo hướng tích cực với tỷ trọng vốn đầu tư của khu vực ngoài nhà nước tăng mạnh từ 14,02% năm 2015 lên 36,80% vào năm 2020 và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng từ 5,84% lên 34,00%; khu vực nhà nước giảm mạnh tỷ trọng từ 80,14% xuống còn 29,20% vào năm 2020.

Cơ cấu vốn có sự chuyển dịch theo hướng tích cực: Giai đoạn 2016 - 2020 khu vực nông, lâm, thủy sản ước đạt 3.700 tỷ đồng, chiếm 3,13% tổng vốn đầu tư, bình quân hàng năm tăng 14,26%; Khu vực công nghiệp và xây dựng được đầu tư 72.689 tỷ đồng, chiếm 61,55%, tăng bình quân 4,94%/năm. Khu vực dịch vụ 41.712 tỷ đồng, chiếm 35,32%, tăng bình quân 5,62%/năm. Cơ cấu vốn đầu tư có sự dịch chuyển giữa các ngành kinh tế; tỷ trọng vốn đầu tư khu vực nông, lâm, thủy sản tăng từ 0,85% lên 3%, chiếm khá thấp so với các khu vực còn

lại, chủ yếu là vốn ngân sách nhà nước; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm từ 71,17% vào năm 2015 xuống còn 63% vào năm 2020²³⁶. Khu vực dịch vụ tăng từ 27,98% năm 2015 lên 34% vào năm 2020.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Chính phủ và Nghị quyết của Tỉnh ủy về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tỉnh đã tập trung thực hiện cải cách hành chính, đồng hành cùng doanh nghiệp, thiết lập đường dây nóng, thành lập Tổ tư vấn để kịp thời tiếp nhận, xử lý những vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp; từ năm 2018 đưa vào sử dụng Trung tâm phục vụ hành chính công với sự tham gia của 14 sở ngành tỉnh, đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Duy trì các hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc “cà phê doanh nghiệp” vào Thứ Bảy tuần thứ hai hàng tháng. Đã tổ chức gần 20 cuộc hội nghị gặp gỡ giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh; 15 buổi tọa đàm, 95 cuộc đối thoại nhằm thảo luận cung cấp kiến thức quản trị, điều hành doanh nghiệp và tạo sự gắn kết giữa doanh nghiệp với chính quyền trong giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.



Lãnh đạo tỉnh trao Giấy chứng nhận đầu tư cho các doanh nghiệp tại Hội nghị xúc tiến đầu tư nhân kỷ niệm 120 năm Ngày thành lập tỉnh.

Ảnh: Sưu tầm

²³⁶ Do năm 2015, tỉnh tập trung vốn xây dựng và đưa vào vận hành Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1, đẩy nhanh tiến độ xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3

Quan tâm công tác tuyên truyền, vận động phát triển doanh nghiệp, chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp. Các hoạt động hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp được quan tâm, ban hành Đề án và thành lập ban Chỉ đạo đề án hỗ trợ khởi nghiệp tinh Trà Vinh năm 2020 - 2022, định hướng năm 2025; hoàn thành và đưa vào vườn ươm doanh nghiệp từ tháng 5/2018, góp phần đưa số lượng doanh nghiệp của tỉnh không ngừng tăng lên với tốc độ trung bình 3,7%/năm trong giai đoạn 2011 - 2020. Đến năm 2020, có 2.037 doanh nghiệp; tổng số vốn đăng ký là 34.106 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho trên 108.200 lao động, tăng hơn giai đoạn trước 69,15% về số lượng doanh nghiệp và tăng 38,69% về tổng vốn đăng ký, trong đó doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tăng 16 doanh nghiệp, hiện có 41 doanh nghiệp FDI đang hoạt động ký (số vốn đăng ký 3,1 tỷ USD); có 72.500 hộ kinh doanh cá thể.

Số lượng doanh nghiệp tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015 - 2020

Đơn vị tính: cơ sở/doanh nghiệp

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số	1.230	1.417	1.460	1.591	1.843	2.037
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	4	7	33	45	20	70
- Công nghiệp	150	174	180	198	242	295
- Xây dựng	239	272	267	309	361	390
- Dịch vụ	837	964	980	1.039	1.220	1.282

Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Trà Vinh.

Với tổng số doanh nghiệp 2.037 doanh nghiệp, có 187 doanh nghiệp quy mô vốn từ 10 - 50 tỷ đồng (11,83%); 53 doanh nghiệp có quy mô vốn từ 50 - 200 tỷ đồng (3,3%); 11 doanh nghiệp có vốn từ 200 - 500 tỷ đồng (chiếm 0,69%); chỉ có 6 doanh nghiệp có quy mô trên 500 tỷ đồng; còn lại là doanh nghiệp có số vốn nhỏ dưới 10 tỷ đồng (chiếm 83,85%). Cho thấy số lượng doanh nghiệp của tỉnh tuy có phát triển nhưng số lượng còn ít và quy mô nhỏ.

Tỉnh đã ban hành và vận hành linh hoạt các chính sách hỗ trợ,

khuyến khích phát triển Hợp tác xã²⁵⁷. Thực hiện các cơ chế chính sách của tỉnh, kinh tế hợp tác, hợp tác xã có bước phát triển, đa kiện toàn tổ chức và loại hình hoạt động kinh doanh, hoàn thành sắp xếp, củng cố Hợp tác xã theo Luật hợp tác xã; xây dựng 13 hợp tác xã thí điểm kiểu mới. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 178 hợp tác xã²⁵⁸, với 28.315 thành viên, vốn điều lệ trên 169 tỷ đồng (*tăng 35 hợp tác xã, giảm 3.576 thành viên so năm 2015*). Có 100% Hợp tác xã đã chuyển đổi hoạt động đúng Luật Hợp tác xã năm 2012. Công tác củng cố và phát triển các loại hình kinh tế tập thể trong thời gian qua không những gia tăng lợi nhuận và hiệu quả đồng vốn cho thành viên, mà còn đóng góp tăng trưởng kinh tế của tỉnh, tỷ trọng đóng góp của khu vực kinh tế tập thể tăng dần qua các năm (*từ 0,05% năm 2015 tăng lên 0,07% năm 2019*). Bên cạnh đó, từng bước đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng của nông dân về sản xuất, kinh doanh; khắc phục được hạn chế do sản xuất manh mún, đơn lẻ; từng bước nâng tính cạnh tranh trong kinh tế thị trường. Một số hợp tác xã hoạt động có hiệu quả như: Hợp tác xã Nông nghiệp Rạch Lọp, Hợp tác xã Nhị Trường, Hợp tác xã Thành Công, Hợp tác xã Phú Mỹ Châu, Hợp tác xã Chín Táo... đã góp phần tạo công ăn việc làm, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, phát huy tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế nông thôn.

Ngày 15/8/2017, Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 18-CTr/TU *“Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Trung ương về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”*, chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện các văn bản đã được ban hành gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, nhằm phấn đấu thực hiện đạt chỉ tiêu số lượng doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ và kế hoạch của

²⁵⁷ Như: Kế hoạch số 42-KH/TU, ngày 31/7/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *“Thực hiện Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Hội nghị TW 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”*; Quyết định số 04/2017-UBND ngày 05/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh *Quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 - 2020* và các Nghị quyết của HĐND như: Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2017; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 04/5/2018.

²⁵⁸ Trong đó có 129 Hợp tác xã nông nghiệp đang hoạt động, 33 HTX phi nông nghiệp và 16 Quỹ tín dụng.

tỉnh (*phần đầu đến năm 2020, toàn tỉnh có 4.000 doanh nghiệp*). Từ đó, kinh tế tư nhân đã đóng góp lớn vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Giai đoạn 2017 - 2019, tỷ lệ đóng góp vào tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh của kinh tế tư nhân đạt khoảng 9,3%²⁵⁹; hàng năm tổng giá trị thu ngân sách của các doanh nghiệp đều tăng lên đạt 11.021 tỷ đồng²⁶⁰, chiếm 29,6% tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 1,441 tỷ USD²⁶¹, với ba nhóm ngành hàng xuất khẩu chủ yếu là công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp, nông sản và thủy sản.

Số lượng doanh nghiệp tuy có tăng, nhưng tỷ lệ doanh nghiệp so với dân số bình quân còn thấp, trung bình chỉ đạt 500 người/doanh nghiệp (cả nước là 140); phần lớn doanh nghiệp là doanh nghiệp vừa và nhỏ, thiết bị công nghệ lạc hậu, khả năng cạnh tranh yếu. Hầu hết các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh hoạt động quy mô nhỏ, mức vốn bình quân thấp, năng lực sản xuất còn hạn chế, chất lượng sản phẩm thấp, sức cạnh tranh chưa cao, chưa xây dựng được nhiều nhãn hiệu, thương hiệu, truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, chưa tạo được sự liên kết giữa các hợp tác xã với nhau, giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp, lợi ích thành viên chưa được nâng cao, chưa thực sự tạo sức hút đối với thành viên và các tầng lớp xã hội. Đa số các hợp tác xã đều không có tài sản thế chấp nên việc vay vốn các tổ chức tín dụng còn gặp nhiều khó khăn.

Chú trọng thực hiện các hoạt động hợp tác, liên kết phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh, thành bạn, nhất là thực hiện Quyết định số 593/QĐ/-TTg, ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ *Thí điểm liên kết phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 - 2020*, Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ *Về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*, đã ký kết "Tầm nhìn chiến lược liên kết phát triển bền vững tiểu vùng duyên hải phía Đông Đồng bằng sông Cửu Long (gồm 4 tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh và Vĩnh Long)" và Chương trình hợp tác với thành phố Hà Nội.

²⁵⁹ Số liệu giai đoạn 2017 - 2018.

²⁶⁰ Năm 2017: 3.119 tỷ đồng; Năm 2018: 3.790 tỷ đồng; Năm 2019: 4.111 tỷ đồng.

²⁶¹ Năm 2017 đạt 550 triệu USD; Năm 2018 đạt 560,62 triệu USD; Năm 2019 giảm nhẹ, đạt 331 triệu USD.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2011 - 2015 đạt 420 triệu USD, (tăng 3,12 lần so giai đoạn 2006 - 2010) và giai đoạn 2016 - 2020 đạt trên 2.444 triệu USD (tăng gần 6 lần so với giai đoạn 2011 - 2015). Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp, thủy sản chiếm chủ yếu trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, trong đó tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp tăng nhanh từ 54,1% năm 2010 lên 77,9% năm 2010; tỷ trọng các mặt hàng thủy sản từ 44,5% năm 2010 còn 20,5% năm 2014. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của tỉnh là gạo, tôm đông, cá đông, các sản phẩm từ cây dứa, giày da, bộ truyền dẫn điện dùng trong ô tô..., thị trường xuất khẩu được mở rộng (*Nhật Bản, Trung Quốc, Anh, Pháp, Thái Lan, Các Tiểu Vương quốc Ả Rập...*), Giá trị xuất khẩu tăng qua các năm. Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid - 19 nên xuất khẩu hàng hóa bị ảnh hưởng nghiêm trọng, giá trị xuất khẩu chỉ đạt 425 triệu USD.

Năm 2020, kim ngạch nhập khẩu của tỉnh đạt 293 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2020 đạt 29,3% (*giai đoạn 2011 - 2015 đạt 45,25%, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 11,8%*). Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu để phục vụ sản xuất và công nghiệp chế biến, dược phẩm, gồm: tư liệu sản xuất (máy móc, nguyên, nhiên, vật liệu) chiếm tỷ trọng trên 80% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó nguyên, nhiên liệu chiếm trên 70%.

2. Văn hóa - xã hội

Ngày 19/8/2014, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 43-CTr/TU về *"Thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) "về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước"*; chỉ đạo Trường Đại học Trà Vinh tổ chức Hội thảo *"Từ những đặc trưng tính cách người Nam bộ, suy nghĩ về đặc trưng tính cách người Trà Vinh"* làm cơ sở cho học cho việc định hướng xây dựng và phát triển văn hóa, con người Trà Vinh phát triển toàn diện; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh; góp phần xây dựng cơ chế, chính sách và đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa; từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các khu vực dân cư và các giai tầng xã hội; phát triển hài hòa giữa kinh tế và

văn hóa. Các hoạt động kỷ niệm, tuyên truyền, cổ động chính trị được tổ chức có hiệu quả, đa dạng, đảm bảo phục vụ tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị, đậm đà bản sắc dân tộc, luôn gắn với giáo dục lòng yêu nước, truyền thống lịch sử cách mạng của đất nước, dân tộc, của Đảng bộ và quân, dân tỉnh nhà, đồng thời đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao và đa dạng của Nhân dân.

Ngày 26/4/2012, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm 37 năm Ngày giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc, 112 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và kỷ niệm 20 năm Ngày tái lập tỉnh (5/1992 - 5/2012). Dự lễ có đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, các đồng chí Nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương, Quý mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân và hơn 12.000 đại biểu đại diện các sở ban ngành tỉnh, các huyện, thành phố và Nhân dân trong tỉnh về dự. Tại buổi lễ, đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, thay mặt Đảng, Nhà nước phát biểu và trao tặng Huân chương Độc lập hạng nhất cho Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Trà Vinh.



Đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, trao Huân chương Độc lập Hạng nhất cho Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Trà Vinh. Ảnh: Bá Thi

Tối ngày 23/4/2017, tỉnh tổ chức kỷ niệm 25 năm tái lập tỉnh (5/1992 - 5/2017), 42 năm Ngày giải phóng Trà Vinh, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2017) và tối ngày 14/01/2020, tỉnh tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 120 năm thành lập tỉnh (01/01/1900 - 01/01/2020). Dự lễ có đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các đồng chí nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước qua các thời kỳ; các đồng chí ủy viên Trung ương Đảng, lãnh đạo các Bộ, ban, ngành Trung ương; lãnh đạo các tỉnh, thành phố; lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; quý mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; các đồng chí nguyên lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ; lãnh đạo các sở, ngành tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, chức sắc các tôn giáo, cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân trong tỉnh.

Tại Lễ kỷ niệm 25 năm tái lập tỉnh, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã thay mặt Đảng, Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất (lần thứ hai) cho Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Trà Vinh. Tại lễ Kỷ niệm 120 năm Ngày thành lập tỉnh, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất cho Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Trà Vinh đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển kinh tế xã hội, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*" trên địa bàn tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực và trở thành một phong trào thi đua yêu nước rộng rãi của quần chúng, mang lại những lợi ích toàn diện, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phong trào đã tạo nên một diện mạo mới cho cơ sở; nâng cao ý thức chấp hành các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, khơi dậy tinh thần yêu nước, yêu quê hương, tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương của Nhân dân. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 239.973/275.259 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa (chiếm 78,82%); 665/756 ấp, khóm văn hóa (chiếm 83,3%); 64/85 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới (chiếm 75,29%); 14/21 phường, thị trấn đạt

chuẩn văn minh đô thị (chiếm 66,66%); 1.093/1.141 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa (chiếm 95,8%).

Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được đầu tư²⁶² gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã phát huy hiệu quả, là công cụ tích cực tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến quần chúng nhân dân; phục vụ đa dạng nhu cầu học tập, sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí cho Nhân dân và các sinh hoạt xã hội khác, góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội và củng cố tinh thần đoàn kết trong cộng đồng dân cư.

Phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng ở khu vực nông thôn, đô thị và cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đều duy trì và phát triển. Nhiều hội thi, hội diễn quần chúng được các cấp, các ngành tổ chức thường xuyên tạo khí thế sôi nổi. Trung tâm Văn hóa tỉnh, Đoàn nghệ thuật Khmer Ánh Bình Minh, Đoàn cải lương Ánh Hồng²⁶³ đã tổ chức hàng nghìn buổi biểu diễn để phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương và tham gia các hội thi, hội diễn cấp khu vực và toàn quốc đều đạt nhiều giải cao.

Công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực, các lễ hội truyền thống như: lễ hội Ok Om Bok, Vu Lan thắng hội, Cúng biển Mỹ Long (Nghinh Ông)... được tổ chức hàng năm gắn với các hoạt động triển lãm, hội chợ, các hoạt động văn hoá, du lịch, xúc tiến thương mại, kêu gọi đầu tư. Lập hồ sơ đề nghị xếp hạng 02 di tích cấp quốc gia; 11 di tích cấp tỉnh; 01 di sản văn hoá phi vật thể (*nghệ thuật Rô Băm của người Khmer*) đưa vào danh mục phi vật thể cấp quốc gia và 01 Ngẫu tượng bảo vật quốc gia (*Ngẫu tượng Linga - Yoni, có niên đại thế kỷ thứ V-VI*). Đến năm 2020, toàn tỉnh có 01 bảo vật quốc gia, 05 di sản văn hoá phi vật thể được đưa

²⁶² Gồm: 01 Trung tâm Văn hóa tỉnh; 05 Trung tâm VH TT, Nhà văn hóa huyện; 96 Nhà VH xã, phường, thị trấn; 731 Nhà văn hóa ấp, khóm; 07 sân vận động không có khán đài (do huyện quản lý), 124 sân bóng đá mini, 09 nhà tập luyện thi đấu thể thao đa năng, 23 nhà tập luyện thi đấu thể thao theo môn, 90 các loại sân tập khác, 01 sân bóng rổ, 200 sân bóng chuyên, 07 sân tennis, 07 bể bơi, 70 sân cầu lông, 220 cầu lạc bộ thể thao ở khu dân cư, 100 cầu lạc bộ thể thao ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; 305 cầu lạc bộ thể thao ở cơ sở kinh doanh...

²⁶³ Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khoá XII), năm 2018 Đoàn Ánh Hồng đã giải thể.

vào danh mục di sản phi vật thể cấp quốc gia, 47 di tích được xếp hạng, 09 nghệ sĩ và 08 nghệ nhân ưu tú... Quan tâm bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích; ngân sách bố trí gần 36 tỷ đồng và huy động nguồn lực xã hội hoá để đầu tư, tôn tạo các di tích.

Văn học nghệ thuật, tiếp tục phát triển; hoạt động sáng tạo, sáng tác, quảng bá, biểu diễn các tác phẩm văn học nghệ thuật được quan tâm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và đạt được những kết quả tích cực; các khuynh hướng sáng tác, biểu diễn nghệ thuật lành mạnh, tích cực được phát huy. Sản phẩm văn học nghệ thuật phát triển mạnh mẽ về số lượng, đa dạng, phong phú về loại hình và đề tài; đề tài lịch sử, truyền thống cách mạng, phản ánh công cuộc đổi mới, bảo vệ, xây dựng và phát triển quê hương, đất nước được chú trọng; góp phần tích cực xây dựng nhân cách, bồi đắp tâm hồn con người, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa của Nhân dân.

Ngày 16/8/2012, Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh tổ chức lễ công bố chính thức phát sóng quán bá kênh truyền hình Trà Vinh trên vệ tinh Vinasat-1. Hệ thống truyền hình ngày càng vươn xa và đang hoà mạng trên nhiều hệ thống truyền hình cáp như: Truyền hình cáp Trà Vinh, SCTV, My Tivi.

Các cơ quan báo chí, Công thông tin điện tử của tỉnh cùng các Đài truyền thanh, trạm truyền thanh kịp thời thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; các hoạt động của sở ngành tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và người dân; các phong trào thi đua yêu nước... Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được triển khai, rà soát, cập nhật vào cơ sở dữ liệu Công Thông tin điện tử của tỉnh phục vụ tốt nhu cầu tìm hiểu, tra cứu thông tin của người dân, tổ chức và doanh nghiệp. Kịp thời đấu tranh, phản bác với thông tin giả, tin đồn thất thiệt, xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tình hình của địa phương...

Mạng lưới thư viện công cộng tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu

học tập và nâng cao dân trí²⁶⁴. Tỉnh hiện có 1 thư viện tỉnh và hàng trăm thư viện, phòng đọc sách ở cấp huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn... hàng năm đều được bổ sung tài liệu phong phú, đa dạng, phục vụ cho tất cả các đối tượng trong xã hội, thu hút nhiều bạn đọc, văn hoá đọc phát triển tốt. Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện, thư viện tỉnh được đầu tư phần mềm thư viện điện tử, các hoạt động nghiệp vụ, công tác phục vụ bạn đọc đều thực hiện trên hệ thống máy tính.

Tăng cường công tác quản lý an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước; thường xuyên kiểm tra, khảo sát đánh giá an toàn thông tin tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thiết lập mạng dùng riêng khép kín kết nối 150 cơ quan Đảng, Nhà nước qua mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ triển khai, sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh trên môi trường an toàn. Mạng LAN cơ quan hành chính nhà nước các cấp được trang bị thiết bị bảo mật và kết nối vào mạng dùng riêng của tỉnh phục vụ công tác bảo mật mạng LAN của cơ quan, địa phương. Đầu tư xây dựng hệ thống bảo mật cho các hệ thống thông tin của tỉnh; triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp giám sát an toàn thông tin.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động "*Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*" gắn với cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*", phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục phát triển; tăng tỷ lệ người luyện tập thường xuyên²⁶⁵, góp phần tích cực vào việc giữ gìn và nâng cao sức khỏe Nhân dân; đảm bảo chương trình giáo dục thể chất nội khóa, ngoại khóa. Các đội tuyển và đội năng khiếu của tỉnh được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, một số bộ môn thể thao khẳng định vị thế như: Cầu lông, điền kinh, cờ vua, petanque, bắn cung và bơi... Trong 10 năm, có gần 400 lượt vận động viên được cử tham gia thi đấu 198 giải thể thao khu vực và toàn

²⁶⁴ Đã phát triển được 17 thư viện, phòng đọc sách xã, phường, thị trấn; 41 phòng đọc sách trong các chùa Khmer; 25 thư viện trường học gắn với cộng đồng; 03 tủ sách ấp, khóm; 05 tủ sách đồn biên phòng...

²⁶⁵ Có khoảng 363.000 người, chiếm 33% dân số; 55.177 hộ, chiếm khoảng 21% tổng số hộ.

quốc đạt 1.181 huy chương các loại; 13 giải thể thao quốc tế đạt 23 huy chương các loại²⁶⁶; 74 vận động viên được phong cấp kiện tướng tương đương quốc gia và quốc tế; 80 vận động viên cấp I. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, đáp ứng nhu cầu luyện tập thể dục, thể thao của Nhân dân, toàn tỉnh hiện có 300 cơ sở, hộ kinh doanh dịch vụ thể dục, thể thao²⁶⁷.

Tuy nhiên, chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” có mặt còn hạn chế; các thiết chế văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu sinh hoạt văn hóa; thiếu nguồn lực để trùng tu, tôn tạo, phát huy giá trị các di sản văn hóa. Nội dung, hình thức hoạt động của báo chí, văn học - nghệ thuật chưa phong phú, đa dạng. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển không đều, còn gặp khó khăn về cơ sở vật chất, chưa đảm bảo mỗi xã, phường, thị trấn có 01 sân thể thao phục vụ sinh hoạt đa năng; công tác giáo dục thể chất trong nhà trường và các hoạt động thể thao ngoại khóa chưa đa dạng. Thể thao thành tích cao còn thiếu đội ngũ huấn luyện viên; cơ chế, chính sách đãi ngộ cho các vận động viên tài năng của tỉnh chưa tương xứng. Các công trình thể dục thể thao ít được đầu tư, chưa đáp ứng yêu cầu của thể thao thành tích cao.

Ngày 10/02/2014, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 39-CTr/TU về “Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, ngày 16/6/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1119/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Trên cơ sở đó các địa phương và ngành giáo dục - đào tạo tập trung đầu tư

²⁶⁶ Gồm: 15 huy chương vàng, 06 huy chương bạc và 02 huy chương đồng

²⁶⁷ Gồm 03 doanh nghiệp thể thao; 22 cơ sở sân bóng đá mimi có nhân tạo; 20 cơ sở cầu lông có mái che; 75 cơ sở tập luyện võ thuật; 07 cơ sở quần vợt; 01 cơ sở bóng rổ; 15 cơ sở thể hình; 10 cơ sở thẩm mỹ Aerobic; 06 cơ sở bóng bàn; 03 cơ sở tập Yoga, hơn 150 cơ sở Billiar và hàng trăm sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông...

xây dựng mới và đưa vào sử dụng 05 trường²⁶⁶. Đến năm 2020, tỉnh có 6.755 phòng học kiên cố (tỉ lệ 87,3%) và 984 phòng học bán kiên cố (đạt tỉ lệ 12,7%)²⁶⁹, không còn phòng học tạm bợ. Nâng số trường đạt chuẩn quốc gia lên 139/405, đạt tỷ lệ 34,32%.

Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường tăng dần hàng năm²⁷⁰. Thực hiện đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh, sinh viên; tích hợp các kiến thức, kỹ năng; phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành, kiểm tra đánh giá phù hợp với điều kiện thực tiễn, từ đó, chất lượng giáo dục phổ thông tiếp tục được giữ vững ổn định và có mặt được nâng lên, tỷ lệ học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông tốt nghiệp tăng dần so với các năm học trước²⁷¹.

Công tác phổ cập giáo dục được giữ vững ổn định và có bước phát triển, 106/106 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi; 105/106 xã, phường, thị trấn và 100% huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập tiểu học mức độ 3; 100% xã, phường, thị trấn và 9/9 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở mức độ 3; 103/106 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học. Công tác giáo dục trong vùng dân tộc tiếp tục được quan tâm, việc dạy tiếng nói và chữ viết của đồng bào Khmer được thực hiện ở các trường dân tộc nội trú và các trường tiểu học, trung học cơ sở có đồng học sinh là người dân tộc Khmer.

Việc tinh gọn bộ máy, sắp xếp đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

²⁶⁶ Gồm: Trường Trung cấp Pali Khmer, Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THPT tỉnh, trường THPT Hòa Lợi, trường THPT tại xã Tập Ngãi huyện Tiểu Cần và tại xã Dân Thành thị xã Duyên Hải.

²⁶⁹ So năm 2015 tăng 956 phòng học kiên cố, và giảm 33 phòng học bán kiên cố, xóa 88 phòng học tạm thời.

²⁷⁰ Năm học 2016 - 2017: Tiểu học là 99,9%, trung học cơ sở là 98,6% và trung học phổ thông là 70%. Đến năm học 2019 - 2020: Tiểu học là 99,9%, trung học cơ sở là 98,51% và trung học phổ thông là 74,56%

²⁷¹ Năm 2015, tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở là 99,2%; trung học phổ thông là 91,7%; năm 2020 tốt nghiệp trung học cơ sở là 99,81 và trung học phổ thông là 96,8%.

giáo dục thực hiện đạt hiệu quả²⁷²; quy mô giáo viên trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng lên ở các cấp học, ngoại trừ cấp trung học phổ thông. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên được nâng lên, số đạt chuẩn và trên chuẩn tính đến năm học 2020 - 2021 đạt 83,08% (giáo viên là 81,45%, cán bộ quản lý là 94,77%)

Mạng lưới đào tạo trên địa bàn tỉnh hiện có 01 trường đại học 02 trường cao đẳng (Cao đẳng nghề và Cao đẳng Y tế) và 02 trường trung cấp²⁷³. Trường Đại học Trà Vinh vươn lên trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Trà Vinh và một số tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long với 50 ngành bậc đại học thuộc 07 khối ngành. Trường Cao đẳng Nghề Trà Vinh tổ chức đào tạo 07 ngành nghề và 07 ngành nghề trung cấp; Trường Cao đẳng Y tế Trà Vinh đào tạo các trình độ cao đẳng và trung cấp nhóm ngành khoa học sức khỏe.

Vị trí quy mô, chức năng của mạng lưới đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp; cung cấp nguồn nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận. 10 năm qua, tổng số học sinh, sinh viên và người lao động được tuyển sinh đào tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp là 202.903 người²⁷⁴; đào tạo thường xuyên, kèm cặp nghề, truyền nghề, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ trên 120.000 lượt người, góp phần nâng tỷ lệ qua đào tạo đạt 67%, trong đó tỷ lệ có văn bằng, chứng chỉ đạt 33%.

Bằng các cơ chế, chính sách xã hội hoá giáo dục, tỉnh thu hút được 06 trường tư thục²⁷⁵. Phong trào khuyến học khuyến tài, xây dựng xã

²⁷² Toàn ngành hiện có 14.546 công chức viên chức và lao động giảm gần 1.000 người so với năm 2015;

²⁷³ Gồm: Đại học Trà Vinh; Cao đẳng nghề và Cao đẳng Y tế; Trung cấp Pali Khmer và Trung cấp Phật học.

²⁷⁴ Trong đó: 927 người có trình độ sau đại học, trình độ đại học và cao đẳng là 27.610 sinh viên; trình độ Trung cấp 3.455 học sinh; đào tạo nghề trình độ sơ cấp, dưới 03 tháng.

²⁷⁵ Gồm: Trường Mầm non Quốc tế ISchool, trường Mầm non - Tiểu học Việt Anh, trường Trung học cơ sở Phan Châu Trinh, trường Mầm non Vàng Anh, trường Mầm non IQ, trường Mầm non Mỹ Việt.

hội học tập phát triển rộng khắp, 100% xã, phường, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng.

Tuy nhiên, chất lượng hệ thống trường, lớp học còn thấp, phòng học bộ môn, thiết bị dạy học trong trường học và đồ dùng, đồ chơi cấp mầm non còn thiếu; chưa có trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Huy động nguồn lực xã hội hóa đầu tư cho giáo dục - đào tạo chưa nhiều. Số lượng đào tạo nghề có tăng lên, nhưng chất lượng chưa tương xứng, chưa gắn với nhu cầu thị trường; nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội.

Ngày 18/01/2013, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 27-CTr/TU “Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) “Về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, mạng lưới cơ sở khoa học công nghệ có sự phát triển khá so với giai đoạn trước, toàn tỉnh có 37 tổ chức có đăng ký hoạt động khoa học công nghệ; đội ngũ cán bộ khoa học và nghiên cứu khoa học cũng tăng về số lượng, với 1.844 nhân lực hoạt động khoa học và công nghệ²⁷⁶.

Trên cơ sở kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để tham mưu, tuyển chọn, xét duyệt các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học - công nghệ. Các đề tài/dự án nghiên cứu khoa học thuộc nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, đã góp phần tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người lao động. Tổ chức triển khai 115 đề tài/dự án, các đề tài, dự án nghiên cứu đi vào chiều sâu tập trung vào phát triển ngành, lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh của tỉnh như: Nông nghiệp hữu cơ, sinh học, giống...; nghiệm thu 98 đề tài/dự án. Kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia nghiên cứu và tiếp nhận, ứng dụng khoa học và công nghệ vào quản lý, sản xuất ngày càng nhiều.

²⁷⁶ Có 05 Phó giáo sư, 21 Tiến sĩ, 107 thạc sĩ, 964 đại học, 273 cao đẳng, 479 trung cấp và trình độ khác.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tổ chức các Hội thi sáng tạo kỹ thuật và Cuộc thi sáng tạo dành cho thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh, nhiều sản phẩm có giá trị về mặt sáng tạo khoa học - kỹ thuật; tổ chức các hội thảo, tập huấn, thông tin, góp phần đưa kiến thức khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Hoạt động sở hữu trí tuệ có sự tiến bộ hơn, cấp bảo hộ cho 103 nhãn hiệu sản phẩm, 09 sáng chế, giải pháp hữu ích, 01 doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Công tác quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng được tăng cường; hỗ trợ công cụ cải tiến năng suất và hệ thống quản lý chất lượng; hỗ trợ xây dựng mới hoặc chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng... đã góp phần phát huy lợi thế, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Tuy nhiên, đầu tư cho khoa học - công nghệ còn thấp, nguồn lực khoa học - công nghệ còn thiếu và yếu, đội ngũ cán bộ khoa học và nghiên cứu khoa học có tăng về số lượng, nhưng chất lượng và năng lực còn hạn chế; thiếu chuyên gia đầu ngành; công tác đổi mới, nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ; việc liên kết, phối hợp trong công tác nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ chưa chặt chẽ.

Ngày 01/4/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 14-KH/TU về "Thực hiện Kết luận số 118-KL/TW, ngày 04/01/2016 của Ban Bí thư "về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới". Thực hiện Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm, mạng lưới khám chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở được mở rộng và củng cố và cung cấp nhiều hơn các dịch vụ y tế chất lượng cao, đến năm 2020, có 98,11% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; 89,1% số xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm. Công tác chủ động dự báo, giám sát và điều tra thực hiện tốt nên các dịch bệnh đã được kiểm soát kịp thời, hạn chế tối đa số ca tử vong. Các Chương trình mục tiêu y tế quốc gia được triển khai thực hiện có hiệu quả; tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi đạt trên 95%; tỷ lệ tiêm đủ liều vắc xin phòng uốn ván cho phụ nữ có thai đạt trên 90%.

Năm 2020, khi xảy ra dịch bệnh Covid - 19, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương quán triệt, tuyên truyền, thực hiện tốt các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Trung ương, không để lây lan dịch bệnh ra cộng đồng; quản lý chặt chẽ tạm trú, phối hợp thực hiện tốt kế hoạch bảo đảm an ninh, an toàn, tiếp nhận, quản lý, cách ly công dân Việt Nam nhập cảnh từ nước ngoài về theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế²⁷⁷.

Cơ sở vật chất y tế được đầu tư, cơ bản đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đến năm 2020, tuyến tỉnh có 09 cơ sở²⁷⁸, tuyến huyện, thị xã có 09 cơ sở²⁷⁹; tuyến xã, phường, thị trấn có 101 cơ sở. Số giường bệnh là 2.320 giường, đạt 22,85 giường bệnh/vạn dân, cao hơn mức bình quân chung của cả nước (21 giường). Đội ngũ cán bộ y tế phát triển cả về số lượng và chất lượng, năm 2020, toàn tỉnh có 3.276 cán bộ y tế, đạt 09 bác sĩ/vạn dân, cao hơn mức bình quân chung cả nước (8,8bác sĩ/vạn dân); 97,2% trạm y tế có bác sĩ trực tiếp phục vụ khám, điều trị bệnh; 100% ấp có nhân viên y tế. Chất lượng khám, chữa bệnh có nâng lên. Thực hiện phát triển y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, chăm sóc nâng cao sức khỏe.

Quản lý nhà nước được tăng cường, thường xuyên thanh tra, kiểm tra hành nghề y, được tư nhân, an toàn vệ sinh thực phẩm. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,65%. Quan tâm công tác lãnh đạo chính trị, tư tưởng, giáo dục y đức gắn với tạo điều kiện cho đội ngũ y, bác sĩ được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện chính sách thu hút bác sĩ về tỉnh công tác... góp phần nâng cao chất lượng công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Chú trọng truyền thông và đẩy mạnh đào tạo, tập huấn về an toàn thực phẩm, góp phần nâng cao ý thức chấp hành các quy định của nhà nước về điều

²⁷⁷ Tính đến ngày 30/12/2020, toàn tỉnh đã thực hiện cách ly 2.079 trường hợp.

²⁷⁸ Gồm: 01 bệnh viện đa khoa tỉnh, 03 bệnh viện chuyên khoa (Sàn - Nhi; Lao và Phổi; Y dược cổ truyền); 02 bệnh viện đa khoa khu vực (bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang và bệnh viện đa khoa khu vực Tiểu Cần);

²⁷⁹ Gồm 09 trung tâm y tế (có 06 Trung tâm thực hiện 02 chức năng khám, chữa bệnh và dự phòng).

kiện bảo đảm an toàn thực phẩm. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các đối tượng tham gia bảo hiểm y tế và thực hiện tốt các chính sách đối với người tham gia bảo hiểm y tế, số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện ngày càng tăng.

Xã hội hóa lĩnh vực y tế có những chuyển biến tích cực, giai đoạn 2016 - 2020, thu hút thành lập 04 Phòng khám đa khoa tư nhân đi vào hoạt động với các chuyên khoa, trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân²⁹⁰. Đến cuối năm 2020, tỉnh có 02 bệnh viện và 05 phòng khám đa khoa tư nhân 100 giường bệnh, có 481 cơ sở hành nghề y tế; đội ngũ y tế trong các bệnh viện, phòng khám và cơ sở y tế tư nhân là 1.541 người.

Ngày 01/4/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 15-KH/TU "Thực hiện Kết luận số 119-KL/TW ngày 04/01/2016 của Ban Bí thư Trung ương về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình". Thực hiện kế hoạch của Tỉnh ủy, các cấp ủy, chính quyền đã phối hợp tích cực với các sở, ban, ngành, đoàn thể và vận động sự hưởng ứng của Nhân dân, công tác dân số đã đạt được nhiều kết quả tích cực, nhận thức của toàn xã hội có bước chuyển biến rõ rệt và ngày càng được nâng lên. Giai đoạn 2011 - 2020, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm 1,03%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2020 còn 5,5%; giảm tỷ lệ sinh hàng năm 0,1%. Tổ chức bộ máy thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình được củng cố và kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở.

Tuy nhiên, trang thiết bị y tế ở cơ sở chưa đáp ứng tốt nhu cầu khám, chữa bệnh; đội ngũ bác sĩ chuyên khoa sâu, chuyên ngành còn thiếu; trình độ chuyên môn của một bộ phận cán bộ còn hạn chế, nhất là ở cơ sở, trình độ chuyên nghiệp chưa cao; công tác truyền thông giáo dục sức khoẻ còn hạn chế; tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm từng lúc, từng nơi còn tăng cao.

Mạng lưới giáo dục nghề nghiệp và các thiết bị dạy nghề được đầu

²⁹⁰ Gồm: Phòng khám đa khoa An Phúc (thành lập năm 2016), Thiên Ân (2017), Hà Anh (2018), Thành Vinh (2019).

tu; chương trình, nội dung đào tạo được cập nhật, đổi mới; các chính sách hỗ trợ, đào tạo người lao động đạt được nhiều kết quả, số lao động được đào tạo nghề là 94.937 lao động²⁸¹ nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67%, trong đó tỷ lệ có văn bằng chứng chỉ đạt 33%. Cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm 174,893 tỷ đồng, đồng thời, quan tâm tạo việc làm cho lực lượng lao động, tạo việc làm mới cho 125.348 lao động, tỷ lệ thất nghiệp còn 2,5%, tỷ lệ lao động thiếu việc làm dưới 5%. Đưa 1.854 lao động đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài; kéo giảm tỷ lệ thất nghiệp còn 2,22% vào năm 2020.

Ngày 03/10/2012, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU “Về công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020”. Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, công tác giảm nghèo được các cấp ủy, chính quyền thường xuyên quan tâm triển khai và tổ chức thực hiện; chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm được đưa vào nghị quyết của cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của toàn xã hội.

Giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh đã triển khai thực hiện trên gần 800 công trình đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và dân sinh trên địa bàn huyện nghèo, xã, ấp đặc biệt khó khăn; duy tu, bảo dưỡng các công trình đã đầu tư trên địa bàn; ban hành các chính sách về hỗ trợ 30% mệnh giá mua thẻ Bảo hiểm y tế hộ cận nghèo, người thuộc hộ nghèo đa chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản; Nghị quyết hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo²⁸²; hỗ trợ cho hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, phát triển sinh kế, đào tạo nghề, kết nối giải quyết việc làm; một số nhu cầu xã hội thiết yếu của người nghèo cơ bản được đáp ứng như nước sạch, hố xí hợp vệ sinh, tiếp cận thông tin... giúp người nghèo cải thiện cuộc sống. Thu nhập, đời sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo có sự chuyển biến; tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, đến cuối năm 2020 tỷ lệ

²⁸¹ Đào tạo trung cấp, cao đẳng là 8.373 lao động; đào tạo ngắn hạn 86.564 lao động, trong đó đào tạo nghề ngắn hạn thường xuyên khác 72.995 lao động, đào tạo nghề nông thôn 13.569 lao động)

²⁸² Ngoài đối tượng hỗ trợ theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

hộ nghèo tiếp cận đa chiều còn 1,8% (năm 2015 là 13,23%), thấp hơn nghèo đa chiều của cả nước (4,8%); hộ nghèo trong đồng bào Khmer giảm còn 3,21% (năm 2015 là 23,12%); hộ cận nghèo còn 5,76%; hộ cận nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer còn 9,99% (so với tổng số hộ Khmer), chiếm 53,55% so với tổng số hộ nghèo trong toàn tỉnh. Công nhận 01 xã và 42 ấp hoàn thành Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020; 5/7 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận thoát khỏi xã đặc biệt khó khăn, chiếm tỷ lệ 71,42%.

Thực hiện tốt chính sách của Nhà nước, đồng thời huy động nguồn lực xã hội chăm lo cho gia đình chính sách, đưa 3.003 người đi điều dưỡng tập trung, cấp chế độ điều dưỡng tại gia đình cho 27.881 lượt người; xây dựng và sửa chữa 9.645 căn nhà tình nghĩa; cấp 153.868 thẻ Bảo hiểm y tế cho người có công với cách mạng và thân nhân; 99% hộ gia đình chính sách có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình người dân nơi cư trú; 100% xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ; 100% người có công với cách mạng đều có thẻ bảo hiểm y tế, sửa chữa và xây dựng 11.796 nhà tình nghĩa. Tổ chức lễ phong tặng và truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho 765 mẹ²⁸³.

Ngày 29/8/2012, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 17-CTr/TU Thực hiện Nghị quyết số 15 Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) “*Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020*”. Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy, các cấp, các ngành đã thực hiện tốt các chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội²⁸⁴, hộ nghèo, hộ cận nghèo; đã trợ cấp thường xuyên 153.637 lượt đối tượng bảo trợ xã hội với tổng kinh phí 681,799 tỷ đồng; nuôi dưỡng, chăm sóc đối tượng tại các cơ sở bảo trợ xã hội là 757 đối tượng; cứu trợ đột xuất 4.854 lượt hộ; từ nguồn Quỹ an sinh xã hội, tỉnh thực hiện việc hỗ trợ tiền hàng tháng cho trên 470 người từ 60 tuổi trở lên là hộ nghèo không có người phụ dưỡng. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm

²⁸³ Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 3.243 bà mẹ được phong tặng, truy tặng, hiện có 134 mẹ còn sống.

²⁸⁴ Gồm người cao tuổi, người khuyết tật, nạn nhân nhiễm chất độc da cam/dioxin, người yếu thế trong xã hội.

y tế cho người nghèo với tổng kinh phí trên 1,92 tỷ đồng, đồng thời hỗ trợ cho 97.630 hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập với tổng số tiền 62,401 tỷ đồng. Thực hiện kịp thời, đầy đủ, đúng quy định chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định 15/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai thực hiện quyền trẻ em đạt được những thành tựu đáng kể, tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em; thành lập hệ thống bảo vệ trẻ em cấp huyện, thị xã, thành phố; có 97/106 xã, phường, thị trấn được công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em (đạt tỷ lệ 86,6%); cấp 203.339 thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (*riêng năm 2020 là 98.101 thẻ*); giảm tỷ lệ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt xuống dưới 5%; có 90% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nhận được sự trợ giúp, chăm sóc để phục hồi và có cơ hội phát triển; 99% trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và có nguy cơ bị xâm hại được phát hiện sớm và can thiệp để giảm thiểu hoặc loại bỏ nguy cơ.

Tăng cường quyền bình đẳng giới và vì sự tiến bộ phụ nữ, nhận thức về bình đẳng giới được nâng lên rõ rệt; 100% người có nhu cầu hỗ trợ về bình đẳng giới được tiếp cận dịch vụ tư vấn, hỗ trợ bình đẳng giới; phụ nữ tham gia vào vị trí quản lý, lãnh đạo cấp ủy trong lĩnh vực chính trị ngày càng nhiều²⁸⁵, tạo việc làm mới 137.593 nữ, tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp là 731, chiếm 28%; toàn tỉnh có 52.145 lao động nữ được đào tạo nghề, đạt 32,7%. Tỷ lệ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng có đồng đồng bào dân tộc Khmer có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng đạt 100%; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đối với lao động nữ còn 2,94%. Tỷ lệ giới tính khi sinh 114 bé trai/100 bé gái; tỷ lệ tử vong bà mẹ dưới 14,8/100.000 trẻ đẻ sống; Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con là 86,9%. Chất lượng nguồn nhân lực nữ nâng lên rõ rệt, từng bước cân bằng tỷ lệ giáo dục và đào tạo giữa nam và nữ, tỷ lệ nữ biết chữ trong độ tuổi 15 - 40 ở vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc Khmer đạt

²⁸⁵ Cấp tỉnh có 16/49 nữ (chiếm 32,65%); cấp huyện, thành phố, thị xã có 81/294 nữ (chiếm 27,55%); cấp xã, phường, thị trấn có 651/2.873 nữ (chiếm 22,66%).

94% (đối với nam là 94,8%); tỷ lệ nữ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ thạc sĩ chiếm 50% và tiến sĩ chiếm 25% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

Công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống gia đình được triển khai, thực hiện có hiệu quả, xây dựng 106 mô hình “*Tuyên truyền giáo dục, đạo đức, lối sống*”, 345 mô hình “*Phòng, chống bạo lực gia đình*”.

Tuy nhiên, công tác dạy nghề, giải quyết việc làm trên địa bàn vẫn còn nhiều hạn chế: chưa làm tốt công tác dự báo, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề dài hạn và ngắn hạn; việc đào tạo ngắn hạn còn nhiều hạn chế, chưa gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với nhu cầu tuyển dụng. Nhiều lao động qua đào tạo nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động, thiếu tác phong lao động công nghiệp... Cơ sở vật chất của các cơ sở trợ giúp xã hội còn thiếu thốn, chưa đáp ứng được nhu cầu về yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi chức năng cho các đối tượng. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện còn thấp (mới đạt 1,82%). Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh nhưng vẫn còn thiếu bền vững, khi có các yếu tố tác động như thiên tai, dịch bệnh, gây khó khăn cho sản xuất một số hộ có nguy cơ tái nghèo.

Thực hiện Luật đất đai năm 2013 và các văn bản chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy²⁸⁶, công tác quản lý tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước từng bước đi vào nền nếp, chặt chẽ, đạt được nhiều kết quả, đóng góp đáng kể và nguồn thu ngân sách. Trình Chính phủ phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Trà Vinh đến năm 2020; phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của 9/9 huyện, thị xã, thành phố; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 99,23% diện tích. Thực hiện điều tra thống kê và nâng cao năng lực quản lý về bảo tồn đa dạng sinh học; kiểm soát chặt chẽ sinh vật ngoại lai, sinh vật biến đổi gen; bảo vệ các vùng đất ngập nước, rừng ngập mặn, hệ sinh thái. Đã thực hiện Quy hoạch “*Thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng*

²⁸⁶ Chỉ thị số 46-CT/TU, ngày 21/3/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về tăng cường công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*”; Chỉ thị số 47-CT/TU ngày 05/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “*về tăng cường sự chỉ đạo của Đảng trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*”.

sản cát lòng sông tỉnh Trà Vinh đến năm 2020”, tình trạng khai thác tài nguyên trái phép giảm rõ rệt. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai, thực đúng các quy trình về giao đất cho tổ chức, doanh nghiệp và hộ gia đình, cá nhân²⁸⁷. Quản lý chặt đất công theo quy định và thẩm quyền; bồi thường giải phóng mặt bằng 60 công trình. Cấp mới 56 giấy phép cho các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước; 01 giấy phép thăm dò; 07 giấy phép khai thác khoáng sản cát sông, 01 giấy phép khai thác khoáng sản cát ven biển; 02 giấy phép khai thác tận thu khoáng sản cát sông. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho 31 đơn vị.

Ngày 28/12/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 15-CT/TU “*Về việc tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng và vệ sinh môi trường tại các đô thị, khu dân cư, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*”. Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, cải thiện cảnh quan đô thị, được sự đồng tình ủng hộ và tham gia tích cực của toàn dân, vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị được cải thiện rõ rệt. Đầu tư 11 bãi chôn lấp, trạm trung chuyển; đã và đang đầu tư 05 lò đốt rác thải sinh hoạt cho các địa phương; phát triển các tổ chức, doanh nghiệp tham gia dịch vụ thu gom, xử lý rác thải. Kiểm soát cơ bản được các nguồn gây ô nhiễm, các dự án hoạt động phải thực hiện đầy đủ các thủ tục môi trường.

Ngày 09/01/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 38/QĐ-UBND phê duyệt *Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2030*; nhằm sửa chữa, nâng cấp hoặc đầu tư xây dựng mới các điểm, trạm quan trắc phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, yêu cầu bảo vệ môi trường; đã tăng cường kiểm soát ô nhiễm, quản lý chặt chẽ các nguồn thải từ các dự án

²⁸⁷ Từ năm 2015 - 2019, tổng diện tích giao đất có thu tiền sử dụng là 22,13ha để thực hiện 04 dự án; cho thuê đất là 2.113,75 ha để thực hiện 137 dự án; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu được 7.672 giấy, diện tích 1.730,08 ha và cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được 69.606 thửa.

lớn, các công trình trọng điểm²⁸⁸. Đưa ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý môi trường, thí điểm mô hình camera theo dõi giám sát tại 24 điểm nóng về môi trường; cấp 35 sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

Quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm thích ứng với biến đổi khí hậu, ngày 20/8/2013 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 32-CTr/TU "Thực hiện Nghị quyết 24 Hội nghị Trung ương 7 (khóa XI) "Về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường" và Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP, huy động các nguồn lực lồng ghép triển khai các nội dung nhiệm vụ phục vụ tốt cho Nhân dân có kế hoạch tổ chức sản xuất phù hợp. Thực hiện hoàn thành Dự án "Thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Trà Vinh"; xây dựng các kịch bản biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh và tổ chức triển khai rộng rãi đến cộng đồng dân cư, nhận thức của người dân đã được nâng lên.

Tuy nhiên, quản lý tài nguyên còn hạn chế, tình trạng khai thác nước dưới đất, cát sông trái phép, gây sụt giảm và ô nhiễm nguồn nước, sạt lở bờ sông, bờ biển; ô nhiễm môi trường diễn ra ở một số nơi nhưng việc kiểm tra, xử lý chưa thường xuyên và thiếu kiên quyết. Các biện pháp phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn chưa đồng bộ, hiệu quả thấp.

Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện tốt. Kết cấu hạ tầng, các chương trình, dự án được triển khai có hiệu quả²⁸⁹, như: Chương trình 135; chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất; đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt, chính sách đặc thù hỗ

²⁸⁸ Đưa vào vận hành 02 trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục để theo dõi, giám sát chất lượng môi trường khu vực xung quanh Trung tâm Điện lực Duyên Hải

²⁸⁹ Chương trình 135 đã đầu tư xây dựng 606 công trình; duy tu, bảo dưỡng 212 công trình; hỗ trợ phát triển sản xuất; đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo cho 6.814 hộ; chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt theo Quyết định 755/QĐ-TTg đã hỗ trợ cho 15.474 hộ, chính sách đặc thù hỗ trợ KT-XH phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg đã hỗ trợ vốn chuyển đổi nghề, tạo việc làm cho 1.430 hộ; hỗ trợ đất ở cho 2.047 hộ với diện tích 736.046,6 m² và hỗ trợ sinh hoạt cho 2.255 hộ; hỗ trợ cho 811.976 lượt hộ nghèo theo Quyết định 102/2009/QĐ-TTg, tổng số tiền 103,1 tỷ đồng; xây dựng 104 nhà hoà táng; cấp phát gần 4 triệu ấn phẩm báo, tạp chí.

trợ kinh tế - xã hội phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đất ở; hỗ trợ xây dựng nhà hòa táng cho Phật giáo Nam tông Khmer; chính sách cấp phát ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số,... Tỷ lệ người Khmer sử dụng điện thường xuyên an toàn đạt 97,13%; tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 93%... Đời sống vật chất, tinh thần được nâng lên; bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc được bảo tồn và phát huy²⁹⁰; có 02 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia: Nghệ thuật Chăm riêng Chà Pây và lễ hội Ok-Ok-Bok; 14 chùa Khmer được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cách mạng cấp tỉnh và di tích lịch sử văn hóa, kiến trúc cấp quốc gia; có 05 nghệ nhân văn hóa dân gian được Chủ tịch nước công nhận. Nhà Bảo tàng Văn hóa Khmer tỉnh được duy tu, sửa chữa và trưng bày trên 1.000 hiện vật có giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào Khmer, thu hút nhiều du khách đến tham quan. Đầu tư xây dựng trường Trung cấp Pali, tạo thuận lợi cho việc tu học của các tăng sinh và học sinh người Khmer.

Hệ thống chính trị trong vùng có đồng bào Khmer được củng cố; năng lực lãnh đạo, hiệu lực quản lý, năng lực điều hành được nâng lên. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức là người Khmer luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm. Đến năm 2020, tổng số cán bộ, công chức, viên chức dân tộc thiểu số toàn tỉnh 4.848/22.664 người, chiếm tỷ lệ 21,39%²⁹¹, nhiều đồng chí được bố trí giữ các vị trí quan trọng trong hệ thống chính trị²⁹². Công tác phát triển đảng viên luôn được các cấp ủy quan tâm, tính hiện có 7.769 đảng viên dân tộc Khmer, chiếm 17%; 174 đảng viên người Hoa, chiếm tỷ lệ 0,39 % so với tổng số đảng viên toàn tỉnh; ấp, khóm có đồng bào dân tộc có đảng viên là người dân tộc chiếm

²⁹⁰ Các chùa Khmer đã thành lập 78 dàn nhạc ngũ âm, 92 đội trống chhaydam, 40 đội bóng chuyền, 10 đội ghe Ngo

²⁹¹ Trong đó, cấp tỉnh 1.687/8.368 người, chiếm tỷ lệ 20,16%; cấp huyện có 2.784/12.013 người, chiếm tỷ lệ 23,17%; cấp xã có 377/2.283 người, chiếm tỷ lệ 16,51%.

²⁹² Có 01 đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy, 05 đồng chí Tỉnh ủy viên, 32/367 Huyện ủy viên và tương đương; 272/1.480 Đảng ủy viên cấp xã và tương đương; có 7.506 đảng viên Khmer, chiếm 16,74%.

96,06%. Quan tâm xây dựng, phát huy vai trò người có uy tín²⁹³ trong tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Công tác tôn giáo được quan tâm thực hiện tốt; các đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo đã đi vào cuộc sống và đạt nhiều kết quả tích cực. Đến cuối năm 2020, trên địa bàn tỉnh có 465 cơ sở tín ngưỡng²⁹⁴, 09 tôn giáo²⁹⁵. Tỉnh đã chi hỗ trợ hoạt động đạo sự, Đại hội, hỗ trợ xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự²⁹⁶ và thăm hỏi tổ chức, cá nhân các tôn giáo trong tỉnh nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết cổ truyền của đồng bào dân tộc và các ngày quan trọng liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo (*với tổng kinh phí gần 9 tỷ đồng*); thường xuyên tiếp xúc, gặp gỡ, vận động và tranh thủ trên 5.000 lượt chức sắc, chức việc, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được 1.292/1231 số thửa cần cấp; cấp giấy phép xây dựng 87 công trình tôn giáo theo quy định của pháp luật.

Tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo được công nhận hoạt động đúng hiến chương, điều lệ và quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng của Nhân dân; đồng viên chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo tích cực tham gia phát triển kinh tế, thực hiện chính sách an sinh xã hội, từ thiện, nhân đạo. Các tôn giáo đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống "tốt đời đẹp đạo", thực hiện các hoạt động từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội và các phong trào cách mạng do chính quyền cơ sở phát động²⁹⁷, góp phần đảm bảo an

²⁹³ Từ năm 2016 đến nay, tỉnh đã công nhận 2.217 lượt người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

²⁹⁴ Với các loại hình như: Tín ngưỡng thờ Thành hoàng, tín ngưỡng thờ tổ tiên, tín ngưỡng thờ mẫu...

²⁹⁵ Gồm: Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Tin Lành, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Hồi giáo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật giáo Hòa Hảo.

²⁹⁶ Chủ yếu các cơ sở thờ tự được công nhận là di tích lịch sử, văn hóa, có công với CM; kinh phí 9,563 tỷ đồng.

²⁹⁷ Các cá nhân, tổ chức tôn giáo đã góp phần vận động xây dựng khoảng 300 nhà tình thương, nhà Đại đoàn kết, 90 cầu giao thông nông thôn, tham gia cứu trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt, đóng góp quỹ an sinh xã hội của tỉnh, tặng quà nhân các dịp lễ tết, hỗ trợ kinh phí mở mắt, mở tim, hở hàm ếch với số tiền trên 350 tỷ đồng.

sinh xã hội ở địa phương, cơ sở.. Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước.

3. Quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, nhất là Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về *chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*; Nghị quyết 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị khóa X về *"tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới"*, Nghị định 152 (nay là Nghị định 21) của Chính phủ về khu vực phòng thủ, các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị khóa XII²⁹⁸. Ban hành 07 chỉ thị, 04 đề án, 06 kế hoạch và tổ chức sơ kết, tổng kết các văn bản quan trọng về công tác quốc phòng, quân sự địa phương.

Thực hiện quy hoạch các khu vực, mục tiêu phòng thủ chủ yếu, xây dựng quy hoạch hệ thống công trình phòng thủ tuyến ven biển giai đoạn 2017- 2025 và những năm tiếp theo. Kết hợp chặt chẽ xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân với thể trận an ninh nhân dân; hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc, cảng cá, đê sông, đê biển, trồng rừng, một số khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế được đầu tư xây dựng, củng cố, nâng cấp và mở rộng, vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời bình, vừa tạo ra khả năng phục vụ cho hoạt động của các lực lượng trong khu vực phòng thủ thời chiến. Nền quốc phòng toàn dân được triển khai xây dựng rộng khắp, có bước phát triển cả về tiềm lực và thể trận. Đã đầu tư 339,689 tỷ đồng xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ.

Tổ chức diễn tập cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và cấp xã, phường, thị trấn đúng quy định²⁹⁹, các cuộc diễn tập sát thực tế, bảo

²⁹⁸ Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII; về *Chiến lược quốc phòng Việt Nam*; Nghị quyết số 29-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII về *chiến lược bảo vệ tổ quốc trên không gian mạng*; Kết luận số 57-KL/TW của Bộ Chính trị khóa XII về *kết hợp quốc phòng - an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng - an ninh*.

²⁹⁹ Với 01 cuộc diễn tập huy động nhân lực tàu thuyền theo Nghị định 30, 130 của Chính phủ cấp tỉnh và chỉ đạo tổ chức 07 cuộc diễn tập Khu vực phòng thủ, 01 cuộc diễn tập theo Nghị định 30, 130 và 01 cuộc diễn tập phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn cấp huyện; 107 cuộc diễn tập cấp xã

đảm an toàn tuyệt đối. Sau diễn tập đã kịp thời điều chỉnh, bổ sung các phương án và hệ thống các kế hoạch sẵn sàng chiến đấu, phù hợp với tình hình. Qua đó nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về nội dung, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động và trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ.

Tập trung xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh, hàng năm đều vượt chỉ tiêu. Tổ chức bồi dưỡng, giáo dục quốc phòng - an ninh cho trên 125.714 đối tượng³⁰⁰, qua đó, đã nâng cao nhận thức cho cán bộ các cấp và quần chúng nhân dân về đường lối quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Công tác giao quân hàng năm đạt chỉ tiêu trên giao, chất lượng được nâng lên, đã giao 9.049 thanh niên, đạt 100% chỉ tiêu, đảng viên chiếm 2,45%, còn lại là đoàn viên; tuyển sinh quân sự, tỷ lệ trúng tuyển vào các trường đại học trong Quân đội bình quân đạt 10,98%; tuyển sinh đào tạo cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở đạt 100% chỉ tiêu trên giao.

Lực lượng thường trực sắp xếp theo hướng tinh gọn, ưu tiên cho các đơn vị làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, đạt 102,37% so với biên chế; luôn duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; thường xuyên bổ sung, điều chỉnh quyết tâm, kế hoạch tác chiến ở các cấp sát với tình hình nhiệm vụ; tổ chức luyện tập các phương án bảo vệ cơ quan, đơn vị, phòng chống thiên tai, phòng chống cháy nổ...; phối hợp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động phá hoại của các tổ chức phản động bên ngoài và số đối tượng tại chỗ. Lực lượng dự bị động viên sắp xếp đạt 100%, đúng chuyên nghiệp quân sự đạt 91,67%, đảng viên 18,36%; tập trung huấn luyện, kiểm tra sẵn sàng động viên và thực hiện các nhiệm vụ quân số đạt từ 95% trở lên. Lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng đạt 1,58% so với dân số, đảng viên đạt 25,40%³⁰¹; tiểu đội trưởng và tương đương là đảng viên; 97,16% cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã; 100% Chỉ huy trưởng qua đào tạo từ trung cấp trở

³⁰⁰ Có 12.528 cán bộ, đảng viên; bồi dưỡng, giáo dục QPAN cho 104.991 học sinh, sinh viên; 1.645 chức sắc, chức việc các tôn giáo và 6.520 công nhân.

³⁰¹ Trong dân quân đạt 18,88%, trong Tự vệ đạt 76,71%; 100% trung đội trưởng.

lên; thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng, phát huy tốt chức trách, nhiệm vụ ở cơ sở, chất lượng hoạt động đi vào nền nếp và ngày càng được nâng lên. Thường xuyên củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên; gắn xây dựng cấp ủy với xây dựng đội ngũ cán bộ; xây dựng cơ quan chính trị, cán bộ chính trị các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Thực hiện tốt chính sách quân đội và hậu phương quân đội, chính sách đối với người có công, các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Xóa đói giảm nghèo”. Chi đạo tổ chức Tết quân - dân ở 06 huyện, thành phố. 05 xã (kinh phí vận động được trên 65,2 tỷ đồng).

Chi đạo tổ chức triển khai, quán triệt thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương liên quan đến công tác bảo đảm an ninh, trật tự, ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Chính phủ, Bộ Công an về lĩnh vực an ninh, trật tự... Triển khai thực hiện có hiệu quả các phương án, biện pháp công tác bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các mục tiêu quan trọng, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị quan trọng, các đoàn công tác của lãnh đạo Đảng, Nhà nước đến thăm và làm việc tại tỉnh. Tập trung phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa hoạt động tình báo, gián điệp, tác động chuyển hóa nội bộ, cài cắm nội gián của các cơ quan đặc biệt nước ngoài; âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, phản động; giám sát chặt chẽ các đối tượng của các tổ chức phản động hủ vong, kịp thời phát hiện, vô hiệu hóa hoạt động của chúng, không để xảy ra yếu tố gây mất ổn định tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Nắm chặt tình hình, phối hợp đề xuất giải quyết ổn định 24 vụ tranh chấp, khiếu kiện phức tạp kéo dài; ngăn chặn, vô hiệu hóa hơn 215 tài liệu tuyên truyền, chiến tranh tâm lý, phá hoại tư tưởng³⁰², kịp thời ngăn chặn có hiệu quả hoạt động phát triển đạo trái pháp luật, hoạt động của các tà đạo, đạo lạ trên địa bàn, qua đó đã thu giữ gần 1.500 tài liệu tuyên truyền đạo trái pháp luật, bảo đảm an ninh chính trị, không để phát sinh các vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh,

³⁰² Phát hiện, xử lý 28 trường hợp trang trí cánh, vật giống cờ của “Liên đoàn Khmer Kampuchea Krom thế giới”

trật tự, giữ vững môi trường ổn định phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Tăng cường chỉ đạo, thực hiện đồng bộ các biện pháp, giải pháp nhằm phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, đã xác lập, điều tra, khám phá 40 chuyên án đấu tranh với các loại tội phạm; mở 19 đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, đẩy mạnh triệt xóa các điểm, tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội... từ đó tình hình tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật cơ bản được kéo giảm³⁰³; đã bắt, xử lý 257 vụ/449 đối tượng phạm tội về ma túy. Công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông từng bước được đảm bảo, hạn chế được tai nạn giao thông, tai nạn giao thông được kéo giảm cả 03 tiêu chí. Công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã triển khai đồng bộ các biện pháp công tác³⁰⁴, qua đó đã cứu hộ kịp thời nhiều trường hợp, không để xảy ra các vụ cháy, nổ lớn, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản.

Triển khai thực hiện Đề án điều động Công an chính quy về đảm nhiệm các chức danh Công an cấp xã, đã bố trí 486 đồng chí, tại 95/95 xã, thị trấn, đảm bảo mỗi xã, thị trấn bố trí ít nhất 05 cán bộ Công an chính quy. Từ khi được bố trí lực lượng Công an chính quy, nhìn chung tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn các xã, thị trấn có bước chuyển biến, đạt được nhiều kết quả tích cực, nhất là tình trạng tranh chấp, khiếu kiện; tội phạm về trật tự xã hội được kiểm chế, kéo giảm khá nhiều.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được củng cố, phát triển với 14 loại mô hình, 1.717 câu lạc bộ, trong đó có nhiều mô hình hoạt động hiệu quả cao như: mô hình “*Phát hiện, tố giác và vây bắt tội*

³⁰³ Tội phạm về trật tự xã hội giai đoạn 2016 - 2020 xảy ra 1.645 vụ, điều tra, làm rõ 1.544 vụ, bắt, xử lý 2.282 đối tượng; án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng làm rõ 117/117 vụ, đạt 100%; triệt xóa 2.943 vụ tệ nạn xã hội, xử lý hành chính 9.415 đối tượng; điều tra, làm rõ 627 vụ/1.555 vụ trộm cắp vặt (chiếm 40,3%), xử lý 631 đối tượng (tình sự 108, hành chính 114, còn lại giáo dục, viết cam kết không tái phạm); gọi hỏi, giáo dục 26.412 lượt đối tượng diện quản lý.

³⁰⁴ Đã tổ chức tuyên truyền miệng 929 cuộc, có 76.183 lượt người dân tham dự; xây dựng 13 bài tuyên truyền, 64 phim phóng sự, 123 lượt xe cổ động, treo 4.568 băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền; mở 208 lớp tập huấn nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy. Tổ chức diễn tập 198 phương án chữa cháy; phối hợp các ngành chức năng kiểm tra trên 9.000 cơ sở, lập biên bản vi phạm hành chính 264 cơ sở.

phạm”; mô hình “Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng tại cơ sở tôn giáo”; mô hình “Phụ nữ quản lý, giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội và tệ nạn xã hội”; mô hình “Vận động gây quỹ tái hòa nhập cộng đồng”.

Thực hiện tốt các chủ trương, biện pháp đối sách công tác biên phòng, lực lượng Bộ đội biên phòng tỉnh luôn nắm chắc mọi diễn biến tình hình khu vực biên giới. Tăng cường triển khai thực hiện các kế hoạch huy động, sử dụng nhân lực, phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền và ứng phó các tình huống xảy ra trên biển theo Nghị định số 30/NĐ-CP của Chính phủ. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp nghiệp vụ quản lý khu vực biên giới, nhất là người, phương tiện nước ngoài; phối hợp với công an, quân sự và chính quyền truy quét tội phạm; đấu tranh với các tệ nạn xã hội; tham gia hòa giải các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ Nhân dân. Tăng cường xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ các đợt sinh hoạt chính trị, đảm bảo cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng có tư tưởng chính trị vững vàng, khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chú trọng huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành, huấn luyện Điều lệnh, diễn tập... công tác huấn luyện hàng năm luôn có 100% quân số kiểm tra đạt yêu cầu, tỷ lệ khá giỏi đạt 85%. Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào quần chúng bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới, cũng có 129 tổ tự quản, xây dựng mới 4 bến neo đậu và 14 tổ tàu thuyền an toàn, giữ vững 87% ấp, khóm an toàn về an ninh trật tự. Tham gia cùng cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể giải quyết những vấn đề bức xúc về văn hoá, xã hội, vận động hỗ trợ các em học sinh nghèo có điều kiện đến trường, khám và cấp thuốc điều trị bệnh miễn phí cho các hộ dân có hoàn cảnh khó khăn, vận động cất nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, tham gia xây dựng nông thôn mới...

Tuy nhiên, công tác nắm, phân tích, đánh giá và dự báo tình hình liên quan đến quốc phòng, an ninh có lúc, có nơi chưa sát. Tình hình liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội từng lúc, từng nơi còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp; tội phạm hình sự được kéo giảm nhưng một số loại tội phạm, tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng³⁰⁵.

³⁰⁵ Như: trộm cắp tài sản, giết người, cố ý gây thương tích, đánh bạc, xâm hại trẻ em, ma túy...

Chất lượng phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*” có nhiều chuyển biến nhưng chưa đều ở các địa phương.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác đối ngoại, các cấp ủy, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và địa phương đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phổ biến, tuyên truyền về đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của Trung ương về nhiệm vụ đối ngoại gắn với các chương trình, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời, tuyên truyền rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân; tăng cường đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, nhận thức lệch lạc về công tác đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Tỉnh ủy, sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân tỉnh và sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, hoạt động ngoại giao Nhà nước và hoạt động đối ngoại nhân dân; hoạt động đối ngoại và hoạt động quốc phòng, an ninh; thông tin đối ngoại và thông tin trong nước; công tác người Việt Nam ở nước ngoài.

Công tác phối hợp quản lý các hoạt động đối ngoại, quản lý đoàn ra, đoàn vào được thực hiện thống nhất và chặt chẽ. Giai đoạn 2016 - 2020, có hơn 370 đoàn với trên 1.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh đi nước ngoài với các mục đích: Tham dự hội nghị, hội thảo, tập huấn; thăm và làm việc với tỉnh kết nghĩa Battambang (Campuchia)... Có trên 2.200 đoàn nước ngoài đến tỉnh thăm và làm việc với 9.102 lượt người³⁰⁶, với mục đích: Thăm xã giao; nghiên cứu, tham quan, học tập kinh nghiệm; kiểm tra, giám sát thực hiện các dự án tài trợ, tham gia hội thảo; tìm hiểu các thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, tiềm năng, thế mạnh và các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh; làm việc về kế hoạch hợp tác học thuật, trao đổi sinh viên, giảng viên, tham dự hội thảo, tập huấn cho giảng viên, sinh viên...

Công tác ngoại giao văn hóa luôn gắn kết với các chuyến thăm của lãnh đạo tỉnh đến các nước và lãnh đạo các nước đến tỉnh, góp phần đưa

³⁰⁶ Gồm các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam; các tổ chức quốc tế, tổ chức NGO; chuyên gia, nghiên cứu sinh và tình nguyện viên của các viện, trường đại học quốc tế, doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài...

quan hệ của tỉnh với các nước đi vào chiều sâu, bền vững, tăng cường tình hữu nghị, sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau. Tập trung vận động thu hút đầu tư nước ngoài, du lịch quốc tế, trao đổi thương mại, tạo điều kiện mở rộng quan hệ hợp tác. Công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh, các trang thông tin điện tử của sở, ngành tỉnh... qua đó quảng bá và nâng cao vị thế và hình ảnh của tỉnh Trà Vinh, tranh thủ tốt sự ủng hộ và hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân nước ngoài; những kết quả đó đã góp phần tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, đảm bảo an ninh - quốc phòng của tỉnh.

Hội Liên lạc người Việt Nam ở nước ngoài tỉnh Trà Vinh tiếp tục là cầu nối giữa kiều bào, thân nhân và quần chúng Nhân dân với Đảng, Nhà nước và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp nhằm tạo điều kiện thuận lợi, giữ mối quan hệ, động viên giúp đỡ, kêu gọi đầu tư phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh.

Hoạt động đối ngoại đã góp phần trong việc thu hút nguồn vốn đầu tư của nước ngoài vào địa bàn tỉnh; thu hút nguồn tài trợ của 33 tổ chức phi chính phủ (NGO) đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu, các dự án giảm nghèo, ổn định sinh kế, với 259 chương trình, dự án với tổng số vốn tài trợ là 127 tỷ đồng, 6,349 triệu USD; giá trị giải ngân 142 tỷ đồng và hơn 6 triệu USD. Người Việt Nam ở nước ngoài về đầu tư trên địa bàn tỉnh với tổng vốn đăng ký là 222 tỷ đồng và 18,64 triệu USD, gồm 09 dự án; vốn điều lệ đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp là 565,43 tỷ đồng, tổng vốn góp trong doanh nghiệp của kiều bào là 280,66 tỷ đồng. Ngoài ra còn có 24 chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài về hợp tác, hỗ trợ Trường Đại học Trà Vinh trong hợp tác nghiên cứu khoa học, thúc đẩy phát triển lĩnh vực nông nghiệp, tham gia giảng dạy, đào tạo, cấp học bổng...

Tuy nhiên, một số thỏa thuận hợp tác với tỉnh kết nghĩa Battambang (*Campuchia*) chưa triển khai thực hiện; chưa mở rộng hợp tác với một số nước có tiềm lực và khả năng đầu tư vào địa bàn tỉnh³⁰⁷; huy động nguồn lực của người Trà Vinh đang định cư ở nước ngoài đầu tư về tỉnh

³⁰⁷ Như: Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, vùng lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc)...

nhà chưa nhiều; năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại còn hạn chế. Triển khai chưa hiệu quả các thỏa thuận hợp tác với Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, kết quả liên kết vùng theo Nghị quyết 120 của chính phủ còn hạn chế.

4. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI và XII và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX và lần thứ X, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị “Về nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức Đảng trong nghiên cứu, triển khai và tổ chức thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng” và Quy định “Về việc triển khai, học tập, quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng”³⁰⁸. Công tác triển khai, học tập, quán triệt và tuyên truyền các chỉ thị, nghị quyết của Đảng luôn được các cấp ủy quan tâm thực hiện với nhiều hình thức phong phú, phù hợp với từng đối tượng, số lượng đảng viên tham gia học tập đạt trên 98%, tuyên truyền ra quần chúng nhân dân đạt trên 75%. Trong triển khai các cấp ủy trong tỉnh luôn chú trọng việc kết hợp giữa tự nghiên cứu với trực tiếp nghe phổ biến, giữa học tập quán triệt với thảo luận. Trong triển khai, quán triệt có liên hệ tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, đồng thời phân bác những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch, giúp cho cán bộ, đảng viên nắm, hiểu được nội dung chỉ thị, nghị quyết và có cơ sở để liên hệ thực tiễn; định hướng cán bộ, đảng viên viết thu hoạch sau học tập chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị có chuyển biến tích cực. Bản lĩnh chính trị, sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của Đảng bộ có nâng lên, thúc đẩy các phong trào hành động cách mạng, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Đa số cán bộ, đảng viên có ý thức bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; gương mẫu trong viết, nói và làm theo quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng; không sa vào các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình. Hàng năm, qua thực hiện kiểm điểm, tự phê bình và phê bình tập thể, cá nhân, nhất là đối với người đứng đầu, với tinh thần “tự soi”, “tự sửa”, thẳng thắn,

³⁰⁸ Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 30/3/2015 và Quy định số 259-QĐ/TU, ngày 14/12/2015.

cầu thị, từ đó đề ra chủ trương, giải pháp phát huy ưu điểm, khắc phục kịp thời hạn chế, khuyết điểm trong lãnh đạo, quản lý, điều hành đã góp phần tích cực trong nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị cho đội ngũ làm công tác lý luận. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã tổ chức hội thảo chuyên đề *"Đổi mới nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI và khóa XII)"*; đồng thời ban hành *"Tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên chuyên trách và kiêm chức Trung tâm Bồi dưỡng chính trị các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh"*. Các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị duy trì hoạt động của Hội đồng Sư phạm giáo dục lý luận chính trị để thẩm định nội dung giáo án, dự thảo giảng, dự giờ của các giảng viên chuyên trách và kiêm chức; phối hợp mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, biên soạn giáo án điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin cho giảng viên, báo cáo viên; tổ chức hội thi giảng viên giảng dạy lý luận chính trị giỏi cấp tỉnh và dự thi cấp khu vực³⁰⁹, từng bước khắc phục cách giảng dạy theo lối thuyết trình đơn thuần, khuyến khích học viên là người chủ động trong học tập, phát hiện được những vấn đề mới, những vướng mắc trong thực tiễn đặt ra.

Các cơ quan thông tin đại chúng, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đã bám sát chủ trương của Đảng, thông tin kịp thời những vấn đề thời sự đến quần chúng nhân dân; nêu gương người tốt việc tốt, những điển hình tiên tiến trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Đặc biệt, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tổ chức phổ biến, sinh hoạt cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân bằng các hình thức phù hợp như: lồng ghép vào các cuộc họp chi hội, tổ hội, câu lạc bộ; tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt tôn giáo, lễ hội trong vùng đồng bào tôn giáo, dân tộc.

³⁰⁹ Tổ chức hội thi 02 lần (năm 2014 và năm 2017) có 52 giảng viên, báo cáo viên tham gia. Đua 04 thí sinh đoạt giải cao cấp tỉnh dự thi cấp khu vực (trong đó: có 03 thí sinh đoạt giải cấp khu vực: 02 giải khuyến khích và 01 đoạt giải giảng viên giảng dạy xuất sắc).

Ngày 03/3/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 12-KH/TU về “Thực hiện Kết luận số 100-KL/TW, ngày 18/8/2014 của Ban Bí thư “về việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác điều tra, nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội”. Thực hiện Kế hoạch số 12-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác định hướng dư luận xã hội có những chuyển biến tích cực; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức 07 cuộc điều tra dư luận xã hội³¹⁰; kịp thời tổng hợp, thực hiện tốt chế độ báo cáo dư luận xã hội và hội nghị giao ban công tác báo chí, văn hóa, văn nghệ hàng tháng; hội nghị báo cáo viên định kỳ.

Thực hiện Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 20/8/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2012 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ nay đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020”, công tác nghiên cứu, biên soạn, xuất bản lịch sử đảng bộ các cấp, lịch sử truyền thống ngành được đẩy mạnh. Đến năm 2020, đã có 100% đảng bộ xã hoàn thành biên soạn lịch sử Đảng bộ giai đoạn 1930 - 1975; trên 50% đảng bộ hoàn thành biên soạn lịch sử Đảng bộ giai đoạn 1975 - 2015; 100% đảng bộ huyện, thành phố hoàn thành giai đoạn 1930 - 1975, 8/9 huyện, thị xã, thành phố hoàn thành giai đoạn 1975 - 2010 (hoặc 1975 - 2015) và 9 đơn vị đã biên soạn lịch sử truyền thống ngành và các chuyên đề lịch sử khác³¹¹. Trực tiếp tổ chức và hưởng ứng các cuộc thi về lịch sử truyền thống theo chỉ đạo của Trung ương, góp phần giáo dục truyền thống lịch sử đất nước, dân tộc và Đảng Cộng sản Việt Nam, truyền thống của Đảng bộ, Nhân dân và lực lượng vũ trang Trà Vinh anh hùng, nâng cao sự

³¹⁰ Như: Điều tra dư luận xã hội về Sự hài lòng của Nhân dân và doanh nghiệp đối với các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh; Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, 6, 7 khóa XII và Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ X (nhiệm kỳ 2015 - 2020)...

³¹¹ Lịch sử Văn phòng Tỉnh ủy; số Tài chính, Công an tỉnh, Lực lượng vũ trang tỉnh, Bộ đội Biên phòng; Nhân vật chí tinh Trà Vinh tập 2, cá nhân và tập thể anh hùng tỉnh Trà Vinh, Phong trào yêu nước của đồng bào Khmer tỉnh Trà Vinh (1930 - 2010); Lịch sử Đảng bộ các huyện, thành phố giai đoạn 1975 - 2010, 1975 - 2015....

hiểu biết về lịch sử, khơi dậy niềm tự hào, tình yêu quê hương, đất nước cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ.

Ngày 26/7/2011, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 07-KH/TU “Thực hiện Thông báo Kết luận số 21-TB/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về việc tăng cường công tác nghiên cứu, đấu tranh chống thông tin, quan điểm sai trái, thù địch”; tiến hành kiện toàn Ban chỉ đạo 94 cấp tỉnh³¹², cấp huyện và tương đương, Ban Chỉ đạo 94 thành lập Bộ phận chia sẻ thông tin tích cực và phản bác thông tin xấu, độc trên internet và mạng xã hội, các lực lượng từ tỉnh đến cơ sở kịp thời phát hiện, thực hiện nhiều biện pháp đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Tiếp đến, ngày 29/6/2017 Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị 24-CT/TU “về việc tiếp cận, xử lý và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội đối với cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trên địa bàn tỉnh”, góp phần chấn chỉnh, xây dựng môi trường trên không gian mạng lành mạnh.

Sau khi Bộ Chính trị (khoá XII) có Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 “về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 130-KH/TU, ngày 06/6/2019 “Thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị”; Kế hoạch số 135-KH/TU ngày 23/7/2019 “Thực hiện Kết luận số 53-KL/TW ngày 04/6/2019 của Ban Bí thư về việc “Chỉ đạo đấu tranh ngăn chặn, xử lý, gỡ bỏ, triệt phá tin giả, thông tin sai sự thật, xấu, độc trên Internet, mạng xã hội”; xây dựng Đề án “Đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, thông tin xấu độc trên Internet, mạng xã hội trên địa bàn tỉnh”³¹³; ra quyết định thành lập Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh³¹⁴, đồng thời chỉ đạo cấp

³¹² Theo Quyết định số 2840-QĐ/TU ngày 07/8/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 20 thành viên và Tổ Thư ký gồm 13 thành viên.

³¹³ Ban hành kèm theo Quyết định số 4051-QĐ/TU ngày 31/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

³¹⁴ Quyết định số 4819-QĐ/TU ngày 22/7/2019 của BTV Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo 35 cấp tỉnh gồm 22 thành viên, Tổ thư ký gồm 09 thành viên, đồng chí Ngô Chí Cường, Phó Bí thư TT Tỉnh ủy làm Trưởng ban, đồng chí Trần Bình Trọng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy làm Phó Trưởng ban Thường trực.

ủy huyện, thị xã, thành phố và các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo 35 ở cấp mình.

Ngay sau khi được thành lập, Ban Chỉ đạo 35 các cấp đã tích cực, chủ động phối hợp tham mưu các cấp ủy ban hành các văn bản chỉ đạo, nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch; chú trọng công tác giáo dục, bồi dưỡng chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống trong cán bộ, đảng viên; củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng được triển khai đồng bộ, chủ động với nhiều hình thức phong phú, nhất là tuyên truyền về Lịch sử vùng đất Nam bộ Việt Nam, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc, tôn giáo; thông tin về tình hình phát triển kinh tế - xã hội; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, định hướng dư luận xã hội có chuyển biến rõ nét. Công tác đấu tranh, phản bác, xử lý, triệt phá thông tin giả, thông tin sai sự thật, xấu, độc được các lực lượng tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo 35 các cấp triển khai đồng bộ, phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả bằng nhiều hình thức khác nhau.

Sau 4 năm thực hiện Cuộc vận động "*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*"³¹⁵. Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, ngày 14/5/2011, Bộ Chính trị (khoá XI) ban hành Chỉ thị số 03-CT/TW về "*Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*" và sau 5 năm thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW, ngày 15/5/2016, Bộ Chính trị (khoá XII) ban hành Chỉ thị 05-CT/TW về "*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*".

Quán triệt Chỉ thị 03-CT/TW, Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá IX) ban hành Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 08/10/2011 "*Về việc tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*"; Kế hoạch số 27-KH/TU ngày 22/9/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá X) về "*Thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị (khoá XII) về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"*"; Quy định số 2400-

³¹⁵ Theo Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Bộ chính trị khoá X.

QĐ/TU ngày 27/8/2012 về “*Một số nội dung tự giác đi đầu, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu các cấp, các ngành trong việc học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*”; Quy định số 1031-QĐ/TU, ngày 22/9/2016 về “*Trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu*”, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên cơ sở quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Tỉnh ủy, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của từng cơ quan, đơn vị, trong đó, chú trọng xây dựng hệ thống chuẩn mực về các mối quan hệ của cán bộ, đảng viên với tổ chức đảng và Nhân dân; các cơ quan, đơn vị đều xây dựng, triển khai quy định về chuẩn mực đạo đức theo hướng ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, đánh giá và được triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW, Chỉ thị 05-CT/TW Bộ Chính trị và các kế hoạch thực hiện chuyên đề hàng năm của Tỉnh ủy, các cấp ủy trong tỉnh đều có xây dựng kế hoạch để cụ thể hóa thực hiện, đưa nội dung học tập và làm theo Bác vào sinh hoạt lệ chi bộ, cơ quan, đoàn thể. Nội dung kế hoạch học tập và làm theo Bác được xây dựng gắn với bản cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu hàng năm của người đứng đầu, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Đồng thời, nội dung tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được đưa vào chương trình giảng dạy ở các trường học của ngành giáo dục và đào tạo và lớp bồi dưỡng cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị. Đưa nội dung kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị vào Chương trình kiểm tra, giám sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy hàng năm.

Xác định vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt và người đứng đầu giữ yếu tố quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy đã ban hành nhiều quy định để cụ thể hóa các Quy định của Trung ương; ban hành Quy định về “*Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cấp, các ngành trong tỉnh*”. Tập trung chỉ đạo nêu cao tính gương mẫu trong tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ lãnh

đạo các cấp, người đứng đầu cơ quan, đơn vị³¹⁶, qua đó đã tạo được sự chuyển biến rõ nét trong công tác xây dựng Đảng, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Từ năm 2018, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xác định 06 nhiệm vụ tập trung và 03 nhiệm vụ đột phá³¹⁷, trong đó có nhiệm vụ phòng, chống và khắc phục có hiệu quả các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; tinh giản tổ chức, bộ máy, biên chế theo Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII).

Ngày 26/5/2014, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 4242-QĐ/TU về “Quy định Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia ý kiến, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Nhân dân trong giám sát cán bộ, đảng viên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức”. Qua đó, công tác giám sát việc khắc phục những hạn chế, khuyết điểm qua kiểm điểm theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên; giám sát cán bộ, đảng viên đang công tác giữ mối liên hệ với cấp ủy và thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể được tăng cường và mang lại hiệu quả thiết thực.

Ngày 16/11/2012, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá (XI) ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Để kịp thời quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cụ thể hoá các văn bản của Trung ương, xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản chỉ đạo các cấp ủy đảng, các cơ quan, đơn

³¹⁶ Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 23/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng thực thi công vụ gắn với công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh”, Chỉ thị số 20-CT/TU, ngày 23/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh”, Chỉ thị số 10-CT/TU, ngày 15/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Về việc không được uống rượu, bia trong giờ làm việc và việc chấp hành giờ giấc hành chính, kỷ luật phát ngôn của cán bộ, đảng viên”.

³¹⁷ Kế hoạch số 75-KH/TU, ngày 08/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

vị trong tỉnh để triển khai thực hiện³¹⁸. Trong quá trình triển khai thực hiện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều công văn uốn nắn, nhắc nhở việc làm tốt công tác kiểm điểm theo nghị quyết, phân công các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo và dự kiểm điểm theo Nghị quyết Trung ương 4 ở tất cả các đảng bộ, ban cán sự đảng, đảng đoàn và các sở, ban, ngành, đoàn thể...

Sau khi tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành kiểm điểm, tự phê bình và phê bình đối với tập thể và 15 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy³¹⁹. Qua kiểm điểm, đã làm rõ trách nhiệm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên các lĩnh vực chính trị - tư tưởng, đạo đức, lối sống và tổ chức chỉ đạo, điều hành. Các ý kiến đóng góp đối với tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy thể hiện tính trung thực, khách quan với tinh thần xây dựng, thẳng thắn nhằm đi đến thống nhất trên nguyên tắc tập trung dân chủ, từ đó làm rõ ưu, khuyết điểm trong nhận thức và việc vận dụng các chủ trương, nghị quyết của Đảng vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Sau khi hoàn thành kiểm điểm ở cấp tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo kiểm điểm ở các huyện ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc theo hướng dẫn của Trung ương. Đến tháng 12/2013 hoàn thành việc kiểm điểm 71/71 đơn vị là ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo sở, ngành tỉnh và các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy; đến tháng 02/2014 hoàn thành kiểm điểm 638/638 phòng, ban, ngành huyện và xã, phường, thị trấn; kiểm điểm đảng viên đạt 97,5%.

Quá trình các cấp ủy, cơ quan, đơn vị kiểm điểm đảm bảo tính nghiêm túc, đúng quy trình hướng dẫn; thể hiện tinh chiến đấu cao trên tinh thần đoàn kết, xây dựng; các ý kiến đóng góp thẳng thắn, khách

³¹⁸ Cụ thể như: Kế hoạch số 12-KH/TU Ngày 08/10/2011, Ban Thường vụ Tỉnh ủy "Về việc tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" Quy định số 2400-QĐ/TU ngày 27/8/2012, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về "Một số nội dung tự giác đi đầu, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu các cấp, các ngành trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"...

³¹⁹ Kiểm điểm tập thể trong hai ngày 04 và 05/9/2012 và kiểm điểm cá nhân trong ba ngày 06, 07 và 08/9/2012.

quan, chân tình; các vấn đề góp ý với tập thể, cá nhân được trình bày, phân tích, giải trình chi tiết. Qua kiểm điểm, đã chỉ rõ ưu, khuyết điểm và nguyên nhân của các khuyết điểm, hạn chế, từ đó kịp thời đề ra các biện pháp khắc phục. Thông qua đợt kiểm điểm, giúp cho công tác cán bộ, việc đánh giá, xếp loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, cán bộ lãnh đạo quản lý hàng năm có chuyển biến tích cực; góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ. Công tác kiểm tra, giám sát đã kịp thời chấn chỉnh, nâng cao vai trò trách nhiệm của các cấp ủy đảng, đảng viên; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở địa phương, đơn vị, từng bước khắc phục yếu kém, khuyết điểm, phát huy nhân tố tích cực; tăng cường kỷ luật, kỷ cương. Đồng thời, có tác dụng ngăn chặn suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, cảnh báo, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa vi phạm đối với tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Những hạn chế, yếu kém ở các chi, đảng bộ cơ sở được chỉ đạo khắc phục, sửa chữa; tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương được nâng lên rõ rệt; giúp cho các cơ quan, đơn vị xây dựng được khối đoàn kết, vững mạnh hơn.

Qua 4 năm thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI), gắn với việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị, các cấp ủy đảng từ tỉnh đến cơ sở đã thực hiện đồng bộ 4 nhóm giải pháp Nghị quyết Trung ương 4 đề ra; thông qua các biện pháp quyết liệt, với bước đi, lộ trình cụ thể, duy trì thường xuyên kiểm điểm tự phê bình và phê bình; đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, nhất là giáo dục đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên; đã góp phần ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đẩy lùi suy thoái về đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên.

Ngày 30/10/2016, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW "Về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ". Quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XII) gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị được chỉ đạo triển khai nghiêm túc, đồng bộ. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã lãnh đạo thực hiện có hiệu quả

Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XII) theo đúng chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương; tập trung thể chế hoá thành các văn bản cụ thể, phù hợp với điều kiện của Đảng bộ; xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu có nhiều đổi mới; tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề nổi cộm, phức tạp; hàng năm duy trì và thực hiện công tác đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với Nhân dân. Đa số cấp ủy, cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt đã nêu cao ý thức trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân.

Ngày 06/12/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn số 194-CV/TU “về việc kiểm điểm, đánh giá, phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng, đảng viên năm 2016 và nội dung sinh hoạt chi bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị”, để chỉ đạo việc kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, nhận diện và xác định rõ những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” được nêu trong Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) để từng cấp ủy, tổ chức Đảng, cán bộ, đảng viên “soi mình” tự phê bình và đấu tranh phê bình; gợi ý kiểm điểm sâu đối với 06 tập thể và lập Tổ chỉ đạo việc kiểm điểm sâu; phân công Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy dự kiểm điểm tại tất cả cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn Đảng bộ.

Việc tổ chức kiểm điểm tập thể, cá nhân được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng trình tự, nội dung theo hướng dẫn. Sau kiểm điểm, có chỉ đạo xây dựng kế hoạch khắc phục những khuyết điểm, hạn chế của tập thể và cá nhân. Chỉ đạo rà soát, bổ sung nội dung kiểm điểm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2016 theo chỉ đạo của Ban Tổ chức Trung ương; tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Ban Cán sự Đảng, Đảng đoàn và sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh về bản kiểm điểm của tập thể và cá nhân các đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy trước khi tiến hành Hội nghị kiểm điểm Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Sau kiểm điểm có báo cáo kết quả với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và báo cáo Bộ Chính trị đúng quy định; xây dựng Kế hoạch số 37-KH/TU, ngày 03/3/2017 về việc “Khắc phục khuyết điểm, hạn chế của Ban Thường vụ Tỉnh ủy qua kiểm điểm, tự phê

bình và phê bình năm 2016"; phân công nhiệm vụ cụ thể cơ quan tham mưu, tổ chức thực hiện; từng đồng chí Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy đều có xây dựng kế hoạch khắc phục khuyết điểm, hạn chế của bản thân.

Trên cơ sở chỉ đạo kiểm điểm, tự phê bình và phê bình năm 2016 và cụ thể hóa 27 biểu hiện nêu trong Nghị quyết Trung ương 4, thành 82 nội dung biểu hiện nhỏ để dễ nhận diện, đánh giá; có 69/69 cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả đánh giá, nhận diện suy thoái. Cụ thể:

(1). *Đối với tập thể:*

+ Cấp huyện: Có 08/09 tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy (*tương đương*) nhận diện có biểu hiện suy thoái, chiếm 88,89%. Có 183/291 tập thể Ban Thường vụ (*hoặc chi ủy*) chi, Đảng bộ cơ sở trực thuộc huyện ủy (*tương đương*) nhận diện có biểu hiện suy thoái, chiếm 62,89%. Có 172/382 tập thể lãnh đạo phòng, ban, chuyên môn nhận diện có biểu hiện suy thoái, chiếm 45,02%. Có 892/1.632 tập thể chi ủy chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở nhận diện có biểu hiện suy thoái, chiếm 54,66%.

+ Các cơ quan cấp tỉnh: Có 32/59 tập thể Ban Thường vụ (chi ủy) của chi, đảng bộ cơ sở nhận diện có suy thoái, chiếm 54,24%. Có 30/55 tập thể lãnh đạo cơ quan nhận diện có biểu hiện suy thoái, chiếm 54,55%. Có 57/430 tập thể chi ủy chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở nhận diện có biểu hiện suy thoái, chiếm 13,26%.

(2). *Đối với cá nhân:* Tổng số có 14.940/46.289 cán bộ, công chức, viên chức tự nhận diện có biểu hiện suy thoái, chiếm 32,28%. Trong đó: Có 13.492/38.192 cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện tự nhận diện có biểu hiện suy thoái, chiếm 35,33%. Có 1.448/8.097 cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan cấp tỉnh nhận diện có biểu hiện suy thoái, chiếm 17,88%.

Sau kiểm điểm, các tập thể, cá nhân đã xây dựng kế hoạch khắc phục, sửa chữa hạn chế, khuyết điểm và xác định những việc cần làm ngay.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII), gắn với Chỉ thị 03-CT/TW và Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị, tỉnh có nhiều cách làm sáng tạo, mang lại hiệu quả thiết thực như:

+ Tổ chức Hội thi kể chuyện “*Tám gương đạo đức Hồ Chí Minh*” từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh, với 145 hội thi cấp cơ sở và cấp huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, có 2.330 thí sinh tham gia³²⁰.

+ Tổ chức Hội thi tìm hiểu tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, lựa chọn mô hình tiêu biểu trong học tập và làm theo Bác từ đảng bộ cơ sở đến cấp tỉnh, đối tượng dự thi là bí thư, phó bí thư cấp ủy các cấp và lãnh đạo sở, ban, ngành tỉnh³²¹. Ban Thường vụ các cấp ủy đã lựa chọn những mô hình hay để nhân rộng. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn và phát hành quyển sách “*Những mô hình hay trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” với 05 nhóm mô hình³²², nêu rõ nội dung học tập, những việc làm theo cụ thể, thiết thực, góp phần nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo Bác; đoàn viên, hội viên ấp, khóm đăng ký học tập và làm theo Bác gắn với công tác đoàn thể và bước đầu đạt được nhiều kết quả tích cực.

+ Cụ thể hóa 27 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” nêu trong Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) thành 82 biểu hiện nhỏ để cán bộ, đảng viên dễ nhận diện, đồng thời “*tự soi*”, “*tự sửa*”.

+ Ban hành quy định việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) và Chi thị 05 của Bộ Chính trị.

+ Chỉ đạo công khai bản cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu, trước hết là của người đứng đầu, để đảng viên, đoàn viên và Nhân dân giám sát việc tu dưỡng đạo đức, lối sống, việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Ngày 26/7/2013, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức lễ công bố quyết định thành lập Ban Nội chính Tỉnh ủy³²³; đồng thời ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy của Ban Nội Chính Tỉnh ủy;

³²⁰ Cấp cơ sở 132 cuộc với 1.914 thí sinh, cấp huyện và tương đương 13 cuộc, với 416 thí sinh, trong đó Hội thi cấp tỉnh được tổ chức vào ngày 06 và 07/5/2010 với 23 thí sinh tham dự.

³²¹ Với 155 hội thi và 2.725 đồng chí tham gia.

³²² Gồm (1) Cải cách thủ tục hành chính; (2) Nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, người đứng đầu; (3) Về thực hành tiết kiệm, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau; (4) Xây dựng tổ chức cơ sở đảng, hệ thống chính trị; (5) Công tác tuyên truyền, vận động.

³²³ Theo Quyết định số 3349-QĐ/TU ngày 30/5/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

các quyết định về điều động, phân công, bổ nhiệm cán bộ. Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động đồng chí Phan Trọng nghĩa, Ủy viên ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy giữ chức vụ Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy; điều động và bổ nhiệm hai đồng chí Phó ban Nội chính Tỉnh ủy³²⁴, đảm bảo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cơ cấu tổ chức, bộ máy của Ban Nội chính Tỉnh ủy.

Thực hiện các Nghị quyết của Trung ương, Bộ Chính trị và Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế³²⁵, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, đề án cụ thể để thực hiện³²⁶ với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, công khai, dân chủ. Các mô hình thí điểm việc kiêm nhiệm chức danh người đứng đầu cơ quan cấp ủy và cơ quan chuyên môn của chính quyền có chức năng, nhiệm vụ tương đồng được thực hiện chặt chẽ, lựa chọn thí điểm ở những địa phương, cơ quan, đơn vị có đủ điều kiện. Đối với mô hình mới, được chỉ đạo nghiên cứu kỹ lưỡng, thận trọng để triển khai khi đủ cơ sở. Tiến hành sáp nhập ấp, khóm không đảm bảo các tiêu chí theo quy định. Các cấp ủy, sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh đều có xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án để xác định giải pháp, mục tiêu, lộ trình thực hiện.

³²⁴ Điều động bổ nhiệm ông Phan Hoàng Thọ, Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Phòng chống tham nhũng của tỉnh giữ chức vụ Phó Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy, điều động ông Lâm Sáng Tươi, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, giữ chức vụ Phó Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy.

³²⁵ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) “*về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*”; Nghị quyết số 10/NQ-CP, ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị Trung ương 6 khóa XII,...

³²⁶ Kế hoạch số 71, 72-KH/TU, ngày 08/01/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII); Đề án số 05-ĐA/TU, ngày 21/6/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị tỉnh Trà Vinh theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII); Quyết định số 638/QĐ-UBND, ngày 05/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP, ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 71-KH/TU.

Đối với các cơ quan khối Đảng, đoàn thể:

+ Đã thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đổi mới cơ chế hoạt động của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; sáp nhập Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh và Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh, thành Đảng ủy Khối Các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh.

+ Hợp nhất Văn phòng cấp ủy phục vụ chung các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy. Các cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh (*kể cả đơn vị sự nghiệp của Tỉnh ủy*) tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong, giảm 14 phòng, ban chuyên môn, 11 trưởng phòng và 08 phó trưởng phòng.

+ Thực hiện hợp nhất Văn phòng cấp ủy với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; Ban Tổ chức Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy với Phòng Nội vụ; Ủy ban kiểm tra với Thanh tra của 9/9 huyện, thị xã, thành phố.

+ Cấp tỉnh và 9/9 huyện, thị xã, thành phố đã thực hiện chủ trương Trưởng Ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp; Trưởng Ban Tuyên giáo đồng thời là Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng chính trị cấp huyện. Thực hiện Mô hình Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp ở cấp tỉnh và 4/9 huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị "về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức", Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành kế hoạch tinh giản biên chế của cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh và cấp huyện; chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế cơ quan Nhà nước giai đoạn 2015 - 2021. Từ năm 2015 đến năm 2020, đã giám biên chế của hệ đảng, đoàn thể 103 người;

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết hội nghị Trung ương 6 (lần 2), các cấp ủy đảng trong tỉnh đã tập trung lãnh đạo xây dựng, củng cố và nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Tổ chức triển khai, quán triệt đầy đủ các quy định, hướng dẫn của

Trung ương³²⁷. Thực hiện việc tách, nhập và thành lập mới các chi, đảng bộ phù hợp với công tác sắp xếp tổ chức bộ máy của cả hệ thống chính trị³²⁸, đến cuối năm 2020, toàn Đảng bộ tỉnh có 502 tổ chức cơ sở đảng (195 đảng bộ, 307 chi bộ) và 1.998 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở. Các đảng bộ xã, phường, thị trấn đều xây dựng và thực hiện nghiêm quy chế làm việc; khắc phục sự chông chéo, bao biện làm thay; phát huy tốt nguyên tắc Đảng lãnh đạo bằng nghị quyết, quản lý, kiểm tra các mặt công tác bằng quy chế, các tổ chức trong hệ thống chính trị cụ thể bằng chương trình, kế hoạch công tác theo chức năng nhiệm vụ, vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị của Đảng ở cơ sở được nâng lên. Thực hiện mô hình Bí thư đảng ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân ở 59/106 xã, phường, thị trấn (tỷ lệ 55,66%); bố trí Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban nhân dân ở 807/816 ấp, khóm. Tuy nhiên, đến tháng 6/2019, thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ³²⁹ tỉnh đã chỉ đạo tách chức danh Bí thư chi bộ riêng và Trưởng ban nhân dân ấp, khóm riêng; 816/816 ấp, khóm trong tỉnh đều có chi bộ đảng.

Nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ có đổi mới, chất lượng sinh hoạt được nâng lên. Vai trò lãnh đạo của chi, đảng bộ cơ sở được nâng cao hơn, từng bước đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Công tác đánh giá, phân loại, khen thưởng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hàng năm đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định và hướng dẫn của Trung ương, chú trọng về chất lượng; kết quả đánh giá cơ bản sát với thực tế tình hình. Với kết quả:

- Tổ chức cơ sở đảng 03 năm (2016 - 2018): Trong sạch, vững mạnh

³²⁷ Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 25/07/2016 của Ban Chấp hành Trung ương, Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 20/9/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

³²⁸ Nhiệm kỳ IX (2010 - 2015) đã thành lập mới 78, sáp nhập 64, giải thể 09 tổ chức cơ sở đảng. Đến cuối nhiệm kỳ toàn đảng bộ có 553 tổ chức cơ sở đảng (187 đảng bộ, 366 chi bộ), 1.343 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở.

³²⁹ Về "Sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố", quy định: "Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có không quá 03 người được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước và chỉ áp dụng đối với các chức danh: Bí thư Chi bộ; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác mặt trận".

là 39,26%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ là 54,95%; Hoàn thành nhiệm vụ là 5,3%; Yếu kém là 0,71%. Năm 2020, trong sạch, vững mạnh là 19,5%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ là 76%; Hoàn thành nhiệm vụ là 5,2%; Yếu kém là 0,4%. Năm 2020

- Đảng viên 03 năm (2016 - 2018): Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là 13,04%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ là 82,59%; Hoàn thành nhiệm vụ là 6,14%; Không hoàn thành nhiệm vụ là 0,35% so với tổng số đảng viên được đánh giá, phân loại. Năm 2020, đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là 14,5%; Hoàn thành tốt nhiệm vụ là 82%; Hoàn thành nhiệm vụ là 3,6%; Không hoàn thành nhiệm vụ là 0,4% so với tổng số đảng viên được đánh giá, phân loại.

Công tác phát triển đảng viên được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm chỉ đạo; chỉ tiêu phát triển đảng được đưa vào nghị quyết hàng năm của Tỉnh ủy và của các cấp ủy, một số cấp ủy ban hành Nghị quyết hoặc kế hoạch chuyên đề về công tác phát triển đảng phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương, đơn vị; chú trọng nâng cao chất lượng nguồn kết nạp đảng viên; việc mở các lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, thực hiện quy trình kết nạp đảng viên, công nhận đảng viên chính thức được thực hiện có nền nếp, đảm bảo đúng nguyên tắc. Việc kết nạp đảng viên là đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo, công nhân trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, lực lượng trẻ, nữ... được quan tâm và đạt được kết quả tích cực; đã khắc phục 194/194 ấp, khóm chưa có đảng viên là nữ; 79/99 ấp, khóm có đồng đồng bào Khmer nhưng chưa có đảng viên là đồng bào Khmer. Cơ cấu, số lượng, chất lượng đảng viên mới kết nạp được nâng lên. Từ năm 2011 đến năm 2020 đã kết nạp 15.912³⁹⁰ trong đó, có 16 đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân, 26 đảng viên là chức sắc, chức việc các tôn giáo. Đến cuối năm 2020, toàn Đảng bộ có 45.542 đảng viên, chiếm 4,51% so với dân số toàn tỉnh, trong đó đảng viên nữ 14.115; người dân tộc thiểu số 7.946 (*dân tộc Khmer 7.769, Hoa 177*); đoàn viên thanh niên 11.112; ngành giáo dục 9.898; y tế 2.177; học sinh, sinh viên 233; đảng viên là người có đạo 8.103; đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân 103. Công tác quản

³⁹⁰ Nhiệm kỳ IX kết nạp 8.137 đảng viên, nhiệm kỳ X kết nạp 7.775 đảng viên.

lý, phân công công tác đối với đảng viên được thực hiện nền nếp, đúng quy định.

Việc cụ thể hóa các văn bản có liên quan đến công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ được Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện đầy đủ, nội dung có bám vào tinh thần chỉ đạo của Trung ương; đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo³³¹. Công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ bảo đảm theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm cá nhân và tổ chức trong hệ thống chính trị, trước hết là người đứng đầu về công tác cán bộ. Các nội dung có liên quan đến công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ đều được tập thể bàn bạc, thống nhất quyết định. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt, nhất là bí thư cấp ủy, người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín và ngang tầm nhiệm vụ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý là người dân tộc Khmer, cán bộ nữ, cán bộ trẻ có triển vọng phát triển³³², thực hiện đảm bảo cơ cấu 03 độ tuổi nhằm bảo đảm sự kế thừa, phát triển và chuyển tiếp giữa các thế hệ cán bộ. Việc đánh

³³¹ Tỉnh ủy ban hành: Kế hoạch số 30-KH/TU ngày 24/12/2012 "Thực hiện Kết luận số 24-KL/TW, ngày 05/6/2012 của Bộ Chính trị (khóa XI) "về đẩy mạnh công tác quy hoạch và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo". Kế hoạch số 35-KH/TU về "Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện quy hoạch nhiệm kỳ 2015 - 2020 và các nhiệm kỳ tiếp theo"; Kế hoạch số 36-KH/TU về "Luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện quy hoạch nhiệm kỳ 2015 - 2020 và các nhiệm kỳ tiếp theo"; Kế hoạch số 91-KH/TU, ngày 17/8/2018 thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của BCHTW Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành: Quy định số 3053-QĐ/TU, ngày 27/11/2017 và Quy định 3056-QĐ/TU, ngày 29/11/2017 để thực hiện Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị (khóa XII) về "Khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp"; Quy định số 01-QĐ/TU, ngày 09/5/2018 về "Phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử".

³³² Cấp tỉnh có 03/51 Tỉnh ủy viên là cán bộ người dân tộc Khmer, chiếm 5,88%; có 07/51 Tỉnh ủy viên là cán bộ nữ, chiếm 13,73%; có 36 cán bộ là nữ Trưởng, Phó ngành tỉnh, trong đó, có 07 cán bộ nữ là người dân tộc Khmer, chiếm 19,44%. Cấp huyện (09 huyện, thị, thành phố) có 32/367 cấp ủy viên là cán bộ người dân tộc Khmer, chiếm 8,72 %; có 51/367 huyện ủy viên là cán bộ nữ, chiếm 13,90%; có 09/367 cán bộ nữ dân tộc Khmer, chiếm 2,45%.

giá cán bộ đảm bảo thực hiện đúng quy định, thẩm quyền, trách nhiệm, nhất là trong việc đề xuất, đánh giá, nhận xét cán bộ làm cơ sở phục vụ cho công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, khen thưởng, giới thiệu cán bộ ứng cử, thực hiện chính sách cán bộ và kỷ luật cán bộ, đảm bảo tính khách quan, dân chủ, minh bạch, công bằng.

Công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ đảm bảo đúng quy trình, chặt chẽ, đúng theo quy định, hướng dẫn của cấp trên; trước khi đưa vào hoặc đưa ra khỏi quy hoạch đều có nhận xét đánh giá cán bộ, lấy ý kiến đảm bảo công khai, dân chủ; định kỳ hàng năm đều có chỉ đạo việc rà soát, bổ sung quy hoạch, nên nguồn quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành trong tỉnh đều đạt yêu cầu. Kết quả rà soát bổ sung quy hoạch cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 được đảm bảo về số lượng, cơ cấu, tỷ lệ nữ, dân tộc theo quy định. Từ năm 2010 - 2020, toàn tỉnh đã đưa đi đào tạo, bồi dưỡng 33.496 lượt cán bộ, trong đó, đào tạo về lý luận chính trị 7.652 đồng chí, đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn 25.839 đồng chí³³³. Thực hiện tốt công tác điều động, luân chuyển cán bộ, nhất là những cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ, có năng lực nổi trội, thành tích tốt, được điều động, bổ nhiệm, luân chuyển sang vị trí công tác khác để đào tạo, bồi dưỡng, thử thách, tích lũy kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý, làm cơ sở cho đánh giá quy hoạch, bố trí cán bộ lãnh đạo quản lý của tỉnh trong thời gian tới, bố trí cán bộ không phải là người địa phương ở cấp huyện đạt tỷ lệ 23,33%, cấp xã đạt 45,13%. Việc thực hiện chính sách đối với cán bộ ngày càng đi vào nền nếp, phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp kịp thời giải quyết cho cán bộ đến tuổi hoặc sức khoẻ hạn chế được nghỉ hưu, đồng thời đảm bảo kiện toàn về tổ chức bộ máy và biên chế các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Trong nhiệm kỳ 2010 - 2015, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã Ban hành các quyết định về công tác cán bộ như:

+ Chuẩn y đồng chí Thạch Dư, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Trưởng đoàn chuyên trách Đoàn đại biểu Quốc hội khoá XIII, đơn vị tỉnh Trà Vinh giữ chức vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy (tháng 5/2013). Đến tháng

³³³ Trong đó đưa 88 cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài.

6/2014, Ban Bí thư ban hành Quyết định điều động đồng chí Thạch Dư về công tác tại Bộ Ngoại giao và được Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Đại sứ Đặc mệnh toàn quyền nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Vương quốc Campuchia;

+ Chuẩn y đồng chí Đồng Văn Lâm, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy (tháng 01/2014);

+ Chuẩn y đồng chí Ngô Chí Cường, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy thành phố Trà Vinh, giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy (tháng 5/2014);

+ Chuẩn y đồng chí Sơn Thị Ánh Hồng, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy (tháng 8/2014).

+ Chuẩn y bổ sung Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh 13 đồng chí³³⁴, chuẩn y bổ sung Ban Thường vụ Tỉnh ủy 08 đồng chí³³⁵.

Nhiệm kỳ 2015 - 2020, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành quyết định chuẩn y đồng chí Kim Ngọc Thái, Ủy viên Ban Thường Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy³³⁶ và các Quyết định bổ sung Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh 16 đồng chí³³⁷, bổ sung Ban Thường vụ Tỉnh ủy 06 đồng chí³³⁸.

Quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch số 67-KH/TU ngày 29/9/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy “Thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình hiện nay” và Quy định số 126-QĐ/TW, ngày 28/02/2018 của

³³⁴ Xem phụ lục số 1.

³³⁵ Gồm các đồng chí: Lê Văn Quang, Đồng Văn Lâm, Lê Thuý Kiều, Lê Văn Hân, Nguyễn Thị Lệ Hà, Lâm Bình Vinh, Kim Ngọc Thái và Lê Văn Việt.

³³⁶ Quyết định số 853-QĐNS/TW ngày 28/8/2018.

³³⁷ Xem phụ lục số 1.

³³⁸ Gồm các đồng chí: Lâm Minh Đăng, Nguyễn Văn Hiếu, Lê Thanh Bình, Trương Thanh Phong, Nguyễn Thị Minh Tâm và Vũ Hoài Bắc.

Bộ Chính trị “*Một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng*” đã nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về quan điểm đổi mới của Đảng về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, có căn cứ để kết luận về chính trị và bổ trí, sử dụng hợp lý đối với các trường hợp có vấn đề chính trị quan hệ gia đình, đảm bảo tính khách quan, giúp các cấp ủy đủ cơ sở rà soát, thẩm định tiêu chuẩn chính trị cán bộ phục vụ công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ, kết nạp đảng viên; giải quyết những trường hợp liên quan đến lịch sử chính trị, vấn đề chính trị hiện nay của cán bộ, đảng viên thêm chặt chẽ.

Trên cơ sở các quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cụ thể hoá bằng các kế hoạch, quy định... để thực hiện. Hầu hết cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy có chuyển biến tích cực trong nhận thức về tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng, từ đó phát huy trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Ban Thường vụ cấp ủy các cấp đã chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng theo các quy định của Đảng³⁹⁹; ban hành chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm và phân công các đồng chí thường trực, ủy viên ban thường vụ cấp ủy tổ chức thực hiện; qua kiểm tra, giám sát kịp thời thông báo kết luận kiểm tra, kết quả giám sát đối với tổ chức đảng, đảng viên; đồng thời, xem xét, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền. Ủy ban Kiểm tra các cấp xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm, thực hiện toàn diện các nhiệm vụ theo Điều 32 Điều lệ Đảng, bảo đảm đúng nguyên tắc, thẩm quyền, công khai, dân chủ, quy định.

Trong thực hiện đã có bước đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực,

³⁹⁹ Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; Quy định số 86-QĐ/TW, ngày 01/6/2017 của Bộ Chính trị về giám sát trong Đảng; Quy định số 102-QĐ/TW, ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; Quy định số 07-QĐ/TW, ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm; ...

hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát như: Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm bám sát tình hình thực tế, toàn diện các lĩnh vực; tập trung vào những lĩnh vực phức tạp, dễ phát sinh vi phạm như đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, ngân sách, công tác cán bộ...; tập trung chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu³⁴⁰ về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Qua đó nâng cao trách nhiệm của các đồng chí lãnh đạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, ngăn ngừa khuyết điểm, vi phạm, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát. Phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với công tác thanh tra, điều tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Giai đoạn 2010 - 2020: Cấp ủy, tổ chức Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp kiểm tra 6.788 tổ chức đảng, 10.036 đảng viên; giám sát chuyên đề 3.701 tổ chức đảng, 7.233 đảng viên; giải quyết tố cáo 5 tổ chức đảng, 328 đảng viên; giải quyết khiếu nại về kỷ luật đảng 14 đảng viên. Cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp và chi bộ đã thi hành kỷ luật 3 tổ chức đảng bằng hình thức khiển trách 02, cảnh cáo 01 và kỷ luật 1.294 đảng viên, có 436 cấp ủy viên, với các hình thức: Khiển trách 598, cảnh cáo 388, cách chức. 102, khai trừ 197. Nội dung vi phạm chủ yếu là những điều đảng viên không được làm; phẩm chất đạo đức, lối sống; thiếu trách nhiệm; nguyên tắc tập trung dân chủ; tham nhũng, cố ý làm trái; chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; tài chính; đoàn kết nội bộ; quản lý đất đai; các vi phạm khác.

Căn cứ các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác dân vận, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện việc tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới³⁴¹. Đồng thời, chỉ đạo Ban Dân vận Tỉnh ủy xây

³⁴⁰ Như: Bí thư huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc Tỉnh ủy; giám đốc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

³⁴¹ Như: Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 20/8/2013 "Thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW Hội nghị Trung ương 7 (khóa XI) "Về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới"; Chỉ thị số 15-CT/TU, ngày 14/3/2014 "Về việc triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) "...

dụng, chủ trì thực hiện Dự án “*Ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động thực tế của các đoàn thể giai đoạn 2015 - 2020*”, trực tiếp chỉ đạo tổ chức phát động phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”; tạo được sự đồng thuận trong hệ thống chính trị, cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và nhân dân. Chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền phối hợp triển khai, quán triệt thực hiện công tác dân vận trong toàn hệ thống chính trị theo hướng tăng cường, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng. Các ngành, các cấp ký kết, thực hiện các chương trình, kế hoạch phối hợp công tác dân vận³⁴²; hàng năm tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ công tác dân vận, Quy chế dân chủ ở cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và cán bộ công tác ở ấp, khóm³⁴³; kịp thời phối hợp triển khai các chủ đề công tác của Ban Dân vận Trung ương, nhất là chủ đề năm 2018 “*Năm công tác dân vận chính quyền*”. Công tác dân vận chính quyền có bước chuyển biến tích cực, các cấp chính quyền đã kịp thời cụ thể hóa và tổ chức thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tập trung giải quyết đúng và kịp thời các yêu cầu bức xúc, những nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy giữ vững chế độ làm việc định kỳ với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, quan tâm bồi dưỡng, quy hoạch đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận. Công tác dân vận trong đồng bào dân tộc góp phần tạo chuyển biến tích cực trong đồng bào dân tộc Khmer về kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh. Thực hiện phong trào thi đua “*Dân vận khéo*”, giai đoạn 2015 - 2020 đã có 21.323 mô hình đăng ký, công nhận 7.334 mô hình “*Dân vận khéo*” trên bốn lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ

³⁴² Ban Dân vận cấp ủy ký kết phối hợp với Ủy ban nhân dân, ngành tư pháp, y tế, ngân hàng, công an, quân sự; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ký kết phối hợp với lực lượng vũ trang...

³⁴³ Tổ chức tập huấn gần 400 lớp, cho trên 56.000 lượt cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

thống chính trị³⁴⁴. Qua công tác dân vận của cả hệ thống chính trị đã xây dựng, củng cố, phát huy mối quan hệ tốt đẹp giữa Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể với Nhân dân. Nhân dân đồng thuận, tin tưởng và tích cực tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các phong trào thi đua yêu nước, phong trào hành động cách mạng ở địa phương.

Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được sự quan tâm chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kịp thời cụ thể hoá các văn bản chỉ đạo của Trung ương³⁴⁵, tập trung công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) và Chỉ thị số 03, Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị. Qua triển khai đã tạo sự chuyển biến rõ nét trong nội bộ và Nhân dân về nhận thức, nâng cao vai trò, trách nhiệm và hành động trong nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tạo sự đồng thuận cao với các mục tiêu, quan điểm của Đảng và Nhà nước. Tỉnh ủy yêu cầu và giao trách nhiệm cho người đứng đầu các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở phải nghiêm túc thực hiện và trực tiếp chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; công tác, thanh tra, kiểm tra, giám sát, điều tra, truy tố, xét xử của địa phương, đơn vị. Qua triển khai thực hiện Nghị quyết số 04, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành trên 100 văn bản³⁴⁶ để thực thi trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức trong hệ thống chính trị, trước hết là người đứng đầu trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí trên địa bàn tỉnh.

³⁴⁴ Trên lĩnh vực kinh tế có 1.990 tập thể, cá nhân được công nhận; lĩnh vực văn hóa - xã hội, có 3.977 mô hình; lĩnh vực quốc phòng - an ninh, có 979 mô hình; lĩnh vực xây dựng hệ thống chính trị, có 1.111 mô hình

³⁴⁵ Như: Kế hoạch số 23-KH/TU ngày 01/10/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa IX) "Thực hiện Kết luận số 21-KL/TW Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) "Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí"; Kế hoạch số 11-KH/TU ngày 03/3/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa X) về "Thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng".

³⁴⁶ Gồm: 78 văn bản của Tỉnh ủy, 32 văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh (trong đó có 07 văn bản chỉ đạo chung, 54 văn bản chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, 27 báo cáo về phòng, chống tham nhũng, 22 văn bản về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí).

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình phòng, chống tham nhũng, lãng phí luôn được quan tâm, các cấp ủy hàng năm có xây dựng kế hoạch và thành lập các Đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; ngăn chặn, xử lý tình trạng những nhiều, tiêu cực ở các cấp, các ngành, quán triệt thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 10/CT-TTg, ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc *Tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng những nhiều, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc*. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, nâng cao hiệu quả hoạt động của Thanh tra nhân dân, góp phần ngăn chặn tham nhũng, lãng phí trên địa bàn.

Về kết quả đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và thu hồi tài sản tham nhũng: Các cơ quan Thanh tra, Công an, Viện kiểm sát, Tòa án chủ động nắm tình hình, sử dụng nghiệp vụ cơ bản đấu tranh phát hiện các hành vi tiêu cực, tham nhũng đưa ra xử lý kịp thời, nghiêm minh, các hình phạt áp dụng đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Chỉ trong giai đoạn 2016 - 2020 đã tiến hành 233 cuộc thanh tra trên các lĩnh vực, trong đó có 170 cuộc thanh tra hành chính, 63 cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng³⁴⁷; 59 cuộc Thanh tra trách nhiệm về phòng, chống tham nhũng³⁴⁸; 2.080 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, đối với 11.358 cá nhân, 1.595 tổ chức³⁴⁹. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua giải quyết khiếu nại, tố cáo, kết quả điều tra làm rõ khởi tố 01 vụ, 03 bị can về tội tham ô tài sản. Kiểm điểm trách nhiệm và đề nghị có hình

³⁴⁷ Đã phát hiện và xử lý vi phạm với số tiền trên 123 tỷ đồng; 23.827m² đất; kiến nghị thu hồi trên 71 tỷ đồng; đã thu hồi nộp ngân sách Nhà nước 67 tỷ đồng. Đưa ra xét xử 05 vụ, 08 bị can tội tham nhũng, tài sản tham nhũng được Tòa án nhân dân 02 cấp tuyên thu hồi nộp ngân sách Nhà nước với số tiền 539.196.200 đồng/05 vụ, 01 vụ, 01 bị can đã đình chỉ; thực hiện 134 cuộc thanh tra hành chính, phát hiện 157 đơn vị vi phạm về kinh tế, kiến nghị thu hồi 29,699 tỷ đồng, đã thu 22,26 tỷ đồng.

³⁴⁸ Phát hiện 58 đơn vị vi phạm, kiến nghị thu số tiền 26,454 tỷ đồng, đã thu 23,746 tỷ đồng.

³⁴⁹ Phát hiện 3.462 cá nhân, 332 tổ chức vi phạm.

thức kỷ luật 82 cán bộ, công chức do vi phạm trong thực hiện Quyết định 118, 117 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định 45 của Chính phủ; xử lý trách nhiệm 05 người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu, đã có tác dụng răn đe, phòng ngừa³⁵⁰.

Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được quan tâm chỉ đạo thực hiện và có những chuyển biến tích cực. Thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách, việc chi tiêu công, kết quả toàn tỉnh đã tiết kiệm được trên 837,784 tỷ đồng.

Tỉnh ủy thực hiện nghiêm các nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách, vừa bảo đảm sự lãnh đạo tập thể, vừa đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân, giải quyết công việc đúng thẩm quyền; phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, các tổ chức trong hệ thống chính trị. Sau Đại hội, Tỉnh ủy đã ban hành Quy chế Làm việc của Tỉnh ủy khoá IX (nhiệm kỳ 2010 - 2015) và Quy chế làm việc của Tỉnh ủy khoá X (nhiệm kỳ 2015 - 2020); trong quá trình tổ chức thực hiện có bổ sung Quy chế cho phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Đồng thời, ban hành các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức máy của các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và Trường Chính trị tỉnh; quy định về phân cấp, phân quyền cho các tập thể, cá nhân trong thẩm quyền quyết định về công tác cán bộ; quy định về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của chi bộ ấp, khóm...

Các đồng chí cấp ủy viên đều phát huy được vai trò, trách nhiệm của mình vào sự lãnh đạo của tập thể, trong lãnh đạo, chỉ đạo luôn bám sát nghị quyết, chương trình, kế hoạch và quy chế làm việc của cấp ủy. Việc cấp ủy phân cấp, phân công, ủy quyền cho ban thường vụ, thường trực cấp ủy được thực hiện đúng nguyên tắc, thẩm quyền và quy chế làm việc của cấp ủy. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đều được phân công chỉ đạo địa bàn để kịp thời nắm tình hình, xử lý, giải quyết những vấn đề mới, phát sinh ở cơ sở.

³⁵⁰ Các cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra, chính quyền các cấp xử lý nghiêm trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng và người phạm tội "Tham ô tài sản" (03 vụ/04 bị cáo). Đã kiểm điểm trách nhiệm về mặt Đảng 03 đảng viên người đứng đầu; kỷ luật khai trừ Đảng và buộc thôi việc 04 cán bộ phạm tội "Tham ô tài sản". Còn 02 vụ/04 bị can, hiện nay đã đình chỉ sinh hoạt đảng, chờ kết quả xét xử sẽ tiến hành xử lý kỷ luật.

Đối với chính quyền, cấp ủy ban hành nghị quyết hàng năm và các chương trình, kế hoạch chuyên đề để lãnh đạo hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp. Cho ý kiến về chủ trương, định hướng lớn đối với những vấn đề quan trọng trước khi Hội đồng nhân dân tổ chức các kỳ họp. Ban hành nghị quyết lãnh đạo những định hướng lớn trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; về chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và từng năm để Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp cụ thể hóa thực hiện.

Đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, cấp ủy ban hành các nghị quyết chuyên đề, quy chế, quy định về sự lãnh đạo của cấp ủy đối với tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội cùng cấp. Chỉ đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy đối với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; cho ý kiến về kế hoạch tổ chức đại hội nhiệm kỳ; báo cáo chính trị; đề án nhân sự đại hội; công tác cán bộ chủ chốt của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; ban hành quy chế phối hợp công tác giữa Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội với các cơ quan đảng, chính quyền.

Đổi mới phương thức xây dựng nghị quyết và các văn bản chỉ đạo của cấp ủy, bảo đảm thiết thực, ngắn gọn, khả thi, phân công cụ thể trách nhiệm, quy định rõ thời hạn hoàn thành; nội dung dự thảo nghị quyết đều được tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cá nhân, tập thể trước khi ban hành. Đồng thời, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện để chủ trương, nghị quyết có tính khả thi cao và sớm đi vào cuộc sống. Việc triển khai, quán triệt, tổ chức thực hiện, sơ kết, tổng kết các nghị quyết của Đảng được tiến hành nghiêm túc, bảo đảm về thời gian, chất lượng. Thực hiện tốt việc cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, thường xuyên rà soát, kiểm tra các văn bản, thủ tục hành chính trong Đảng để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoặc loại bỏ những văn bản không còn phù hợp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào trong các hoạt động của các cơ quan đảng nhằm rút ngắn thời gian và nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc.

Công tác xây dựng và chính đồn đảng đạt những kết quả quan trọng, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế, yếu kém như:

Việc xây dựng chương trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Chi thị số 05 của Bộ Chính trị ở một số nơi chưa cụ thể, chưa sát với đặc điểm, tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị; nội dung đăng ký học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chưa sát với chức năng, nhiệm vụ được giao; một số tổ chức, cá nhân thực hiện việc đánh giá, nhận diện suy thoái chưa đúng thực chất, khắc phục các hạn chế, khuyết điểm còn chậm; một số cán bộ, đảng viên, người đứng đầu ở một số cấp ủy, cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương.

Tính chiến đấu, tính thuyết phục trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng tuy có nâng lên nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng, hiệu quả việc quán triệt, học tập nghị quyết, chỉ thị của Đảng ở một số nơi chưa cao; công tác nắm bắt, xử lý tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội, nhất là trước những vấn đề nhạy cảm, phức tạp nảy sinh có lúc, có nơi chưa kịp thời.

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn hạn chế; chưa đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh ở cơ sở, nhất là những nơi có tình hình an ninh, trật tự phức tạp. Sinh hoạt chuyên đề trong sinh hoạt lệ chi bộ chưa được chú trọng. Khó khăn trong xây dựng tổ chức đảng, phát triển đảng viên khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước chậm khắc phục.

Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu; một bộ phận cán bộ, công chức chưa chủ động nghiên cứu, nắm chắc chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chưa làm tốt công tác tham mưu cho lãnh đạo; một số cán bộ, công chức trong tổ chức thực hiện có sai phạm dẫn đến bị kỷ luật Đảng và xử lý bằng pháp luật³⁵¹. Một số cấp ủy

³⁵¹ Chủ yếu vi phạm trong thực hiện Quyết định 118, 117/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ "Về hỗ trợ người hoạt động cách mạng cải thiện nhà ở" với số tiền phải thu hồi là 8.633.006.000 đồng (đi thu hồi xong), chuyển cơ quan cảnh sát điều tra 16 hồ sơ, kiểm điểm trách nhiệm và có hình thức kỷ luật 42 cán bộ, công chức. Đối với Nghị định 45/2014/NĐ-CP của Chính phủ "Về thu tiền sử dụng đất" với số tiền phải thu hồi là 21.184.121.000 đồng, đi thu hồi 18.016.491.000 đồng, kiểm điểm trách nhiệm và có hình thức xử lý kỷ luật đối với 40 cán bộ, công chức.

chưa quan tâm đúng mức công tác cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc; bố trí, phân công cán bộ có một số trường hợp chưa thật sự ổn định, chưa đúng chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo. Vẫn còn tình trạng nể nang trong đánh giá, nhận xét cán bộ.

Một số cấp ủy, tổ chức đảng lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát còn một số hạn chế, chưa chủ động hoặc chậm phát hiện, xử lý kịp thời các khuyết điểm, vi phạm; khắc phục những hạn chế, yếu kém sau kiểm tra còn chậm.

Nhận thức về công tác dân vận của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đầy đủ, đúng mức; hiệu quả tuyên truyền, vận động, thuyết phục còn thấp. Công tác vận động quần chúng chuyển biến chưa đều ở các địa bàn, lĩnh vực; đổi mới nội dung, hình thức hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu.

Công tác tuyên truyền, phổ biến về phòng, chống tham nhũng ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị hiệu quả chưa cao. Công tác tự kiểm tra, tự phát hiện tham nhũng, lãng phí trong nội bộ ở một số cơ quan, đơn vị chưa thường xuyên.

Các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục triển khai, quán triệt và hướng dẫn thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, gắn với việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về công tác dân vận, các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước... qua đó cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, chiến sỹ lực lượng vũ trang và Nhân dân có sự chuyển biến nâng cao nhận thức và hành động thực hiện tốt các loại hình Quy chế dân chủ ở cơ sở; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, xây dựng Đảng bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Qua triển khai, quán triệt, tuyên truyền, vận động, tổ chức thực hiện tại các địa bàn dân cư, các nội dung của Pháp lệnh 34 đã cơ bản đi vào cuộc sống, được Nhân dân hưởng ứng và đưa vào thực hiện, là một trong những nội dung của quy ước, hương ước và các phong trào thi đua yêu nước, phong trào thi đua "Dân vận khéo", các cuộc vận động do địa phương phát động. Tại trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước đều

có niêm yết hồ sơ, văn bản, hướng dẫn quy trình thủ tục hành chính, nhằm cụ thể hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong Pháp lệnh.

Thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (theo Nghị định số 04/2015/NĐ-CP), cơ quan, đơn vị có chỉ đạo thực hiện công khai những việc phải công khai để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động biết thông qua các cuộc họp, hội nghị, gửi văn bản, niêm yết tại cơ quan đối với các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến công việc của cơ quan, đơn vị; kế hoạch công tác; kinh phí hoạt động; tài sản, trang thiết bị; công tác cán bộ; kê khai tài sản, thu nhập cá nhân; nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị... Những việc cán bộ, công chức, viên chức tham gia ý kiến, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định, được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến trực tiếp; thông qua người đại diện; hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị... từ đó góp phần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Việc triển khai, quán triệt thực hiện Nghị định số 60/2013/NĐ-CP về Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc đã mang lại hiệu quả tích cực, kích thích các hoạt động điều hành sản xuất, kinh doanh đi vào nền nếp, ổn định, tăng thu nhập cho công nhân và người lao động.

Ngày 22/5/2011, Trà Vinh cùng cả nước tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016. Đây là lần đầu tiên cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tiến hành trong cùng một ngày. Tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 99,85%. Đơn vị Quốc hội khóa XIII đơn vị tỉnh Trà Vinh có 06 đại biểu trúng cử³². Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII có 50 đại biểu trúng cử; Hội đồng nhân dân cấp huyện có 270 đại biểu trúng cử; Hội đồng nhân dân cấp xã có 2.818 đại biểu trúng cử.

Ngày 22/5/2016, Trà Vinh cùng cả nước tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội Khóa XIV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

³² Gồm: Nguyễn Thái Bình, Trần Trí Dũng, Thạch Dư, Nguyễn Thị Khá, Trần Quốc Tuấn và Thạch Thị Dân.

nhiệm kỳ 2016 - 2021, có 99,90% cử tri đi bầu, với kết quả: Có 6 vị trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XIV³⁵³; 49 vị trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; 297 vị trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện; 2.879 vị trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

Với tư cách là người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Trà Vinh khoá XIII và khoá XIV đã phát huy tinh thần trách nhiệm, gần bó mật thiết và nêu cao vai trò người đại biểu nhân dân. Trong 2 nhiệm kỳ XIII và XIV, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức các hội nghị để lấy ý kiến đóng góp vào các dự án luật, bộ luật và nghị quyết trình Quốc hội thông qua và cho ý kiến tại các kỳ họp. Đặc biệt, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã chú trọng mở rộng đối tượng để lấy ý kiến tham gia bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: tổ chức hội nghị lấy ý kiến tham gia của các đại biểu Quốc hội, các sở, ngành, đơn vị có liên quan; phát phiếu lấy ý kiến trực tiếp; phối hợp với một số cơ quan tổ chức hội nghị lấy ý kiến tham gia vào các dự án luật chuyên ngành.... Các ý kiến tham gia của Đoàn đã góp phần tích cực cùng Quốc hội thông qua trên 150 Luật, Bộ luật và nhiều Nghị quyết trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, khoá XIV, đặc biệt là việc thông qua Hiến Pháp năm 2013.

Hoạt động chất vấn của các vị Đoàn đại biểu Quốc hội đã phát huy hiệu quả tại các kỳ họp Quốc hội, chất lượng các câu hỏi chất vấn ngày càng được nâng cao và đi vào chiều sâu. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã nêu nhiều câu hỏi chất vấn trực tiếp tại Quốc hội và gửi câu hỏi chất vấn bằng văn bản đến Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương. Đó là những vấn đề bức xúc của xã hội, về chế độ chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đối với người có công; cán bộ bán chuyên trách cấp xã, ấp, khám chậm được điều chỉnh bổ sung phù hợp với điều kiện thực tiễn; việc quản lý chất lượng các công trình giao thông; tình trạng lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản; giải pháp để

³⁵³ Gồm: Nguyễn Thiện Nhân, Ngô Chí Cường, Hứa Văn Nghĩa, Thạch Phước Bình, Trần Thị Huyền Trân và Tăng Thị Ngọc Mai.

khắc phục tình trạng hàng hóa kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái, về đầu tư kết cấu hạ tầng cho các tỉnh khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, trong đó có Trà Vinh... Cùng với đó, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã chủ trì, phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức các cuộc giám sát chuyên đề tại địa phương. Trên cơ sở các cuộc giám sát, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã gửi các kiến nghị đến Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành có liên quan và chính quyền địa phương.

Với trách nhiệm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, mỗi kỳ họp Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã ý kiến với Quốc hội, Chính phủ, các bộ ngành của Trung ương để phản ánh kiến nghị trực tiếp những vấn đề liên quan đến nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Qua đó, các ý kiến đã được ghi nhận và đưa vào nghị quyết, chương trình đầu tư trung, dài hạn cho địa phương.

Hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh khóa XIII, khoá XIV đã tạo bước chuyển biến quan trọng trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ, đáp ứng được yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Quốc hội trên nhiều lĩnh vực; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và các phong trào ở địa phương, xứng đáng với niềm tin và sự kỳ vọng của Nhân dân.

Sau bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016, từ ngày 21- 22/6/2011, Hội đồng Nhân dân tỉnh khóa VIII tổ chức phiên họp đầu tiên bầu các chức danh Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Kết quả, đồng chí Dương Hoàng Nghĩa, Phó Bí thư Tỉnh ủy giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng chí Nguyễn Văn Ngộ, giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng chí Phan Hải được bầu giữ chức Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Trong nhiệm kỳ khoá VIII, một số chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân tỉnh có sự thay đổi. Cụ thể:

+ Trong cuộc họp ngày 16/8/2007, Hội đồng nhân dân tỉnh đã miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đối với đồng chí Huỳnh Phước Long (*được điều động về Trung ương*) và bầu đồng chí

Sơn Minh Thắng, Trưởng ban Dân tộc tỉnh giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

+ Trong cuộc họp ngày 15/9/2010, Hội đồng nhân dân đã miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đối với đồng chí Nguyễn Thái Bình (*được điều động về Bộ Nội vụ*) và bầu đồng chí Dương Hoàng Nghĩa, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, ngày 22/6/2016, Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khoá X tổ chức kỳ họp thứ nhất. Tại kỳ họp, đồng chí Trần Trí Dũng, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, được bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Nguyễn Thành Tâm, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và đồng chí Đặng Thị Phương, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khoá IX được bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X.

Trong nhiệm kỳ khoá IX, một số chức danh chủ chốt của Hội đồng nhân dân tỉnh có sự thay đổi. Cụ thể:

+ Ngày 12/7/2019, tại Kỳ họp thứ 12, Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu đồng chí Dương Thị Ngọc Thơ, Tỉnh ủy viên, Phó Ban Dân vận Tỉnh ủy giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thay đồng chí Nguyễn Thành Tâm (*được phân công về công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh*).

+ Ngày 05/11/2020, tại Kỳ họp thứ 17, Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu đồng chí Kim Ngọc Thái, Phó Bí thư Tỉnh ủy giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh thay đồng chí Trần Trí Dũng (*nghỉ hưu theo quy định*).

Trong nhiệm kỳ khoá VIII, ngày 08/12/2012, tại Kỳ họp thứ 7, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết về một số đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân. Đến nhiệm kỳ khoá IX, ngày 21/11/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 26-CT/TU “*về lãnh đạo nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp*”.

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân

dân các cấp được nâng lên; từng bước đổi mới về nội dung, nâng cao chất lượng các kỳ họp; đã tổ chức được 40 kỳ họp (khóa VIII có 21 kỳ họp và khóa IX có 19 kỳ họp), trong đó có 19 kỳ họp thường lệ; 21 kỳ họp chuyên đề. Qua 40 kỳ họp, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 611 nghị quyết (có 109 nghị quyết về nhân sự). Các kỳ họp được tổ chức theo hướng đổi mới và phát huy dân chủ, trí tuệ của đại biểu, dành nhiều thời gian cho đại biểu thảo luận và chất vấn; hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn có nhiều đổi mới, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, nội dung đi vào chiều sâu, tập trung vào những vấn đề cử tri quan tâm. Tổ chức 39 đợt tiếp xúc cử tri với 1.879 cuộc ở 9/9 huyện, thị xã, thành phố với trên 180.690 lượt cử tri tham dự và 28.453 lượt ý kiến đề đạt đến các ngành chức năng, có gần 90% ý kiến cử tri đã được các sở, ngành địa phương giải trình tại chỗ, các ý kiến còn lại đã được gửi đến các cơ quan chức năng giải quyết, đã góp phần giải quyết kịp thời những vướng mắc trong đời sống của người dân và trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội các địa phương... Thường trực và các ban Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức 84 đợt giám sát chuyên đề trên các lĩnh vực: Xây dựng cơ bản, tài nguyên môi trường, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, y tế, giáo dục - đào tạo, cải cách hành chính, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân, việc thực hiện các nghị quyết chuyên đề của Hội đồng nhân dân tỉnh. Thông qua công tác giám sát, có gần 2.700 kiến nghị đến đơn vị, địa phương chịu sự giám sát và các ngành có liên quan để biện pháp khắc phục. Đại biểu Hội đồng nhân dân luôn phát huy tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia quyết định nhiều vấn đề quan trọng của địa phương. Tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân theo đúng Nghị quyết số 35/2012/QH13³⁵⁴, đa số những người được lấy phiếu đều được tín nhiệm cao và tín nhiệm.

Trong phiên họp lần thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII (ngày 21- 22/6/2011), đồng chí Trần Khiêu, Phó Bí thư Tỉnh ủy được

³⁵⁴ Tại kỳ họp giữa năm 2013 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với 12 người; kỳ họp cuối năm 2014, tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với 07 người và kỳ họp cuối năm 2018 Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa IX), triển khai thực hiện lấy phiếu tín nhiệm đối người 23 người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu.

bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; các đồng chí: Tổng Minh Viễn, Nguyễn Văn Phong và Sơn Thị Ánh Hồng được bầu giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong nhiệm kỳ 2011 - 2016, các chức danh chủ chốt của Ủy ban nhân dân tỉnh có sự thay đổi. Cụ thể:

+ Trong cuộc họp ngày 29/9/2011, Hội đồng nhân dân tỉnh bầu đồng chí Đồng Văn Lâm, Giám đốc Sở Tài chính giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong cuộc họp ngày 16/01/2013, Hội đồng nhân dân đã miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với đồng chí Đồng Văn Lâm (*được phân công nhiệm vụ Bí thư Huyện ủy huyện Trà Cú*) và bầu đồng chí Nguyễn Thành Tâm, Bí thư Huyện ủy Cầu Kè giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong cuộc họp ngày 10/7/2013, Hội đồng nhân dân tỉnh đã miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với đồng chí Tổng Minh Viễn (*được phân công nhiệm vụ Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy*) và bầu đồng chí Đồng Văn Lâm, Bí thư Huyện ủy huyện Trà Cú giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong cuộc họp ngày 04/01/2014, Hội đồng nhân dân tỉnh đã miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với đồng chí Trần Khiêu (*nghỉ hưu*) và bầu đồng chí Đồng Văn Lâm, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong cuộc họp ngày 04/08/2014, Hội đồng nhân dân tỉnh đã miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với đồng chí Sơn Thị Ánh Hồng (*được chuẩn y giữ nhiệm vụ Phó Bí thư Tỉnh ủy*) và bầu đồng chí Kim Ngọc Thái, Bí thư Huyện ủy huyện Trà Cú giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong cuộc họp ngày 09/01/2015, Hội đồng nhân dân tỉnh bầu đồng chí Lê Văn Hân, Bí thư Huyện ủy huyện Càng Long giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong cuộc họp ngày 08/12/2015, Hội đồng nhân dân tỉnh đã miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với đồng chí Lê Văn Hân (*được phân công sang Mặt Trận Tổ quốc tỉnh*), đồng chí Nguyễn Thành Tâm (*chuyển công tác sang Hội đồng nhân dân tỉnh*)

và đồng chí Nguyễn Văn Phong (*nghi hưu*). Bầu đồng chí Trần Anh Dũng, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng chí Đặng Thị Phương, Bí thư Huyện ủy huyện Châu Thành; đồng chí Nguyễn Trung Hoàng, Bí thư Huyện ủy huyện Cầu Ngang giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong phiên họp lần thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IX, ngày 22/6/2016, Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu đồng chí Đồng Văn Lâm, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2011 - 2016, tiếp tục giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021; các Phó Chủ tịch gồm: Kim Ngọc Thái, Nguyễn Trung Hoàng và Trần Anh Dũng.

Trong nhiệm kỳ 2016 - 2021, các chức danh chủ chốt của Ủy ban nhân dân tỉnh có một số thay đổi:

+ Ngày 08/12/2018, tại kỳ họp lần thứ 10, Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu đồng chí Lê Văn Hãn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nguyên Bí thư Thành ủy thành phố Trà Vinh giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay đồng chí Kim Ngọc Thái (*được chuẩn y là Phó Bí thư Tỉnh ủy*).

+ Ngày 05/11/2020, tại Kỳ họp thứ 17 (kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh đã bầu đồng chí Lê Văn Hãn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thay đồng chí Đồng Văn Lâm (*nghi hưu theo quy định*).

Trong nhiệm kỳ VIII và IX, Ủy ban nhân dân tỉnh đã xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII và khóa IX ban hành 446 nghị quyết trên các lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trên 90.000 văn bản các loại để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội trong đó tập trung vào các nhiệm vụ: Tái cơ cấu nền kinh tế gắn với nâng cao chất lượng tăng trưởng; thực hiện các nhiệm vụ giải pháp thúc đẩy phát triển nông nghiệp, phát triển nuôi trồng thủy sản; xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; thu hút đầu tư; phát triển công nghiệp, phát triển điện; phát triển du lịch; cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ khởi nghiệp; thực hiện cải cách hành chính, xây dựng chính quyền, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường lĩnh vực quốc phòng an ninh.

Ngày 23/01/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 17-CT/TU *"Về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng thực thi công vụ gắn với công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh"*, Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đưa Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm hành chính công huyện Cầu Ngang, thành phố Trà Vinh đi vào hoạt động. Giai đoạn 2011 - 2015 đã sửa đổi, bổ sung 573 thủ tục, thay thế 21, bãi bỏ 159 thủ tục; giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện cắt giảm ½ thời gian giải quyết đối với 1.565 thủ tục hành chính, cắt giảm 1/3 thời gian giải quyết đối với 93 thủ tục hành chính. Đổi mới sắp xếp tinh gọn bộ máy, giảm 43 phòng chuyên môn thuộc sở và 03 Chi cục (chiếm 30,67% so với tổng số phòng chuyên môn, chi cục và tương đương thuộc sở; giảm 27/116 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; giảm 01 khoa và 01 phòng chuyên môn thuộc Trường cao đẳng Y tế; giảm 01 phòng thuộc Trung tâm Bảo trợ xã hội, thuộc sở Lao động - Thương binh và Xã hội; giảm 35 đơn vị sự nghiệp thuộc sở, giảm 48 điểm trường cấp huyện, giảm 03 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, chiếm tỷ lệ 12,29% (76/585) so với tổng số đơn vị sự nghiệp công lập năm 2015.

Thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và sắp xếp, sáp nhập ấp, khóm trên địa bàn. Với kết quả cụ thể:

+ *Sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã*: Qua rà soát tiêu chuẩn đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, kết quả trên địa bàn tỉnh không có đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã dưới 50% của cả hai tiêu chuẩn dân số và diện tích tự nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

+ *Sắp xếp, sáp nhập ấp, khóm*: Thực hiện Thông tư số 04/2012/TT-BNV, ngày 31/8/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, ngày 12/3/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 23/KH-UBND sắp xếp ấp, khóm trên

địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, đã sắp xếp 113 ấp, khám chưa đạt 50% quy mô hộ gia đình.

Việc sắp xếp tổ chức, bộ máy luôn gắn với tinh giản biên chế, đã cắt giảm 187 biên chế công chức, đạt 10,01%; giảm 1.142 biên chế viên chức, tỷ lệ 14,17%, thực hiện chính sách tinh giản biên chế 1.141 người, chiếm tỷ lệ 4,03% so với biên chế được giao năm 2015. Phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức tối thiểu của 20/20 sở và cơ quan ngang sở, 09/09 Ủy ban nhân dân cấp huyện. Thực hiện Quy trình tuyển chọn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương cho 393 trường hợp. Cù đi đào tạo sau đại học 758 cán bộ, công chức, viên chức.

Tập trung triển khai xây dựng chính quyền điện tử; phần mềm quản lý văn bản và điều hành được áp dụng tại tất cả các cơ quan, đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh với 6.758 người sử dụng; trên 90% các văn bản (trừ tài liệu mật) chính thức trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử, vận hành Zalo Cổng thông tin điện tử tỉnh. Hệ thống cổng dịch vụ công tỉnh cung cấp 1.949 thủ tục hành chính (mức 3: 306, tỷ lệ 31,04%; mức 4: 539, tỷ lệ 27,66%). Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 168 cơ quan, tổ chức áp dụng ISO³⁵⁵. Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ hành chính công của tỉnh đạt 83,91%.

Ngày 03/11/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU *"Về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2016 - 2020*. Quá trình thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU, với những kết quả về xếp hạng các chỉ số từ năm 2011 - 2020:

Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số về độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (ICT) giai đoạn 2011 - 2020

³⁵⁵ Cấp tỉnh có 19/19 cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, đạt 100%. Có 02 đơn vị là Công an và Hội đồng nhân dân tỉnh, 13 Chi cục và 19 đơn vị sự nghiệp công lập. Cấp huyện: có 09/09 Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đạt tỷ lệ 100%; cấp xã: có 106/106 Ủy ban nhân dân cấp xã, đạt 100%.

Các chỉ số	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	41	8	13	32	41	42	37	46	58	48
Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI)	63	53	31	40	36	59	33	46	36	40
Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX)		22	19	24	46	61	60	61	57	52
Chỉ số Hải lòng của người dân, tổ chức (SIPAS)							60	26	7	8
Chỉ số Về độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT (ICT)	20	29	32	36	45	52	62	43	34	40

Tổng hợp kết quả công bố các chỉ số hàng năm

Từ kết quả xếp hạng của các chỉ số, cho thấy chỉ có Chỉ số hải lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) tăng khá (22 bậc so năm 2017); Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) giảm so năm 2012 (giảm đến 30 bậc) nhưng tăng trở lại so năm 2016, 2017; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tăng 18 bậc; Chỉ số về độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (ICT) giảm 20 bậc so năm 2011, nhưng tăng trở lại 22 bậc so năm 2017; trong khi chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng, giảm không đáng kể, giữ ở mức từ 41 đến 48; năm 2019 giảm xuống đến hạng 58/63 tỉnh, thành phố. Riêng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) liên tiếp từ năm 2016 - 2010 luôn ở mức thấp và giảm so với các năm của giai đoạn 2011 - 2015.

Ngày 31/5/2011, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá IX) ban hành Kế hoạch số 06-KH/TU "Thực hiện Kết luận số 04-KL/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng tiếp tục thực hiện chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường

sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân". Tiếp đến, ngày 31/5/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá X) ban hành Chỉ thị số 08-CT/TU về *"Tăng cường phối hợp, nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, ý thức tự giác chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và Nhân dân"*. Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh ủy, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện tốt; củng cố, kiện toàn Hội đồng phối hợp phổ biến pháp luật với 359 thành viên (*cấp tỉnh 47, cấp huyện 348*); 2.344 báo cáo viên tuyên truyền viên (*cấp tỉnh 234, cấp huyện 252, cấp xã là 1.859*).

Ngày 24/5/2013, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 10-CT/TU về *"Tiếp tục tăng cường lãnh, chỉ đạo, nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo"*. Tiếp đến, ngày 23/6/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá X) ban hành Chỉ thị số 12-CT/TU *"Về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác hòa giải ở cơ sở"*. Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo có những chuyển biến tích cực; nhiều vụ việc được giải quyết ngay tại cơ sở; chất lượng giải quyết được nâng lên cả về trình tự, thủ tục và nội dung. Giai đoạn 2011 - 2020, đã tiếp trên 30.000 lượt người đến khiếu nại, tố cáo, nhận gần 17.000 đơn; giải quyết khiếu nại đạt 99%, đơn tố cáo đạt 98,5%; trong đó số vụ việc hoà giải thành công ở cơ sở đạt 73,1%, tăng 2,8% so năm 2015. Xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao đạt 98,1%.

Ngày 02/7/2014, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá IX) ban hành Kế hoạch số 56-KH/TU về *"Thực hiện Kết luận số 92-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"*. Tiếp đến, ngày 01/9/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá X) ban hành Kế hoạch số 25-KH/TU về *"Trọng tâm công tác cải cách tư pháp giai đoạn 2016 - 2021"*. Triển khai thực hiện các Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công tác cải cách tư pháp đạt được kết quả trên nhiều lĩnh vực, đến cuối năm 2020 toàn tỉnh có 16 Văn phòng Luật sư, 02 chi nhánh và Trung tâm tư vấn pháp luật, có 41 luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh, tăng 10 văn phòng và 29 luật sư so với năm 2010.

Lĩnh vực giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh có 02 tổ chức giám định tư pháp³⁵⁶ với 82 giám định viên, đáp ứng yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử. Thực hiện xã hội hoá các hoạt động công chứng, chuyển đổi phòng Công chứng Nhà nước sang Văn phòng công chứng theo quy định của Luật công chứng năm 2014 và tổ chức phát triển tổ chức hành nghề công chứng cơ bản đáp ứng yêu cầu của người dân; tính hiện có 07 tổ chức hành nghề công chứng. Lĩnh vực trợ giúp pháp lý đã đạt những kết quả tích cực, đã tiếp trên 5.000 lượt người dân đến yêu cầu trợ giúp pháp lý; tổ chức 465 cuộc truyền thông và cấp phát quyền chuyên đề pháp luật cho trên 20.000 lượt người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật có khó khăn về tài chính và tư vấn, lập hồ sơ trên 980 vụ việc.

Công tác thanh tra được thực hiện đúng tiến độ, qua thanh tra, kết luận, kiến nghị xử lý khách quan, kịp thời, khả thi; công tác đơn đốc sau thanh tra nhất là ở cấp tỉnh được thực hiện nghiêm túc và mang lại hiệu quả, từng bước đáp ứng yêu cầu.

Tuy nhiên, hoạt động của Hội đồng nhân dân vẫn còn những hạn chế: Một vài Nghị quyết của Hội đồng nhân dân ban hành có một số nội dung chưa sát với thực tiễn, khó thực hiện; một số chuyên đề giám sát của Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân chưa sâu; việc thực hiện kiến nghị sau giám sát của một số cơ quan, đơn vị còn chậm; chưa giải quyết dứt điểm những kiến nghị bức xúc, chính đáng của cử tri; một vài đại biểu Hội đồng nhân dân ít tham gia, thảo luận, chất vấn trong các kỳ họp. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước có mặt còn hạn chế, một số quyết định của cấp có thẩm quyền chậm được thi hành, một số cơ chế, chính sách đã ban hành nhưng chậm đi vào cuộc sống; sự phối hợp giữa các ngành, các địa phương chưa đồng bộ; ý thức trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, còn tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm; kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có việc chưa nghiêm. Công tác quản lý nhà nước trên một số mặt chưa chặt chẽ, nhất là quy hoạch, quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản, xây dựng cơ bản, trật tự đô thị và môi trường.

³⁵⁶ Phòng Kỹ thuật hình sự tỉnh thuộc Công an tỉnh và Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế.

Công tác cải cách tư pháp chưa theo kịp yêu cầu, chất lượng có mặt còn hạn chế; đội ngũ cán bộ còn thiếu về số lượng, một bộ phận yếu về trình độ và năng lực nghiệp vụ, trách nhiệm và phẩm chất đạo đức lối sống. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật chưa được đẩy mạnh thường xuyên, trình độ hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận công dân chưa cao. Trên một số lĩnh vực, có nơi, có lúc dân chủ chưa được phát huy đúng mức, có trường hợp lợi dụng dân chủ làm những việc ảnh hưởng đến an ninh trật tự.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát phát hiện tham nhũng còn hạn chế; vai trò của hệ thống chính trị và trách nhiệm của người đứng đầu ở cơ sở trên lĩnh vực này chưa được phát huy đúng mức. Tiêu cực, tham nhũng còn xảy ra. Giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có những chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn tồn đọng một số vụ việc khiếu nại phức tạp, kéo dài. Tiến độ điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án một số vụ việc còn chậm, nhất là thi hành án dân sự.

Dân chủ ở cơ sở được thực hiện tốt, quyền làm chủ của người dân, của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được phát huy; tỷ lệ cử tri tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, bầu Trưởng ban nhân dân ấp, không đạt tỷ lệ cao (từ 98% đến hơn 99%). Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền thực hiện có nền nếp việc tiếp xúc, đối thoại với công dân, lắng nghe, tiếp thu, giải quyết kịp thời những bức xúc và nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức Đại hội lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2014 - 2019 và Đại hội lần thứ IX, nhiệm kỳ 2019 - 2024³⁷. Sau Đại hội, Mặt trận Tổ quốc tỉnh cùng các tổ chức thành viên tập trung xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; vận động tập hợp Nhân dân, tăng cường sự đồng thuận, thắt chặt mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân. Đề ra các giải pháp hiệu quả, thiết thực, tạo sự chuyển biến trong đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; hướng về cơ sở, kịp thời nắm tình hình Nhân dân, phát huy dân chủ, thực hiện

³⁷ Đại hội lần thứ VIII vào ngày 02 và 03/7/2014 và Đại hội lần thứ IX vào ngày 29 và 30/5/2019.

giám sát và phản biện xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh. Tích cực vận động Nhân dân tham gia các phong trào, các cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*, *"Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"*; phong trào thi đua *"Cả nước chung tay Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau"*. Đặc biệt, công tác giám sát và phản biện xã hội được chú trọng; đã giám sát 8.384 cuộc (trong đó, cấp tỉnh 51 cuộc, cấp huyện 152 cuộc, cấp xã 2.244 cuộc); giám sát của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng 5.755 cuộc; các cấp mặt trận tổ chức hội nghị phản biện xã hội 2.366 cuộc; tham gia đóng góp 1.381 dự thảo văn bản; cấp huyện, xã tiếp, đối thoại với công dân 151 cuộc, 13.055 người dự... Thực hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội, tạo nên động lực để Mặt trận và các đoàn thể phát động thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Ngày hội *"Đại đoàn kết toàn dân tộc"* vào dịp kỷ niệm Ngày truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (18/11) được 100% khu dân cư trong tỉnh phối hợp tổ chức với nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao gắn với các hoạt động biểu dương gia đình văn hóa tiêu biểu, trao tặng quà cho hộ nghèo, tổ chức bữa cơm đại đoàn kết. Việc tổ chức Ngày hội ngày càng đi vào nền nếp và thiết thực, trở thành đợt sinh hoạt chính trị ý nghĩa, thu hút đông đảo người dân tham dự, tạo sự gắn bó mật thiết giữa cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Đặc biệt trong dịp tổ chức *"Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc"*, nhân kỷ niệm 85 năm Ngày truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (18/11/1930 - 18/11/2015), đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đến dự *"Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc"* ở khu dân cư tại ấp Hoà Lạc A (xã Lương Hoà A, huyện Châu Thành). Và *"Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc"* nhân kỷ niệm 89 năm Ngày truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (18/11/1930 - 18/11/2019), đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội khóa XIV, đồng chí Trần Thanh Mẫn, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã về dự tại ấp Sóc Chà B, xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú.

Liên đoàn Lao động tổ chức Đại hội lần thứ IX, nhiệm kỳ 2013 - 2018 và Đại hội lần thứ X, nhiệm kỳ 2018 - 2023³⁵⁸. Sau Đại hội, công đoàn các cấp tập trung tuyên truyền, vận động, giáo dục đoàn viên và người lao động về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chủ trương công tác công đoàn; chú trọng bồi dưỡng, nâng cao lòng yêu nước, bản lĩnh chính trị, ý thức giai cấp, nhận thức pháp luật, trình độ học vấn, tay nghề; tích cực hưởng ứng và thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; chăm lo đời sống, đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động; tham gia đóng góp ý kiến đối với các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan đến đoàn viên, công nhân, viên chức, lao động; phối hợp với các ngành chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật về lao động, công đoàn tại các doanh nghiệp. Tiếp tục tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên và người lao động góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trọng tâm là phong trào thi đua: *"Lao động giỏi", "Lao động sáng tạo", "Xanh - Sạch - Đẹp, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động"*, vận động xây dựng Quỹ *"Mái ấm công đoàn"*. Xây dựng mối quan hệ hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp. Tập trung công tác phát triển đoàn viên, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ công đoàn. Nhiệm kỳ VII và IX đã phát triển mới 54.919 đoàn viên công đoàn, đến cuối nhiệm kỳ Đại hội IX (năm 2018), số đoàn viên công đoàn là 58.341 đoàn viên; sinh hoạt ở 1.006 công đoàn cơ sở.

Hội Nông dân tổ chức Đại hội lần thứ VII, nhiệm kỳ 2013 - 2018 và Đại hội lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2018 - 2023³⁵⁹. Sau Đại hội, các cấp

³⁵⁸ Đại hội lần thứ IX vào ngày 20, 21 và 23/3/2013 và Đại hội lần thứ X vào ngày 22, 23 và 24/4/2018.

³⁵⁹ Đại hội lần thứ VII vào ngày 23 và 24/4/2013 và Đại hội lần thứ VIII vào ngày 29 và 30/8/2018.

Hội Nông dân tập trung công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, triển khai, quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thông qua công tác tuyên truyền giáo dục, giúp cho hội viên và nông dân nâng cao nhận thức chính trị, phát huy và mở rộng quyền làm chủ của nông dân, đồng thời cũng qua công tác tuyên truyền nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nông dân để phản ánh với Đảng, Nhà nước, có những cơ chế, chính sách để nông nghiệp, nông dân, nông thôn phát triển. Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào của Hội nông dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tập trung phong trào *"Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu chính đáng"*, nông dân đã tích cực thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất, thực hiện liên kết 4 nhà; hình thành các vùng sản xuất hàng hoá với diện tích, sản lượng, chất lượng các loại cây trồng và vật nuôi ngày càng nâng cao... góp phần cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh phát triển; phong trào nông dân tham gia phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và xây dựng nông thôn mới được triển khai rộng khắp. Đặc biệt, phong trào Nông dân tham gia xây dựng nông thôn mới, các cấp Hội vận động và phối hợp vận động nông dân hiến 159.000m² đất, đóng góp hơn 40 tỷ đồng, 23.927 ngày công động, xây dựng và sửa chữa 64 cầu nông thôn, sửa chữa và làm mới hơn 258 km đường giao thông nông thôn, khơi thông dòng chảy trên 602 km kênh thủy lợi nội đồng; xây dựng tuyến đường hoa; nhân rộng nhiều mô hình phát triển kinh tế có hiệu quả, nâng cao chất lượng cuộc sống của nông dân...³⁶⁰. Tham gia các hoạt động dạy nghề, hoạt động hỗ trợ nông dân chuyển giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn các hình thức hợp tác trong sản xuất nông nghiệp. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Qua các phong trào, tổ chức Hội ngày càng được củng cố và phát triển, số lượng hội viên nông dân ngày càng tăng, nhiệm kỳ VI và VII đã phát

³⁶⁰ Qua phong trào xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh và giảm nghèo bền vững, kết quả có 211.690 lượt hộ đạt danh hiệu nông dân sản xuất kinh doanh giỏi các cấp.

triển 102.512 hội viên nông dân; nâng tổng số đến cuối nhiệm kỳ VII (2018), hội viên nông dân tỉnh có 114.500 hội viên.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức Đại hội lần thứ IX, nhiệm kỳ 2012 - 2017 và Đại hội lần thứ X, nhiệm kỳ 2017 - 2022³⁶¹. Sau Đại hội, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn xác định việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho đoàn viên, thanh niên là nội dung xuyên suốt, nhiệm vụ căn bản, bao trùm, nên đã tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện bằng nhiều phương thức đa dạng, phong phú, đặc biệt coi trọng giáo dục thông qua hoạt động thực tiễn, các phong trào thi đua yêu nước. Việc học tập chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, 6 bài lý luận chính trị được duy trì. Quan tâm chăm lo, tạo điều kiện, môi trường tốt để thanh niên học tập, lao động, vui chơi giải trí lành mạnh. Khơi dậy, phát huy khả năng sáng tạo, tinh thần xung kích, tình nguyện của thanh niên trong tổ chức các phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ, khơi dậy ước mơ, hoài bão và lòng tự hào về truyền thống của quê hương, như: phong trào "*Xung kích tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc*"; phong trào "*Đồng hành cùng Thanh niên lập thân, lập nghiệp*". Đồng thời, chú trọng xây dựng Đoàn vững mạnh, mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên, tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, chú trọng nâng cao chất lượng đoàn viên, nâng cao chất lượng chi đoàn, đoàn cơ sở. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn kết nạp đảng viên mới, nguồn cán bộ trẻ cho tỉnh. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có gần 47.000 đoàn viên thanh niên.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức Đại hội lần thứ IX nhiệm kỳ 2006 - 2011 và Đại hội lần thứ X, nhiệm kỳ 2016 - 2021³⁶². Sau Đại hội với phương châm "*hướng mạnh về cơ sở*", "*Ở đâu có phụ nữ, ở đó có hoạt động Hội*", bằng phương pháp "*cầm tay chỉ việc*" từng nhiệm vụ cần

³⁶¹ Đại hội lần thứ IX vào ngày 29 và 30/8/2012 và Đại hội lần thứ X vào ngày 09 và 10/10/2017.

³⁶² Đại hội lần thứ IX vào ngày 28 và 29/11/2011 và Đại hội lần thứ X vào hai ngày 04 và 05/11/2016.

làm trong triển khai phong trào thi đua, các cuộc vận động, các nhiệm vụ trọng tâm của Hội, những năm qua, các cấp hội phụ nữ trong tỉnh đã tập trung tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện phong trào thi đua. Nổi bật là triển khai phong trào "*Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc*" và 02 Cuộc vận động do Trung ương Hội phát động "*Rèn luyện phẩm chất đạo đức tự tin - tự trọng - trung hậu - đảm đang*", "*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*" luôn được Hội tập trung chỉ đạo đi vào chiều sâu. Đồng thời, gắn với "*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*" bằng những công việc cụ thể, thiết thực. Thực hiện Cuộc vận động "*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*", toàn tỉnh xây dựng 118 chi hội "*5 không, 3 sạch*", hàng trăm tuyến đường hoa, 377 câu lạc bộ, tổ, nhóm phụ nữ hạn chế sử dụng túi ni-lông và sản phẩm nhựa dùng 01 lần, có 94.929/127.235 hộ hội viên đạt 08 tiêu chí "*5 không, 3 sạch*" (đạt 75%), có 127.235 hộ hội viên đạt gia đình văn hóa nông thôn mới. Hội các cấp thực hiện đạt hiệu quả cuộc vận động, hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, góp phần phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững. Thực hiện Đề án "*Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025*", tổ chức nhiều hoạt động hưởng ứng "*Ngày phụ nữ khởi nghiệp*"; phát động hội thi ý tưởng khởi nghiệp trong hội viên, hỗ trợ 210 phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp. Phụ nữ luôn phát huy vai trò quan trọng trong gia đình và tích cực tham gia lao động, sản xuất và tham gia xây dựng nông thôn mới.... Qua đó, ngày càng xuất hiện nhiều phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp, sản xuất, kinh doanh giỏi tạo ra sản phẩm, hàng hóa chất lượng cao. Huy động các nguồn vốn đầu tư cho trên 90 ngàn hội viên vay phát triển kinh tế, với số tiền trên 1.500 tỷ, giải quyết việc làm cho hàng ngàn phụ nữ hàng năm, xây dựng mới và sửa chữa 339 nhà "*Mái ấm tình thương*", cầu nông thôn; giúp đỡ 530 hộ nghèo do phụ nữ làm chủ, kết quả 219 hộ thoát nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều. Đến cuối năm 2020, có 191.556 hội viên phụ nữ. Chất lượng hoạt động Hội và phong trào phụ nữ ở các xã, thị trấn từng bước nâng lên.

Hội Cựu Chiến binh tổ chức Đại hội lần thứ V, nhiệm kỳ 2012 -

2017 và Đại hội lần thứ VI nhiệm kỳ 2017 - 2022³⁶³. Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Hội Cựu Chiến binh các cấp thực hiện tốt nhiệm vụ đoàn kết, vận động cựu chiến binh giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống "*Bộ đội Cụ Hồ*", tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; động viên cựu chiến binh nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, giúp nhau làm kinh tế, cải thiện đời sống, phấn đấu giảm nghèo nhanh, bền vững, làm giàu hợp pháp, trong đó chú trọng công tác tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất, đời sống, hỗ trợ vốn, dạy nghề... đã có nhiều cá nhân và tập thể có những mô hình sản xuất, kinh doanh giỏi được nhân rộng. Tích cực tham gia Cuộc vận động "*Ngày vì người nghèo*", Cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*", phong trào "*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*", phong trào "*Đền ơn đáp nghĩa*"; các chương trình phát triển văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh, góp phần xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh với mô hình "*Câu lạc bộ môi trường*"³⁶⁴. Quan tâm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cựu chiến binh. Tập trung chỉ đạo các cấp Hội tập hợp, đoàn kết, động viên cựu chiến binh vào Hội; phối hợp với các cơ quan chức năng các cấp, các ngành vận động, động viên Cựu quân nhân tham gia các Câu lạc bộ Cựu Quân nhân, tích cực tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương và thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể chính trị - xã hội tham gia giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ. Tập trung xây dựng tổ chức Hội từ tỉnh đến cơ sở vững mạnh. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có gần 21.000 hội viên Hội Cựu chiến binh.

Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các hội quần chúng³⁶⁵ xây dựng

³⁶³ Đại hội lần thứ V vào ngày 18 và 19/9/2012 và Đại hội lần thứ VI vào ngày 22 - 23/9/2017.

³⁶⁴ Với 640 Câu lạc bộ/755 chi Hội Cựu chiến binh ấp, khóm.

³⁶⁵ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh; Hội Nhà báo tỉnh, Hội Luật gia tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hội Thủy sản - Làm vườn tỉnh, Hội Khuyến học, Hội Chữ thập đỏ, Hội Người cao tuổi, Hội Đông y, Hội Kiến trúc sư, Hội Điều dưỡng, Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin - Trẻ tàn tật...

tổ chức, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tăng cường nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, khuyến khích thực hiện các hoạt động tư vấn, phân biện, giám định xã hội, từ thiện nhân đạo, khuyến học, khuyến tài, phát huy sáng tạo trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật... đáp ứng yêu cầu sự phát triển toàn diện của thành phố.

Nhằm tăng cường mối quan hệ gắn bó với Nhân dân, nắm chắc tâm tư, nguyện vọng, những bức xúc trong sản xuất và đời sống Nhân dân, nắm chắc tình hình cơ sở, ngày 10/5/2016, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 784-QĐ/TU "Về việc cấp ủy, lãnh đạo Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp tham dự sinh hoạt định kỳ và ngày sinh hoạt định kỳ ở các loại hình chi bộ, chi, tổ hội, phân hội". Thực hiện Quy định 784 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chi bộ, chi, tổ hội nâng chất lượng hoạt động; cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên thấy được tầm quan trọng của buổi sinh hoạt lệ; các chi bộ, chi, tổ hội sắp xếp ổn định về thời gian, chuẩn bị nội dung chặt chẽ, chu đáo, chất lượng buổi sinh hoạt từng bước được nâng lên. Quá trình thực hiện Quy định số 784-QĐ/TU, lãnh đạo Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể dự sinh hoạt định kỳ với chi, tổ hội được 96.833 cuộc, 111.541 lượt cán bộ dự³⁶⁶ các tổ chức đoàn thể có nhiều sáng tạo trong chỉ đạo tổ chức thực hiện nhằm nâng chất lượng chi, tổ hội; đã xây dựng được 627/729 chi hội tiên tiến, 470/755 chi hội mẫu, 19 chi nghề nghiệp, 4.995 tổ hội nghề nghiệp.

Qua các phong trào, các cuộc vận động, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng có nhiều nỗ lực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; vận động xây dựng 350 căn nhà đại đoàn kết, nhà tình thương, 521 nhà tình nghĩa, 53 cầu giao thông nông thôn, đường đal; hỗ trợ 18.693 phần quà cho hộ nghèo... với tổng trị giá trên 46 tỷ đồng. Riêng trong đợt phát động toàn dân ủng hộ phòng chống dịch Covid-19 và khắc phục hạn, mặn đã tiếp nhận tiền và hiện vật trị giá trên 25 tỷ đồng; khơi dậy được động lực, quyền làm chủ của nhân

³⁶⁶ Trong đó cấp tỉnh 1.252 cuộc, cấp huyện 7.740 cuộc, cấp xã 87.841 cuộc.

dân, tạo đồng thuận xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tỉnh. Qua các phong trào, đã tập hợp 87,7% dân số trong độ tuổi vào tổ chức. Tổ chức, bộ máy và đội ngũ cán bộ của Mặt trận và các đoàn thể được củng cố, kiện toàn.

Tuy nhiên, Thực hiện dân chủ ở cơ sở có nơi còn hình thức, một số nội dung người dân chưa được công khai, chưa được tham gia ý kiến và quyết định; một số cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa thật sự lắng nghe ý kiến, kiến nghị của nhân dân và giải quyết kịp thời những bức xúc, nguyện vọng chính đáng của người dân. Việc tham mưu, đề xuất của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội với cấp ủy hoặc tham gia cùng cấp ủy, chính quyền xử lý những vấn đề bức xúc trong Nhân dân chưa nhiều. Thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân còn nhiều lúng túng; có lúc, có nơi chưa nắm chắc tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân để phối hợp với các cấp chính quyền giải quyết kịp thời những bức xúc nổi lên. Công tác xây dựng, phát huy lực lượng cốt cán chính trị còn nhiều hạn chế. Triển khai, thực hiện một số chương trình, chính sách trong vùng có đông đồng bào dân tộc còn chậm, phát huy hiệu quả chưa cao.

Ngày 08/7/2014, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 57-KH/TU về *"Triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng"*. Phát động và tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, góp phần quan trọng trong thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

+ Ngày 03/9/2015, tỉnh tổ chức Đại hội thi đua lần thứ IV giai đoạn 2015 - 2020. Năm năm qua (2010 - 2015), tỉnh Trà Vinh có 1.309 tập thể và cá nhân được khen thưởng cấp Nhà nước³⁶⁷; 1.633 trường hợp được phong tặng, truy tặng danh hiệu Nhà nước Bà Mẹ Việt Nam anh

³⁶⁷ Với 03 Huân chương Độc lập, 436 Huân chương Lao động các loại; 21 cờ thi đua Chính phủ, 10 chiến sĩ thi đua toàn quốc, 25 Huân chương Đại Đoàn kết; 834 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

hùng; 880 trường hợp được tặng huân chương kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Cấp tỉnh có 17.817 lượt tập thể và cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng³⁶⁸.

+ Ngày 25/9/2020, tỉnh tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước lần thứ V, giai đoạn 2020 - 2025. Giai đoạn 2016 - 2020, đã có 18.943 lượt tập thể và cá nhân được khen thưởng³⁶⁹. Trong dịp Kỷ niệm 20 năm Ngày tái lập tỉnh (5/1992 - 5/2012), Đảng bộ và Nhân dân Trà Vinh được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất; Kỷ niệm 25 năm Ngày tái lập tỉnh (5/1992 - 5/2017), Đảng bộ và Nhân dân Trà Vinh được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất (lần II) và dịp Kỷ niệm 120 năm Ngày thành lập tỉnh (01/01/1900 - 01/01/2020), Đảng bộ và Nhân dân Trà Vinh được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất.

Giai đoạn 2011 - 2020, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh được sự quan tâm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã đến thăm và làm việc với tỉnh, như: đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính Trị, Chủ tịch nước; đồng chí Nguyễn Thị Kim Ngân, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội; đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Lê Hồng Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương; đồng chí Trần Quốc Vượng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; đồng chí Nguyễn Thiện Nhân, Ủy viên Bộ Chính trị (Chủ tịch Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam và Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh); đồng chí Tôòng Thị Phóng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Quốc hội; đồng chí Đinh Thế Huynh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương; đồng

³⁶⁸ Trong đó, có 209 cờ thi đua, 2.332 chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; 1.954 tập thể lao động xuất sắc.

³⁶⁹ Với 1.185 tập thể, cá nhân được khen thưởng cấp Nhà nước: 51 Huân chương Lao động các hạng, 216 Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; 241 Huân, huy chương kháng chiến các hạng; 316 Huân chương Độc lập các hạng cho gia đình có nhiều liệt sĩ; 04 Chiến sĩ thi đua toàn quốc; 296 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 32 Cờ thi đua Chính phủ.

chí Võ Văn Thương, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương; đồng chí Trần Thanh Mẫn, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đồng chí Vương Đình Huệ, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Hoàng Trung Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ; đồng chí Phùng Quốc Hiển Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội; đồng chí Đặng Thị Ngọc Thịnh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch nước; đồng chí Trịnh Đình Dũng Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ...

Đặc biệt, trong hai ngày 07 và 08/3/2015, đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, các nghị quyết, kết luận của Trung ương và công tác chuẩn bị Đại hội Đảng bộ các cấp.

Tại buổi làm việc với tỉnh, sau khi nghe lãnh đạo tỉnh báo cáo, Tổng Bí thư biểu dương những kết quả đạt được trong thời gian qua, Tổng Bí thư yêu cầu tỉnh phấn đấu quyết liệt, tập trung hoàn thành mức cao nhất các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ các cấp, trong phương hướng nhiệm kỳ tới, cần tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng kinh tế, giảm nhanh số hộ nghèo và cận nghèo; thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo, khơi dậy và phát huy truyền thống yêu nước cách mạng, tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các di tích lịch sử; chăm lo đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, người có công với cách mạng. Tập trung làm tốt công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị.



Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại buổi làm việc với lãnh đạo chủ chốt tỉnh Trà Vinh. Ảnh: TH DŨNG - TTXVN

Ngoài thời gian làm việc với lãnh đạo tỉnh, đồng chí Tổng Bí thư đã đến viếng và thắp hương tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đền thờ Bác, thăm và làm việc với Đảng bộ xã Phú Cần và Huyện ủy huyện Tiểu Cần.

5. Tổ chức Đại hội Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ chính trị về "Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng", Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 134-KH/TU, ngày 10/7/2019, Hướng dẫn số 05-HD/TU, ngày 12/11/2019 để triển khai quán triệt, tổ chức thực hiện; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy xây dựng các hướng dẫn, kế hoạch tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đó tập trung chỉ đạo Đại hội Đảng bộ cơ sở và cấp trên cơ sở đúng theo yêu cầu và thời gian như Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra.

Sau khi hoàn thành các công tác chuẩn bị, được sự chấp thuận của

Bộ Chính trị, từ ngày 14 đến ngày 17/10/2020, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 được tổ chức với sự có mặt của 345 đại biểu, đại diện cho hơn 45.000 đảng viên của 13 đảng bộ trực thuộc. Đồng chí Trần Cẩm Tú, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương được Bộ Chính trị phân công dự và chỉ đạo Đại hội. Dự Đại hội còn có lãnh đạo các bộ, ban, ngành Trung ương, các đồng chí nguyên Ủy viên Trung ương, nguyên lãnh đạo các bộ ngành Trung ương, nguyên lãnh đạo tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các khoá, Quý mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang.



Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025).

Ảnh: Sưu tầm

Báo cáo Chính trị của Đại hội có chủ đề: *“Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy dân chủ, đoàn kết, giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc, đổi mới sáng tạo; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; bảo đảm quốc phòng - an ninh; tạo bứt phá để Trà Vinh đạt chuẩn Nông thôn mới trước năm 2025, là tỉnh phát triển trong nhóm đầu của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trước năm*

2030". Với tinh thần "Dân chủ - Đoàn kết - Đối mới - Bứt phá - Phát triển", Đại hội đã thảo luận Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X, Chương trình hành động và Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp vào Dự thảo văn kiện trình Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Đồng chí Trần Cẩm Tú, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương, phát biểu chỉ đạo Đại hội:

Kính thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội, Kính thưa các đồng chí đại biểu, Thưa Đại hội,

Được Bộ Chính trị, Ban Bí thư phân công, hôm nay, tôi rất vui mừng cùng các đồng chí lãnh đạo các cơ quan Trung ương về dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI - Một sự kiện chính trị trọng đại của Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà.

Trước hết, tôi xin nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại biểu, các Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo tỉnh Trà Vinh qua các thời kỳ và 345 đại biểu ưu tú đại diện cho hơn 45.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ đã về dự Đại hội. Nhân dịp này, tôi xin gửi tới toàn thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ lực lượng vũ trang và đồng bào tỉnh nhà lời thăm hỏi ân cần và lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Thưa Đại hội,

Năm năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Trà Vinh đã phát huy tinh thần đoàn kết, quyết tâm chính trị cao, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu rất quan trọng, toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Kinh tế liên tục tăng trưởng với tốc độ cao, bình quân đạt 11,95%/năm, cao nhất trong các tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. GRDP bình quân đầu người đạt 65 triệu đồng, đứng thứ 3 trong khu vực. Thu nội địa tăng bình quân trên 18%/năm. Vốn đầu tư xã hội tăng nhanh, chiếm 48% GRDP (là mức rất cao so với bình quân chung cả nước). Cơ cấu kinh tế chuyển dịch

đúng hướng; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ chiếm tỷ trọng hơn 71%. Tập trung tái cơ cấu lĩnh vực nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, ứng dụng công nghệ cao, đã hình thành được một số vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, quy mô lớn. Hoàn thành trước thời hạn về mục tiêu xây dựng nông thôn mới, với trên 82% số xã và 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư nâng cấp; diện mạo nông thôn và thành thị ngày càng khởi sắc.

Lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, y tế, thể thao có nhiều tiến bộ. An sinh xã hội, phúc lợi xã hội, đời sống nhân dân được bảo đảm. Công tác giảm nghèo, thực hiện chính sách đối với người có công, người có hoàn cảnh khó khăn, chăm sóc sức khỏe nhân dân được triển khai tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ hơn 13% xuống còn 1,5% trong đó tỉ lệ hộ nghèo trong bà con dân tộc Khmer giảm từ 23,12% xuống còn 3,92%, thể hiện sự cố gắng, nỗ lực rất lớn của các cấp, các ngành, đặc biệt là nỗ lực quyết tâm vươn lên thoát nghèo của đồng bào các dân tộc trong tỉnh.

Quốc phòng - an ninh được tăng cường; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Chủ động phòng ngừa, giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự ngay tại cơ sở, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội cho phát triển và cuộc sống bình yên của nhân dân.

Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả tích cực. Đã có nhiều mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo trong tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hoạt động của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp có nhiều đổi mới, tiến bộ. Tổ chức, bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ngày càng được nâng lên. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân được củng cố và tăng cường.

Những thành tích, nêu trên đã đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của đất nước; tạo nền tảng, tiền đề quan trọng để Trà Vinh phát triển nhanh và bền vững hơn trong thời gian tới.

Thay mặt Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tôi xin nhiệt liệt chúc mừng và biểu dương những thành tựu mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Trà Vinh đã giành được trong nhiệm kỳ qua.

Thưa Đại hội,

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, Đại hội cần thẳng thắn nhìn nhận, đánh giá, phân tích, làm rõ hơn những tồn tại như: Kinh tế tăng trưởng cao, nhưng chưa thật sự bền vững, chưa có bước đột phá. Còn một số chỉ tiêu chưa đạt mức đề ra. Môi trường đầu tư kinh doanh tuy đã được cải thiện nhưng còn chậm, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) sụt giảm. Công tác quản lý, bảo vệ môi trường còn một số hạn chế. Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp còn chậm. Phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng có mặt còn hạn chế. Một số cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu, còn vi phạm kỷ luật Đảng và vi phạm pháp luật Nhà nước, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng bộ.

Tôi đề nghị, Đại hội tập trung thảo luận, làm rõ hơn, sâu sắc hơn những nguyên nhân của tồn tại hạn chế, nhất là nguyên nhân chủ quan để sớm có giải pháp khắc phục kịp thời trong thời gian tới.

Thưa Đại hội,

Trong những năm tới, dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những diễn biến phức tạp, khó lường; đất nước ta đang đứng trước nhiều thuận lợi, đan xen với những khó khăn, thách thức, cùng rất nhiều vấn đề mới đặt ra cần phải giải quyết; và tại thời điểm này, chúng ta đang phải nỗ lực phòng, chống đại dịch Covid-19 và tìm mọi giải pháp, biện pháp để phục hồi nhanh nền kinh tế, ổn định đời sống của nhân dân.

Trà Vinh nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, với hơn 65 km bờ biển, là cửa ngõ của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long ra Biển Đông; các dự án hoàn thành đi vào sử dụng sẽ tạo hệ thống giao thông kết nối vùng, liên vùng khá đồng bộ; có lợi thế về phát triển kinh tế biển, nông nghiệp hữu cơ ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, năng lượng tái tạo và du lịch. Nhân dân Trà Vinh có truyền thống cách mạng,

kiên cường, đoàn kết thống nhất, cần cù, chịu khó, năng động, sáng tạo và ý chí, khát vọng vươn lên. Đây là những điều kiện rất thuận lợi để tỉnh nhà tiếp tục phát triển nhanh hơn, mạnh hơn và toàn diện hơn trong những năm tới.

Trên cơ sở phân tích, dự báo, đánh giá đúng tình hình, những thời cơ, thuận lợi, khó khăn, thách thức tác động trực tiếp đến sự phát triển của tỉnh nhà trong nhiệm kỳ tới, tôi đề nghị Đại hội thảo luận, đề ra những biện pháp, giải pháp thiết thực để chúng ta phấn đấu thực hiện cho bằng được mục tiêu: Trà Vinh là tỉnh phát triển trong nhóm đầu của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trước năm 2030 và đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025.

Tôi cơ bản tán thành với những phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới của Đảng bộ tỉnh Trà Vinh. Sau đây, tôi xin nêu, gợi mở và nhấn mạnh thêm một số nội dung để Đại hội nghiên cứu, thảo luận, xem xét:

Thứ nhất, tập trung rà soát, xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với tầm nhìn dài hạn, phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng để làm cơ sở định hướng phát triển. Tiếp tục có những giải pháp quyết liệt hơn, mạnh mẽ hơn nữa để khơi dậy và phát huy tối đa mọi nguồn lực, nhất là nội lực và những tiềm năng, lợi thế để tạo động lực đưa Trà Vinh phát triển nhanh, bền vững và có bước đột phá trong nhiệm kỳ tới.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông kết nối vùng, liên vùng đồng bộ, hiện đại, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ hai, đẩy mạnh phát triển lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy, hải sản, dịch vụ cảng biển, kho vận, logistics, sửa chữa, đóng tàu, cơ khí chế tạo, công nghiệp phụ trợ và năng lượng tái tạo; xây dựng và phát triển đội tàu có công suất lớn, đánh bắt xa bờ gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo, phấn đấu đưa Trà Vinh trở thành một trong những

tính trọng điểm của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, mạnh về kinh tế biển.

Tập trung chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, ứng dụng công nghệ cao, tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp chủ lực theo chuỗi giá trị, có sức cạnh tranh cao và phân đấu mỗi xã có một sản phẩm (OCOP) bảo đảm tiêu chuẩn, thương hiệu quốc gia. Tận dụng lợi thế về điều kiện tự nhiên, giá trị văn hóa truyền thống để phát triển du lịch, tạo ra nhiều sản phẩm du lịch đặc sắc, chất lượng cao, hấp dẫn du khách và từng bước trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Chủ động ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, nhất là phòng, chống đại dịch Covid-19. Tăng cường quản lý, bảo vệ, khai thác hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản, nguồn lợi hải sản; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, không đánh đổi môi trường để lấy tăng trưởng kinh tế.

Thứ ba, tiếp tục chăm lo phát triển toàn diện văn hóa - xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động, kỹ năng, tay nghề trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng, năng lực đào tạo. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Huy động tối đa các nguồn lực để phấn đấu hoàn thành mục tiêu Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, chăm lo người có công, gia đình chính sách và các đối tượng bảo trợ xã hội.

Thứ tư, thường xuyên củng cố quốc phòng - an ninh; tăng cường thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Đẩy mạnh tuyên

truyền, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân trong hoạt động khai thác, đánh bắt hải sản trên biển. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trấn áp hiệu quả các loại tội phạm, bảo đảm môi trường an toàn, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội và cuộc sống bình yên của nhân dân.

Thứ năm, tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; chủ động phát hiện, ngăn chặn và đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, được nhân dân tin yêu. Tiếp tục tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc một cách bài bản, chiến lược, lâu dài. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, kiểm soát quyền lực; thực hiện quán triệt, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các vi phạm. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Cùng cố vững chắc đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trong từng cơ quan, đơn vị và khối đại đoàn kết toàn dân.

Thưa Đại hội,

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đại hội là bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI và bầu Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Chúng tôi tin tưởng rằng, với tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao, Đại hội sẽ dân chủ, sáng suốt lựa chọn được các đồng chí đủ tiêu chuẩn, đủ đức, đủ tài, đủ năng lực và uy tín, là trung tâm đoàn kết, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân để bầu vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa mới và đại biểu tham dự Đại hội XIII của Đảng.

Thưa Đại hội,

Với tư duy và tầm nhìn mới, kế thừa và phát huy những thành tựu

quan trọng đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua, với truyền thống đoàn kết, ý chí, khát vọng, quyết tâm vươn lên mạnh mẽ, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tin tưởng trong nhiệm kỳ tới, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Trà Vinh sẽ thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đề ra, xây dựng Trà Vinh sớm trở thành tỉnh phát triển trong nhóm đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, góp phần xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Chúc các đồng chí đại biểu sức khỏe, hạnh phúc. Chúc Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.



Giai đoạn 2011 - 2020 trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có nhiều biến động, diễn biến phức tạp hơn so với dự báo. Đặc biệt, năm 2011, năm đầu của nhiệm kỳ Đại hội IX của Đảng bộ tỉnh, tình hình lạm phát tăng cao, cả nước phải thực hiện nhiều biện pháp để kiềm chế lạm phát, trong đó có cắt giảm đầu tư công; đến năm 2020, năm cuối của nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, đại dịch Covid-19 bùng phát, ảnh hưởng nặng nề và lan rộng trên khắp toàn cầu, dẫn đến tình trạng suy thoái kinh tế thế giới, tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của cả nước và của tỉnh. Cùng với đó, trong 10 năm qua, tỉnh còn chịu tác động bởi thời tiết nắng hạn, mặn xâm nhập sâu, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi... gây thiệt hại nặng nề về sản xuất và đời sống của Nhân dân.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng các cấp, các ngành đã chủ động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đồng bộ, kịp thời, hiệu quả trên các lĩnh vực với quyết tâm cao, cùng với sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Tăng trưởng kinh tế đạt khá, giai đoạn 2011- 2020, Tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh luôn duy trì ở mức cao, bình quân 9,56%, cao hơn mức trung bình của toàn khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và

mức trung bình cả nước (6,29%/năm); quy mô của nền kinh tế cũng tăng. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2020 đạt 38.778 tỷ đồng, cao gấp 2,08 lần 2010 (theo giá so sánh); thu nhập bình quân đầu người (GRDP/người) đạt 62,567 triệu đồng/năm, tăng gấp 3,4 lần so với năm 2010.

Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển được đẩy mạnh. Vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2011- 2020 đạt gần 208 tỷ đồng, chiếm 50,3% GRDP tăng bình quân khoảng 29%/năm. Vốn đầu tư của khu vực ngoài nhà nước, trong nước chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng đầu tư xã hội. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng khá; đã thu hút được nhiều dự án quy mô lớn, công nghệ cao nhất là các dự án năng lượng. Nhiều công trình, dự án trọng điểm về giao thông, thủy lợi, điện, nước, viễn thông, thương mại... được triển khai và hoàn thành đưa vào sử dụng là nền tảng quan trọng, tạo bước đột phá đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà ở chặng đường tiếp theo.

Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng được tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt nhiều kết quả tích cực: Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm khu vực nông - lâm - thủy sản; tăng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Thực hiện việc cơ cấu lại về đầu tư, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước và đạt kết quả tích cực. Kỳ luật, kỷ cương trong đầu tư công được tăng cường, góp phần chống thất thoát, lãng phí nguồn lực tài chính quốc gia.

Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược được tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt nhiều kết quả: Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hoàn thiện, tạo lập môi trường cho các thành phần kinh tế phát triển, cạnh tranh bình đẳng, minh bạch, thuận lợi. Phát triển nguồn nhân lực được quan tâm, nhất là nhân lực chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ hơn với nhu cầu thị trường; tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 28% (năm 2010) lên 68,4% vào năm 2020. Khoa học - công nghệ được quan tâm đầu tư nghiên cứu và chuyển giao ứng dụng vào sản xuất, đời sống. Kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, năng lượng, công nghệ - thông tin, viễn thông, thương mại, đô thị... được nâng lên đáng kể.

Đặc biệt, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai với quyết tâm chính trị cao của cả hệ thống chính trị, huy động được sự tham gia tích cực của người dân và đạt được nhiều kết quả. Đến cuối năm 2020, đã có 70/85 xã đạt chuẩn nông thôn mới (chiếm 82,4%), 90% số hộ, 75% số ấp đạt chuẩn nông thôn mới; 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 05 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Lĩnh vực văn hoá có nhiều chuyển biến tích cực, phong trào “*Xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư*”, xây dựng ấp, khóm, xã, phường, thị trấn văn hoá, cơ quan, trường học, cơ sở tín ngưỡng văn minh tiếp tục được thực hiện mang lại kết quả thiết thực; các giá trị văn hoá được bảo tồn, phát huy giá trị. Hoạt động thông tin báo chí, phát thanh truyền hình, văn học nghệ thuật có những chuyển biến tích cực, đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hoá, tinh thần. Sự nghiệp giáo dục tiếp tục có nhiều tiến bộ; quy mô, mạng lưới trường lớp được mở rộng, cơ sở vật chất được tăng, đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho tỉnh. Công tác y tế, dân số, gia đình và trẻ em tiếp tục được quan tâm thực hiện; chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cho Nhân dân. Các chính sách xã hội và an sinh xã hội được triển khai thực hiện tốt, nâng cao mức sống cho các đối tượng chính sách; tập trung thực hiện nhiều giải pháp giảm nghèo bền vững, kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 26,63% năm 2010 xuống còn 1,82 năm 2020. Hoạt động khoa học công nghệ được triển khai đồng bộ, bám sát chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân. Công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong tất cả các ngành, lĩnh vực, góp phần làm chuyển đổi cơ cấu, chất lượng sản phẩm hàng hoá của địa phương và việc điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp. Công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, bảo vệ môi trường ngày càng được coi trọng và xử lý nghiêm các vụ vi phạm gây ô nhiễm môi trường, khai thác tài nguyên, khoáng

sản trái phép. Các cấp, các ngành luôn chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Chính sách dân tộc, tôn giáo được triển khai thực hiện tốt, kinh tế - xã hội vùng có đông đồng bào dân tộc, đồng bào tôn giáo phát triển toàn diện, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy.

Trên cơ sở kinh tế - xã hội phát triển, tình hình chính trị xã hội của tỉnh được giữ vững ổn định, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được củng cố vững chắc, tạo thế chủ động trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; phòng chống âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Xử lý kịp thời, có hiệu quả một số vụ việc phức tạp không để xảy ra "điểm nóng".

Đảng bộ luôn coi công tác xây dựng, chính đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên là nhiệm vụ then chốt. Qua đó, công tác xây dựng đảng của Đảng bộ trong 10 năm qua có nhiều chuyển biến tích cực trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức.

Chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tinh chiến đấu của toàn Đảng bộ và của mỗi cán bộ, đảng viên; tổ chức nghiêm việc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước cho cán bộ, đảng viên; chủ động nắm bắt và định hướng tư tưởng trong nội bộ và dư luận xã hội trước những sự kiện quan trọng của đất nước, của địa phương. Nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng. Triển khai và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, khoá XII về xây dựng và chính đốn Đảng gắn với việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW, Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về *Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, góp phần ngăn chặn và hạn chế tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong một bộ phận cán bộ, đảng viên của Đảng bộ.

Tổ chức bộ máy các cơ quan trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn. Các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ; chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị. Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, từng bước siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong Đảng.

Hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp tiếp tục được đổi mới theo nguyên tắc tập trung dân chủ; quản lý, chỉ đạo, điều hành được tăng cường và có hiệu lực, hiệu quả. Công tác cải cách hành chính được chú trọng, gắn với quá trình thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tích cực thực hành tiết kiệm; phòng chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông và trung tâm phục vụ hành chính công; nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức.

Vai trò của công tác dân vận và Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ngày càng được khẳng định, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả. Đặc biệt là việc tham gia huy động các nguồn lực, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Những kết quả đạt được trong 10 năm qua bắt nguồn sự nghiệp đổi mới của Đảng giành được những thắng lợi to lớn, làm cho vị thế của đất nước ngày càng nâng cao trên trường quốc tế; những cơ chế, chính sách mới ngày càng hoàn thiện, cùng với sự quan tâm lãnh đạo của Trung ương Đảng, sự giúp đỡ của Chính phủ và các bộ, ban, ngành Trung ương, tỉnh, thành bạn. Đối với Đảng bộ tỉnh, qua hai nhiệm kỳ Đại hội, luôn bám sát các chủ trương, nghị quyết của Trung ương để vận dụng sáng tạo vào điều kiện của địa phương, động viên tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực tự cường, vượt qua mọi khó khăn thách thức, nêu cao quyết tâm của toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân tham gia vào thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các phong trào thi đua yêu nước. Đồng thời, Đảng bộ còn thường xuyên đổi mới, nâng cao năng lực lãnh

đạo và điều hành, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trí tuệ của tập thể, trách nhiệm của cá nhân, sâu sát cơ sở, lắng nghe ý kiến của quần chúng nhân dân, khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của địa phương, huy động tốt mọi nguồn lực tạo thành sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trong 10 năm qua, tỉnh cũng bộc lộ những hạn chế, yếu kém: Kinh tế tăng trưởng khá cao nhưng chưa bền vững và chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; quy mô nền kinh tế vẫn còn nhỏ, sức cạnh tranh thấp; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhiều dự án, công trình triển khai chậm (Khu Kinh tế Định An, Khu công nghiệp Cầu Quan, Cổ Chiên...); chưa có các biện pháp quyết liệt, đủ mạnh để thu hút các dự án đầu tư có số vốn lớn, tạo ra bước đột phá cho tăng trưởng. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động còn chậm. Trên lĩnh vực văn hoá - xã hội, cơ sở vật chất, trang thiết bị ở một số đơn vị ngành giáo dục đào tạo, y tế, các thiết chế văn hoá,... vẫn còn thiếu và xuống cấp, nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn chưa đáp ứng yêu cầu cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá nền kinh tế của tỉnh. Tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông vẫn còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Công tác phối hợp giữa các lực lượng, cơ quan chức năng trong việc nắm tình hình, xử lý các vấn đề an ninh, trật tự ở cơ sở có vụ chưa kịp thời.

Về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, ở một số cấp ủy chưa thật sự coi trọng đổi mới phong cách, lề lối làm việc; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Thực hiện tự phê bình và phê bình, đấu tranh với tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", trong nội bộ Đảng theo Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, khoá XII gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, chưa trở thành thường xuyên, tự giác. Cơ cấu lại

đội ngũ cán bộ, công chức gắn với việc làm còn hạn chế, chất lượng hoạt động tuy có nâng lên nhưng còn chậm. Công tác phối hợp trong nhiệm vụ kiểm tra, giám sát có mặt chưa cao; hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền có nơi còn yếu kém. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội ở một số đơn vị, địa phương chưa rõ nét, một số phong trào còn mang tính hình thức; thực hiện chức năng giám sát, tư vấn và phản biện xã hội còn một số hạn chế.